

**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN CAMPUCHIA**

Số: 01/NQ-EVC-DHDCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do -Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2008

**NGHỊ QUYẾT
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần EVN Campuchia**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần EVN Campuchia được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/9/2007;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông ngày 16/4/2008;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua nội dung Báo cáo hoạt động năm 2007 và nhiệm vụ năm 2008 của Hội đồng quản trị.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban năm 2007 và kế hoạch năm 2008

Điều 4: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2007, với các nội dung:

- Các dự án thủy điện Hạ Sê San 1, Hạ Sê San 2 đã được triển khai đúng tiến độ, khối lượng-giá trị thực hiện theo đúng kế hoạch đăng ký;

- Phương án đầu nối các nhà máy thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 vào hệ thống điện đã hoàn thành hồ sơ và đã được Bộ Công nghiệp, Năng lượng và Mỏ của Campuchia thông qua là cơ sở triển khai nghiên cứu lập Dự án đầu tư/Báo cáo nghiên cứu khả thi;

Điều 5: Thông qua kế hoạch năm 2008:

5.1. Về tiến độ triển khai các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ:

- Hoàn thành trình và hoàn tất thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2;

- Hoàn thành và trình Chính phủ Việt Nam hồ sơ Dự án đầu tư để xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài;

- Hoàn thành và trình Chính phủ Campuchia hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi để quyết định và cấp phép đầu tư;

- Triển khai khảo sát lập Thiết kế kỹ thuật các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 trong mùa khô năm 2008-09;

5.2. Mở rộng đầu tư các dự án nguồn và lưới điện tại Campuchia, Lào và khu vực:

Xúc tiến nghiên cứu, lựa chọn một số dự án có tính khả thi cao để ký Biên bản ghi nhớ, triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư;

5.3. Kế hoạch vốn năm 2008: 190,57 tỷ đồng

Trong đó:

- Công tác đầu tư xây dựng 69,89 tỷ đồng
- Mở rộng đầu thêm các dự án tại Lào và Campuchia 16,00 tỷ đồng
- Công việc khác
 - + Chi phí mua đất, thi tuyển kiến trúc, thiết kế, tổ chức đầu thầu xây lắp Trụ sở Công ty 80,00 tỷ đồng
 - + Góp vốn thành lập các Công ty con thành viên 3,80 tỷ đồng
- Chi phí hoạt động và quản lý dự án 20,89 tỷ đồng

Điều 6: Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2008:

	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	32.300.000	387.600.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.200.000	115.200.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	2.900.000	34.800.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	2.200.000	52.800.000

Tổng cộng 590.400.000

** Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc được nhận lương ở quỹ lương Ban Điều hành để tránh trả lương/thù lao hai lần.*

Điều 7: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh: Bổ sung mới ngành nghề vào Điều 3 Điều lệ Công ty:

- Xây dựng, vận hành các công trình điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có công trình);

- Khai thác lâm nghiệp, khai thác mỏ trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án);



- Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án);

- Sản xuất, truyền tải và mua bán điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật của nước có dự án);

- Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng;

- Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện;

- Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng trong và ngoài nước (theo quy định của nước có dự án);

- Giám sát thi công xây dựng-hoàn thiện công trình thủy điện đến cấp I;

Điều 8: Thông qua việc thôi không góp vốn của cổ đông sáng lập Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương và thống nhất thông qua việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhận trách nhiệm góp phần vốn mà cổ đông Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin thôi không góp.

Điều 9: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký; Cổ đông Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Campuchia chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tuyển



Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2008

BIÊN BẢN

Kết quả kiểm phiếu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008

(Lấy ý kiến bằng văn bản)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần EVN Campuchia được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/9/2007;
- Căn cứ Thư lấy ý kiến cổ đông theo Thông báo số 40/TB-EVC-HDQT, ngày 29/3/2008 về các nội dung: Báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; Báo cáo hoạt động năm 2007 và nhiệm vụ năm 2008 của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban năm 2007 và kế hoạch năm 2008; Báo cáo tổng thù lao năm 2007 và thù lao năm 2008 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; Tờ trình về việc bổ sung danh mục ngành nghề của Hội đồng quản trị; Tờ trình về việc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin thôi không góp vốn và Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhận trách nhiệm góp phần vốn mà Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin thôi;

Vào hồi 8h30, ngày 16 tháng 4 năm 2008, tại trụ sở Công ty CP EVN Campuchia, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty đã tiến hành kiểm phiếu kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các vấn đề cần được Đại hội đồng cổ đông thường niên (năm 2008) thông qua, cụ thể quá trình kiểm phiếu như sau:

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã nhất trí bầu Ban Kiểm phiếu gồm các ông:

1. Nguyễn Thành Huân
2. Nguyễn Nam Thắng
3. Nguyễn Hoàng Hải
4. Đồng Quốc Cường

Ban Kiểm phiếu đã bắt đầu làm việc, tổ chức kiểm phiếu với kết quả như sau:

Tổng số phiếu lấy ý kiến phát ra: 20 phiếu;

Tổng số phiếu thu về: 15 phiếu.

Các phiếu đến thời điểm kiểm phiếu chưa nhận được coi như là đồng ý theo nội dung của Thư lấy ý kiến cổ đông theo Thông báo số 40/TB-EVC-HDQT, ngày 29/3/2008.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

1. Thông qua nội dung Báo cáo hoạt động năm 2007 và nhiệm vụ năm 2008 của Hội đồng quản trị:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Ô. Đào Hiếu thống nhất nhưng lưu ý không đầu tư sang Mianma;

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban năm 2007 và kế hoạch năm 2008:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

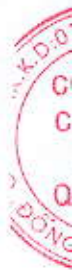
4. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2007:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Các đánh giá cụ thể như sau:

4.1. Các dự án thủy điện Hạ Sê San 1, Hạ Sê San 2 đã được triển khai đúng tiến độ, khối lượng-giá trị thực hiện theo đúng kế hoạch đăng ký;

4.2. Phương án đầu nối các nhà máy thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 vào hệ thống điện đã hoàn thành hồ sơ và đã được Bộ Công nghiệp, Năng lượng và Mỏ của Campuchia thông qua là cơ sở triển khai nghiên cứu lập Dự án đầu tư/Báo cáo nghiên cứu khả thi;



5. Thông qua kế hoạch năm 2008:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Ông Đào Hiếu thống nhất nhưng lưu ý hiệu chỉnh đảm bảo thống nhất giữa mục tiêu và kế hoạch vốn;

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

5.1. Về tiến độ triển khai các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2

- Hoàn thành trình và hoàn tất thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2;
- Hoàn thành và trình Chính phủ Việt Nam hồ sơ Dự án đầu tư để xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài;
- Hoàn thành và trình Chính phủ Campuchia hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi để quyết định và cấp phép đầu tư;
- Triển khai khảo sát lập Thiết kế kỹ thuật các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 trong mùa khô năm 2008-09;

5.2. Mở rộng đầu tư thêm các dự án thủy điện tại Lào và Campuchia:

- Xúc tiến nghiên cứu, lựa chọn một số dự án có tính khả thi cao để ký Biên bản ghi nhớ, triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư;

5.3. Kế hoạch vốn năm 2008: 190,57 tỷ đồng

Trong đó:

- | | |
|---|---------------|
| - Công tác đầu tư xây dựng | 69,89 tỷ đồng |
| - Mở rộng đầu tư thêm các dự án tại Lào và Campuchia | 16,00 tỷ đồng |
| - Công việc khác | |
| + Chi phí mua đất, thi tuyển kiến trúc, thiết kế, tổ chức đấu thầu xây lắp Trụ sở Công ty | 80,00 tỷ đồng |
| + Góp vốn thành lập các Công ty con thành viên | 3,80 tỷ đồng |
| - Chi phí hoạt động và quản lý dự án | 20,89 tỷ đồng |

6. Thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2008:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Mức thù lao HĐQT & BKS cho năm tài chính 2008 là 589.200.000 đồng (Năm trăm tám chín triệu hai trăm nghìn đồng), chi tiết cụ thể như sau:

	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	32.200.000	386.400.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.200.000	115.200.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	2.900.000	34.800.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	2.200.000	52.800.000

Tổng cộng 589.200.000

Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc hưởng lương từ Quỹ tiền lương Ban Điều hành, không hưởng thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm để tránh trả lương/thù lao hai lần.

7. Thông qua việc bổ sung mới ngành nghề kinh doanh vào Điều 3 Điều lệ Công ty:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Cụ thể bổ sung các ngành nghề hoạt động sau:

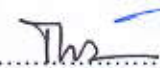
- Xây dựng, vận hành các công trình điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có công trình);
- Khai thác lâm nghiệp, khai thác mỏ trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án);
- Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án);
- Sản xuất, truyền tải và mua bán điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật của nước có dự án);
- Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng;
- Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện;
- Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng trong và ngoài nước (theo quy định của nước có dự án);
- Giám sát thi công xây dựng-hoàn thiện công trình thủy điện đến cấp I;

8. Thông qua việc thôi không góp vốn của cổ đông sáng lập Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương và thống nhất thông qua việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhận trách nhiệm góp phần vốn mà cổ đông Công ty TNHH MTV

TNHH MTV Điện lực Hải Dương và thống nhất thông qua việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhận trách nhiệm góp phần vốn mà cổ đông Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin thôi không góp:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

1. Ông Nguyễn Thành Huân.....
2. Ông Nguyễn Hoàng Hải.....
3. Ông Đồng Quốc Cường.....
4. Ông Nguyễn Nam Thắng.....



**MEMORANDUM OF UNDERSTANDING
NAM MO 1 HYDROPOWER PROJECT**

Between

**THE GOVERNMENT OF THE LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC
REPUBLIC**

And

EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Dated 04th March 2010

NAM MO 1 (NAM KAN) HYDROELECTRIC POWER PROJECT

MEMORANDUM OF UNDERSTANDING

This Memorandum of Understanding (MOU) is made on this day March 4, 2010, in Vientiane Lao PDR.

Between: The Government of the Lao People's Democratic Republic ("Lao PDR"), represented by the Ministry of Planning and Investment (MPI), hereinafter referred to as "GOL", as one Party,

And: EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY, a company incorporated and existing under the laws of Socialist Republic of Vietnam with its principal address at 78A-Duy Tan Street-Hai Chau District-Da Nang City-Vietnam, hereinafter referred to as "DEVELOPER" as the other Party.

WITNESSETH:

WHEREAS, GOL desires to develop the natural resources of Lao PDR for the benefit of the Lao People. The development envisaged by GOL includes the Nam Mo 1 (Nam Kan) Hydroelectric Power Project for producing and exporting electrical power to Viet Nam, as well as for domestic consumption;

WHEREAS, DEVELOPER, desires to develop the Nam Mo 1 (Nam Kan) Hydroelectric Power Project in cooperation with GOL;

WHEREAS, GOL and DEVELOPER now wish to record agreement on some project development issues and legally to obligate the parties to conduct good faith negotiations for the remaining issues set forth in this MOU.

NOW, THEREFORE, GOL and DEVELOPER agree as follows:

ARTICLE 1: DEFINITIONS

In this MOU the following capitalized words have the meanings specified below:

"Environmental Impact Assessment" ("EIA"),

"Social Impact Assessment" ("SIA") and

Health Impact Assessment means a definite study of the Project to determine the detailed financial, technical, social and environmental feasibility of the Project located at the Site.

"Feasibility Study" ("FS") means the study of technical and financial feasibility of the Project.

- “Build-Operate-Transfer (BOT)”** means a form of project financing, wherein a private entity receives a concession from the GOL to finance, design, construct, and operate a facility and transfer all asset to the GOL, without cost, after concession period.
- “Mandate Period”** has the meaning specified in Article 3.
- “GOL”** means the Government of Lao People Democratic Republic.
- “Parties”** mean collectively GOL and DEVELOPER and a Party means any of them as the context requires.
- “Project Development Agreement” (“PDA”)** means an agreement to be negotiated in good faith by GOL and DEVELOPER after confirmation of the feasibility of the Project and in accordance with Article 7.
- “Project Company”** means the company to be legally established in Lao PDR by the Parties for the development of the Project led by DEVELOPER.
- “Project”** means the development, implementation and operation of the Nam Mo 1 (Nam Kan) Hydroelectric Power Project on the basis of BOT to be located on the Site.
- “Site”** means those facility and work areas necessary for implementing and operating the Project, including, but not limited to, access roads, land for temporary facilities, sites for the power generating and transmitting facilities and right of ways, etc. The location of the project Site is attached as the Annex A.

ARTICLE 2: MANDATE

GOL hereby grants to DEVELOPER the sole mandate to exclusively to carry out all activities as specified in Article 5, if the Project is feasible in all aspect, the GOL further agree to grant to DEVELOPER to develop, implement and operate the Project on the basis of BOT in accordance with the terms and condition of the Concession Agreement.

ARTICLE 3: MANDATE PERIOD

This MOU shall be effective as of the date of its signature by GOL and DEVELOPER and shall remain valid and enforceable for a period of 18 (eighteen) months unless terminated on or before the expiry date in accordance with Article 12, and the validity period of the MOU may be extended for such further periods as the parties hereto may mutually agree. The DEVELOPER shall submit official request to GOL at least 45 (forty five) days before the expiration of the said term. Such extension shall be made in writing and signed by both parties hereto. For avoidance of doubt the DEVELOPER shall not be given any extension if it can not show the progress of work to the satisfaction of the GOL.




ARTICLE 4: BINDING NATURE OF THE MOU

For the avoidance of doubt the Parties intend to be legally bound by the provisions of this MOU.

ARTICLE 5: OBLIGATIONS OF DEVELOPER

During the Mandate Period DEVELOPER shall:

- (a) Carry out in a timely manner:
 - (i) a Feasibility Study (FS) in accordance with Lao Electric Power Technical standards and a guideline as per attachment in Annex "B";
 - (ii) Subject to the GOL's relevant laws and regulations, an Environmental Impact Assessment ("EIA") and a Social Impact Assessment ("SIA") in accordance with the Environmental Protection Law, Regulation on Environmental Impact Assessment, Decree on Compensation and Resettlement of People Affected by Development Projects of Lao PDR.to determine the financial, environmental and technical viability of the Project;
- (b) Submit the progress report quarterly according to the Annex "C" to the implementing and monitoring agency of the GOL;
- (c) Submit the draft-final FS, EIA and SIA to concern Authorities of GOL as specifies in Article 17 in hard copy and soft copy, not later than 45 (forty-five) days before the expiry of the Mandate Period;
- (d) Conduct necessary field investigations to determine the Site and to support the studies mentioned above;
- (e) Identify internationally reputable investor(s) or bank(s) to support DEVELOPER or form a consortium led by DEVELOPER for the financing, development, implementation and operation of the Project;
- (f) Provide assistance to GOL to arrange and source for a GOL target equity at least 25% (twenty five percent) of the total equity for the Project which shall be subject to the terms of the PDA and final confirmation by GOL prior to signing the shareholders' agreement;
- (g) As required or requested by DEVELOPER to implement this MOU, DEVELOPER shall cover the travel expenses of the Government officials that are directly related to such implementation and that have been pre-agreed in writing by DEVELOPER. Such travel expenses including the cost of transportation, accommodation, meals and reasonable out-of-pocket expenses, which shall be paid by DEVELOPER or the Project Company in accordance with the Annex "D" attached herewith;

- (h) Follow the working schedule provided in Annex "E" attached herewith, and shall commence works within 60 (sixty) days from the signing date of this MOU;
- (i) Prior to enter the Site, DEVELOPER shall inform GOL by written request within 10 (ten) days in advance. The GOL may appoint a representative to work with the DEVELOPER or its consultant at the Site; and
- (j) The DEVELOPER shall contribute to the implementing and monitoring agency of local Authority (Where the project located) amount 10,000 (ten thousand) US dollars for the project facilitation and monitoring purpose.

ARTICLE 6: OBLIGATIONS OF GOL

During the Mandate Period GOL shall:

- (a) Commit itself to participate in the development and implementation of the Project only in association with DEVELOPER. GOL warrants to DEVELOPER that GOL will not negotiate, consider or accept any other proposal or offer from the third party, apart from DEVELOPER, for the development and implementation of the Project during the period of this MOU;
- (b) Subject to Article 5.(i), Authorize access for DEVELOPER to the Site and provide authorizations and secure working conditions for DEVELOPER for field activities on the Site;
- (c) Assist DEVELOPER in obtaining visas, permits, approvals, licenses or authorizations from central, regional or local governments or communities in Lao PDR that may be necessary for the implementation of the mandate under this MOU. Provided that DEVELOPER has complied with Laws and regulations of Lao PDR;
- (d) Provide appropriate information, if available, to facilitate the FS, EIA and SIA and DEVELOPER shall pay for the information at reasonable rate; and
- (e) Under financial assistance from the DEVELOPER, the implementing and monitoring agency shall hold a meeting at the prpvince where the Project located to introduce the DEVELOPER and the Project to relevant authorities.

ARTICLE 7: OBLIGATION OF THE PARTIES TO NEGOTIATE IN GOOD FAITH

Provided the Project appears feasible according to Article 5(a), the Parties shall negotiate in good faith to conclude a PDA before the expiry of the Mandate Period. The PDA shall:

- (a) Confirm the terms of the exclusive mandate granted by GOL to DEVELOPER in order to enable the development and implementation of the Project on a build, operate and transfer



basis ("BOT") with a concession period of 30 (thirty) years inclusive construction period commencing from the signing date of the Concession Agreement to be entered into by and between GOL and the Project Company;

- (b) Confirm an agreement of the Parties to negotiate the necessary project documents in accordance with the principles agreed upon and set forth in the PDA in order to proceed to the financing, construction, operation and maintenance of the Project under the Project Company to be established by the Parties;
- (c) Confirm and allocate specific tasks and responsibilities to the respective Parties to enable the project documents to be signed and for financial close to take place in accordance with a timetable determined in the PDA;
- (d) The PDA shall comply with and be governed by the laws of Lao PDR;
- (e) The following principles shall apply in respect of the development and negotiations of the PDA and other project documents:
 - (i) GOL shall grant to DEVELOPER the right to negotiate with the potential power buyer(s) (including EDL as one of the potential power buyers) within the terms and scope of the Governments' MOU, such power purchase agreement for the supply of power by DEVELOPER or the Project Company to Power Buyer(s) shall be approved by GOL;
 - (ii) GOL shall agree to use all reasonable efforts to assist DEVELOPER in the negotiation and signing of a power purchase agreement (hereinafter referred to as the "PPA") with EDL and /or any potential buyer which meets the reasonable requirements of GOL and DEVELOPER;
 - (iii) GOL shall agree explicitly in the relevant project documents that it will ensure that the laws of Lao PDR will, at all times, allow for the financing, construction, operation and maintenance of the Project as contemplated by the project documents within the Project Development period ;
 - (iv) Project Company or DEVELOPER shall be entitled to open and operate bank accounts in the Lao PDR and offshore bank accounts and to repatriate capital, revenues and dividends from Lao PDR in accordance with Laws of Lao PDR;
 - (v) Subject to the Law on the Promotion of Foreign Investment in the Lao PDR, GOL shall discuss and negotiate with DEVELOPER in relation to incentive as stipulated in such Law related to importation and implementation of the project under construction phase;
 - (vi) The project documents are to contain provisions giving preference to Lao national labors, contractors and suppliers in accordance with the Laws of Lao PDR;

- (vii) DEVELOPER or Project Company shall agree to pay royalties and income taxes as the Parties may agree thereto;
- (viii) The Parties shall agree that the Project Company shall be available over the concession period to provide energy to local needs of the Lao PDR at least 10% of the total generation at a tariff level to be negotiated in good faith; and
- (ix) Two years before expiration of the concession period the project company agrees to complete a major overhaul the power plant to make sure the whole power plant is in good condition. The detail and form of guarantee will be elaborated in the PDA or Concession Agreement.

ARTICLE 8: COSTS AND EXPENSES

The Parties agree that all costs and expenses incurred by each of the Parties in the performance of this MOU will be borne by the Party incurring the same. Neither of the Parties is authorized to incur any costs or expenses on behalf of the other.

Notwithstanding the foregoing, provided the Project appears feasible and enter into implementation, the costs and expenses incurred by DEVELOPER according to Article 5(a) and (g), after being audited and acknowledged by the GOL, shall be incorporated in the Project Cost. When the Project Company is established, such costs and expenses shall be applied as part of the capital contribution by DEVELOPER into the Project Company. In case the Project appears finally infeasible, all costs and expenses shall be borne by DEVELOPER.

DEVELOPER acknowledges that GOL had incurred some cost in the previous study and agrees to incorporate such cost into the Project cost. The cost will be considered as development cost of the Project incurred by GOL and will be converted to GOL's share in the Project Company. For avoidance of doubt such cost will be agreed by both parties.

ARTICLE 9: RIGHT TO DOCUMENTS

The FS, EIA and SIA shall remain the property of DEVELOPER unless and until the costs for the FS, EIA and SIA are applied as part of the capital contribution by DEVELOPER into the Project Company, and after such capital contribution the FS, EIA and SIA shall become the property of the Project Company. In case of termination of the MOU the GOL shall have the right to use the information achieved by the MOU Studies at no costs.

ARTICLE 10: CONFIDENTIALITY

The MOU and all information disclosed or furnished by one Party to the other in connection with the MOU shall be deemed to be confidential information during the Mandate Period and 2 (two) months after the expiry of the Mandate Period or the termination of the MOU. This information shall not be disclosed or furnished to any third party except when appropriate for the purpose of development and implementation of the Project. The receiving party shall protect the information with the same confidentiality as applies to the Parties.

ARTICLE 11: ASSIGNMENT

Neither Party shall assign or transfer the benefit of this MOU to any third party without the prior written consent of the other Party.

ARTICLE 12: TERMINATION

- (a) This MOU shall terminate upon the first occurrence of the following events:
 - (i) A Party's failure to perform its obligations under this MOU amounts to a fundamental breach of contract and the Party fails to rectify such breach within 60 (sixty) days after having received a written notice of termination from the other Party.
 - (ii) The expiry of the Mandate Period.
 - (iii) Replacement of this MOU by the PDA.
 - (iv) Unfulfilled of obligation as stipulated in the article 5 of MOU.
- (b) If the Project according to the FS, SIA and/or EIA is finalized to be infeasible, either Party may terminate this MOU by at least 60 (sixty) days notice of termination to the other Party.

ARTICLE 13: GOVERNING LAW

This MOU shall be governed by the laws of Lao PDR.

ARTICLE 14: DISPUTE RESOLUTION

Any dispute arising out of or in connection with this MOU, which can not be mediated by the parties amicably shall be submitted to the Economic Dispute Resolution Committee for arbitration in Vientiane Capital, Lao PDR.

ARTICLE 15: LANGUAGE

This MOU is made in Lao and English in two original documents of each version having the same contents and effectiveness. In the case of discrepancies the English version shall prevail.

ARTICLE 16: IMPLEMENTING AND MONITORING BODY

The Parties agree that the Ministry of Planning and Investment (MPI), represents and acts on behalf of the Government of Lao PDR in signing and entering into this MOU. The Ministry of





Energy and Mines through the Department of Energy Promotion and Development is the implementing and monitoring agency in exercising the GOL's rights and performing the obligations of GOL as contemplated in this MOU.

ARTICLE 17: NOTICES

To the GOL:

Any default notice, extension of the Mandate Period or termination notice shall be sent to the address below:

Ministry of Planning and Investment
Investment Promotion Department
Souphanouvong Rd,
Vientiane 01001, Lao P.D.R
Telephone: (856-21) 217002, 222689.
Facsimile: (856-21) 215491

Any request, report or other communication under this MOU shall be given to the addresses specified below:

The Ministry of Energy and Mines
Department of Energy Promotion and Development
Nong Bone Road,
Vientiane, Lao PDR
Telephone: (856-21) 452539, 415268.
Facsimile: (856-21) 415626

To the DEVELOPER:

EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY
78A-Duy Tan Street-Hai Chau District
Da Nang City-Vietnam
Telephone: 84-511 222 6800
Facsimile: 84-511 363 3991

This space is international left blank

IN WITNESS WHEREOF, the Parties hereto have caused their duly authorized representatives to execute this Agreement on the date first mentioned above:

**SIGNED FOR AND ON BEHALF OF
GOVERNMENT OF LAO PDR:**

BY:



**NAME: Mr. Thongmy PHOMVIXAY
TITLE: Vice Minister
Ministry of Planning and Investment**

**SIGNED FOR AND ON BEHALF OF
EVN INTERNATIONAL
JOINT STOCK COMPANY:**

BY:



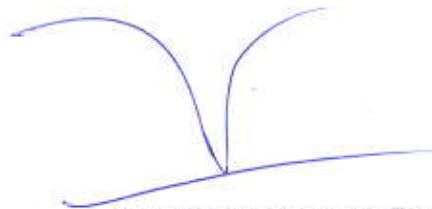
**NAME: Mr. Nguyen Thanh Huan
TITLE: General Director
EVN International JSC**

WITNESS BY:



**NAME: Mr. Xaypaseuth PHOMSOUHA
TITLE: Director General
Department of Energy Promotion
and Development
Ministry of Energy and Mines**

WITNESS BY:



**NAME: Mr. Nguyen Duc Tuyen
TITLE: Chairman
EVN International JSC**



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức:

Vào lúc: 08h30' ngày 15/04/2010.

Địa điểm: Hội trường Công ty, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 112.291.334 cổ phần, chiếm 93,18 % tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2009, kế hoạch hoạt động năm 2010 và việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 với các nội dung như trong báo cáo số 01/BC-EVNI-BKS ngày 31/03/2010 của Ban Kiểm soát.

3. Thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010.

4. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2009 và kế hoạch năm 2010, trong đó có kế hoạch triển khai 03 dự án mới, với các nội dung chính như tại báo cáo số 47/BC-EVN-KH ngày 29/3/2010 của Tổng giám đốc.

Liên quan đến một số ý kiến của cổ đông đề nghị làm rõ: (i) Giao cho Ban điều hành rà soát, hiệu chỉnh lại cho phù hợp trình HĐQT; (ii) Ủy quyền cho HĐQT xem xét đề ban hành.

5. Thông qua “Định hướng phát triển Công ty” cho từng giai đoạn từ 2010-2015, 2016-2020 và 2021-2030 với các nội dung cơ bản như trong tờ trình số 10/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010 của Hội đồng quản trị.



Giao cho HĐQT cập nhật, hiệu chỉnh các nội dung thay đổi trình Đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

6. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2010 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.800.000	136.800.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	Tổng cộng:	-		703.440.000

(*) Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc được nhận lương ở quỹ lương Ban Điều hành để tránh trả lương/thù lao hai lần.

7. Thông qua phương án cơ cấu lại cổ đông Công ty, cụ thể:

7.1. Thông qua việc xin dừng không tiếp tục tham gia góp vốn của các cổ đông pháp nhân và cổ đông thể nhân, với số liệu được chốt đến ngày 30/01/2010;

7.2. Chấp thuận việc: (i) Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tham gia góp vốn pháp nhân với mức góp là 10% vốn điều lệ tương đương 240 tỷ đồng; (ii) Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tham gia góp vốn pháp nhân vào EVN International với giá trị là 120 tỷ đồng, tương đương với 5% vốn điều lệ; (iii) Công ty cổ phần TVXD điện 4 tham gia góp vốn pháp nhân vào EVN International với số tiền là: 2 tỷ đồng, tương đương với 0,083% vốn điều lệ; (iv) Thẻ nhân đảm nhận góp thêm với giá trị là 36 tỷ đồng, tương đương với 1,5% vốn điều lệ;

7.3. Liên quan đến giá trị vốn từ chối góp còn lại 797,253 tỷ đồng, tương ứng với 33,22% vốn điều lệ: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị làm việc và quyết định việc mời Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các nhà đầu tư khác tham gia để đảm nhận góp đủ số vốn còn lại mà các cổ đông từ chối góp.

Đối với các cổ đông mới: áp dụng mệnh giá 10.000đồng/cổ phần (mười ngàn đồng) và tiến độ góp vốn theo tiến độ của cổ đông sáng lập.

8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, cụ thể:

Sửa đổi Điểm 1 Khoản 3 Điều 26 về Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

Điều lệ hiện nay:

“Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị dưới mười (10) tỷ đồng”

Đề nghị sửa lại là:

“Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị không quá 5% (năm phần trăm) vốn thực góp của Công ty tại thời điểm quyết định”

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được đại biểu cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 11 giờ 05' cùng ngày.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI


Nguyễn Văn Tình

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI




Nguyễn Đức Tuyên



Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2010

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Trụ sở chính: Tầng 3 toà nhà EVN-Land Central số 78A Duy Tân-phường Hoà Thuận Đông-quận Hải Châu-thành phố Đà Nẵng.
- Giấy CN ĐKKD số: 3203002232 do Sở KH và ĐT TP.Đà Nẵng cấp.

I. Thời gian và địa điểm:

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.

- Vào lúc: 08h30' ngày 15/04/2010.
- Địa điểm: Hội trường EVN International, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng kèm theo).
- Khách mời tham dự Đại hội.

III. Nội dung Đại hội:

Cổ đông góp ý, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán;
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và đề xuất việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2010;
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo kết quả thực hiện năm 2009 và kế hoạch năm 2010 (trong đó có kế hoạch triển khai 03 dự án mới);
5. Định hướng phát triển Công ty;
6. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010;

7. Phương án cơ cấu lại cổ đông Công ty;
8. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

IV. Diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội

1. Tuyên bố lý do Đại hội.
2. Giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội, gồm có:
 - a. Đại biểu: Đại diện các Ban TC&NS, KH, TCKT, KS, TH-HDQT EVN.
 - b. Cổ đông và đại diện cổ đông tham gia.
3. Ông Hoàng Xuân Quý thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:
 - + Tổng số cổ đông của Công ty: gồm 18 cổ đông pháp nhân và các cổ đông thể nhân khác;
 - + Tổng số cổ đông triệu tập Đại hội: 18 cổ đông pháp nhân với 115.440.000 cổ phần và 1.787 cổ đông thể nhân với 5.070.300 cổ phần;
 - + Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 14 cổ đông pháp nhân và 54 cổ đông thể nhân đại diện cho 112.291.334 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 93,18 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(Kèm biên bản kiểm tra tư cách cổ đông)

Căn cứ Điều 19 Điều lệ của Công ty với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

4. Ông Nguyễn Thành Huân-Thay mặt Ban tổ chức:
 - Thông qua thể lệ biểu quyết tại Đại hội *(có qui định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty cổ phần EVN Quốc tế kèm theo)*.

Đại hội biểu quyết thông qua thể lệ biểu quyết với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

- Giới thiệu đề biểu quyết thông qua danh sách Chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%, gồm:

- a. Chủ trì Đại hội:

- Ông Nguyễn Đức Tuyên – Chủ tịch HĐQT Công ty

b. Thư ký Đại hội:

- Ông Nguyễn Văn Tình

c. Ban Kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Hoàng Hải

- Ông Nguyễn Đình Chi

- Ông Lê Thanh Khoa

- Ban tổ chức giới thiệu Chủ tịch HĐQT lên chủ trì Đại hội và Thư ký Đại hội lên làm việc.

B. Tiến hành Đại hội: Chủ tịch HĐQT điều hành Đại hội.

B.1. Ông Nguyễn Đức Tuyên-Chủ tịch HĐQT: thông qua chương trình Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

B.2. Các nội dung chính tại Đại hội:

1. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Thành Huân- Tổng Giám đốc trình bày về báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán.

Về ý kiến của Kiểm toán liên quan đến việc Công ty hiện đang hạch toán các chi phí quản lý dự án vào khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”: Vấn đề này đã được Ban điều hành giải thích trong Thư quản lý và cũng đã được Ban Kiểm soát thống nhất tại Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2009.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2. Thay mặt Ban kiểm soát Công ty, Ông Nguyễn Hoàng Hải- Trưởng Ban kiểm soát, báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2009, kế hoạch hoạt động năm 2010 và đề xuất việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2010 (tại báo cáo số 01/BC-EVNI-BKS ngày 31/03/2010).

Thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã có giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến của Ban kiểm soát đối với HĐQT và Ban điều hành trước Đại hội.

2.1. Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2009 và kế hoạch hoạt động năm 2010:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2.2. Liên quan đến việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2010, Đại hội biểu quyết thông qua phương án: (i) giao Ban điều hành có kế hoạch mời các công ty kiểm toán độc lập gửi thư chào trong nửa đầu năm 2010 để Ban Kiểm soát có cơ sở so sánh và chọn lựa trên cơ sở hợp lý, tiết kiệm; (ii) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2010 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

3. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyên- Chủ tịch HĐQT, báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010 (tại báo cáo số 09/BC-EVNI-HQĐT ngày 29/03/2010).

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

4. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Thành Huân- Tổng Giám đốc báo cáo kết quả thực hiện năm 2009 và kế hoạch năm 2010, trong đó có kế hoạch triển khai 03 dự án mới (tại báo cáo số 47/BC-EVNI-KH ngày 29/03/2010).

Sau khi nghe báo cáo, một số cổ đông có ý kiến sau: đa số ý kiến thống nhất với báo cáo do Tổng giám đốc trình trước Đại hội; tuy nhiên, có một số ý kiến đề nghị làm rõ như: kế hoạch huy động vốn tự có, vốn vay; liên quan đến một số chi phí; vốn đầu tư lớn nên cần xem xét để có kế hoạch triển khai các

dự án theo hướng ưu tiên đầu tư một hai dự án, không đầu tư dàn trải; tìm kiếm cơ hội đầu tư thêm các dự án thủy điện có hiệu quả ở Lào, Campuchia; xúc tiến để triển khai các dự án mới; một số ý kiến chia sẻ về những áp lực đối với Ban điều hành liên quan đến hiệu quả dự án và công tác thu xếp vốn,...

Thay mặt Ban điều hành, Tổng giám đốc đã có giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến của cổ đông trước Đại hội.

Thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT giải trình bổ sung thêm trước Đại hội liên quan đến một số ý kiến của cổ đông.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2009 và kế hoạch năm 2010, trong đó có kế hoạch triển khai 03 dự án mới, với các nội dung chính như trong báo cáo. Liên quan đến một số ý kiến của cổ đông đề nghị làm rõ: (i) Giao cho Ban điều hành rà soát, hiệu chỉnh lại cho phù hợp trình HĐQT; (ii) Ủy quyền cho HĐQT xem xét đề ban hành:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

5. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình về việc thông qua định hướng phát triển Công ty (tại tờ trình số 10/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010), cụ thể:

Định hướng phát triển Công ty xây dựng cho các giai đoạn từ 2010 ÷ 2015, 2016 ÷ 2020 và dự kiến từ 2021 ÷ 2030 theo hướng kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó ưu tiên: đầu tư thủy điện (Hạ Sê San 2-400MW, Hạ Sê San 1/Sê San 5-96MW và Sekong-148MW tại Campuchia; Nậm Mô 1-72MW tại Lào và một số dự án khác) và các loại hình dịch vụ phù hợp, phụ trợ cho phát triển thủy điện (xây lắp, quản lý vận hành, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, du lịch lòng hồ, kinh doanh dịch vụ,...); Mục tiêu chính là đẩy nhanh các thủ tục, thu xếp đủ vốn để triển khai dự án Hạ Sê San 2 trong giai đoạn 2010 ÷ 2015, giai đoạn này chủ yếu sử dụng vốn góp của cổ đông và vốn vay; trong các giai đoạn sau, khi dự án Hạ Sê San 2 và một số dự án khác gổ đầu đưa vào vận hành sẽ sử dụng thêm một phần vốn khấu hao và lợi nhuận để lại để tái đầu tư cho các dự án khác.

Vốn đầu tư cho các giai đoạn như sau:

- Vốn đầu tư từ năm 2010 ÷ 2015 là: 14.952 tỷ đồng, trong đó vốn góp là: 4.112 tỷ đồng và vốn vay là: 10.841 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ năm 2016 ÷ 2020 là: 9.214 tỷ đồng, trong đó: vốn góp là 1.341 tỷ đồng, vốn vay là 6.738 tỷ đồng, vốn khấu hao và lợi nhuận để lại dự kiến: 1.135 tỷ đồng.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua “Định hướng phát triển Công ty” cho từng giai đoạn từ 2010-2015, 2016-2020 và 2021-2030 với các nội dung cơ bản như trong tờ trình số 10/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010 của Hội đồng quản trị. Giao cho HĐQT cập nhật, hiệu chỉnh các nội dung thay đổi trình Đại hội cổ đông thường niên hằng năm:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

6. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010 (tại tờ trình số 11/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010).

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao Năm 2010 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.800.000	136.800.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	Tổng cộng:			703.440.000

(*) Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc được nhận lương ở quỹ lương Ban Điều hành để tránh trả lương/thù lao hai lần.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

7. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Văn Tình- Thư ký Công ty đọc tờ trình của HĐQT về phương án cơ cấu lại cổ đông Công ty (tại tờ trình số 12/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010).

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua, cụ thể như sau:

7.1. Thông qua việc xin dừng không tiếp tục tham gia góp vốn của các cổ đông pháp nhân và cổ đông thể nhân, với số liệu được chốt đến ngày 30/01/2010 (có bảng kê kèm theo);

7.2. Chấp thuận việc: (i) Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tham gia góp vốn pháp nhân với mức góp là 10% vốn điều lệ tương đương 240 tỷ đồng; (ii) Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tham gia góp vốn pháp nhân vào EVN International với giá trị là 120 tỷ đồng, tương đương với 5% vốn điều lệ; (iii) Công ty cổ phần TVXD điện 4 tham gia góp vốn pháp nhân vào EVN International với số tiền là: 2 tỷ đồng, tương đương với 0,083% vốn điều lệ; (iv) Thẻ nhân đảm nhận góp thêm với giá trị là 36 tỷ đồng, tương đương với 1,5% vốn điều lệ;

7.3. Liên quan đến giá trị vốn từ chối góp còn lại 797,253 tỷ đồng, tương ứng với 33,22% vốn điều lệ: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị làm việc và quyết định việc mời Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các nhà đầu tư khác tham gia để đảm nhận góp đủ số vốn còn lại mà các cổ đông từ chối góp.

Đối với các cổ đông mới: áp dụng mệnh giá 10.000đồng/cổ phần (mười ngàn đồng) và tiến độ góp vốn theo tiến độ của cổ đông sáng lập.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

8. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (tại tờ trình số 13/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010), cụ thể:

Sửa đổi Điểm 1 Khoản 3 Điều 26 về Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

Điều lệ hiện nay:

“Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị dưới mười (10) tỷ đồng”

Đề nghị sửa lại là:

“Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị không quá 5% (năm phần trăm) vốn thực góp của Công ty tại thời điểm quyết định”

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

C. Thông qua Nghị quyết của Đại hội.

Thay mặt cho Thư ký Đại hội, Ông Nguyễn Văn Tinh đọc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 05 phút ngày 15 tháng 04 năm 2010.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010 CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI


Nguyễn Văn Tinh




Nguyễn Đức Tuyên

**BẢNG TỔNG HỢP 7 LỆ GÓP VỐN CỦA CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

DVT: Triệu đồng

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐĂNG KÝ GÓP VỐN		SỐ VỐN ĐÃ GÓP ĐẾN 30/09/2009		CAM KẾT GÓP VỐN ĐẾN 30/01/2010		SỐ VỐN CÁC ĐƠN VỊ KHÔNG GÓP		Ghi chú
		GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3-7	10=4-8	8
1	TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	822,000	34.25	51,145	2.13	822,000	34.25	0	0.00	
2	CÔNG TY TNHH MTV TCT ĐL DẦU KHÍ VN	144,000	6.00	28,800	1.20	28,800	1.20	115,200	4.80	Xin dừng
3	TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM	96,000	4.00	28,800	1.20	96,000	4.00	0	0.00	
4	TCT VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (VIETTEL)	72,000	3.00	14,400	0.60	14,400	0.60	57,600	2.40	Xin dừng
5	TCT CP XNK VÀ XD VIỆT NAM (VINACONEX)	24,000	1.00	24,000	1.00	24,000	1.00	0	0.00	Xin dừng
6	NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH	144,000	6.00	28,800	1.20	84,000	3.50	60,000	2.50	
7	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BẮC HÀ	24,000	1.00	6,000	0.25	24,000	1.00	0	0.00	
8	CÔNG TY ĐIỆN LỰC I	24,000	1.00	4,800	0.20	4,800	0.20	19,200	0.80	Xin dừng
9	CÔNG TY ĐIỆN LỰC II	24,000	1.00	4,800	0.20	4,800	0.20	19,200	0.80	Xin dừng
10	CÔNG TY ĐIỆN LỰC III	24,000	1.00	4,800	0.20	4,800	0.20	19,200	0.80	Xin dừng
11	CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH	24,000	1.00	7,200	0.30	7,200	0.30	16,800	0.70	Xin dừng
12	CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI	24,000	1.00	7,200	0.30	7,200	0.30	16,800	0.70	Xin dừng
13	CTY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG	12,000	0.50	2,400	0.10	2,400	0.10	9,600	0.40	Xin dừng
14	CTY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
15	CTY TNHH MTV ĐIỆN LỰC NINH BÌNH	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
16	CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
17	CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
18	CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
19	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH REE	120,000	5.00	0	-	0	0	120,000	5.00	Xin dừng
20	CÁC CỔ ĐÔNG THỂ NHÂN KHÁC	792,000	33.00	13,566	0.57	50,347	2.10	741,653	30.90	
	TỔNG CỘNG	2,400,000	100.00	235,711	9.82	1,204,747	50.20	1,195,253	49.80	

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2009
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2010**

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2009 và kế hoạch năm 2010:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2009

1. Đánh giá chung

Trong năm 2009, EVNI đã triển khai thực hiện các dự án cơ bản đảm bảo kế hoạch và tập trung vào các mục tiêu chính như: Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2, Chính phủ Campuchia thông qua chủ trương cho phép đàm phán đầu tư dự án; hoàn thành giải trình bổ sung hồ sơ xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài;

Hoàn thành hồ sơ và báo cáo giải trình bổ sung dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 vào Quy hoạch bậc thang sông Sê San. Hiện nay, đang chờ Bộ Công thương, Văn phòng Chính phủ xem xét bổ sung vào quy hoạch;

Hoàn thành phương án thiết kế bổ sung đường dây 220kV đấu nối Hạ Sê San 2 vào hệ thống điện Việt Nam trên cơ sở phía Campuchia mua 50% sản lượng điện và đã báo cáo phía Campuchia.

2. Tình hình thực hiện cụ thể các dự án

2.1. Dự án thủy điện Hạ Sê San 2

Trong năm 2009, EVNI tiếp tục làm việc và giải trình với các Bộ ngành hai nước về dự án đầu tư, các thủ tục cấp phép đầu tư, triển khai các hạng mục chuẩn bị khởi công theo nội dung KHĐT đợt 1 đã được HĐQT phê duyệt, cụ thể đã đạt được các kết quả như sau:

- Tại Campuchia: Công ty đã tổ chức báo cáo và giải trình tất cả các nội dung liên quan tới dự án cho các Bộ Môi trường, Kinh tế tài chính, MIME kết quả như sau:

- + Bộ Môi trường đã thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- + Bộ Kinh tế tài chính, Ủy ban liên Bộ thông qua quy trình công tác đền bù, di dân và tái định cư và thống nhất quy hoạch tổng thể tái định cư dự án;
- + Bộ MIME thông qua tuyến năng lượng dự án.
- + Đến nay Chính phủ Campuchia thông qua chủ trương cho phép EVNI phát triển dự án theo hình thức BOT. Bộ MIME có văn bản chính thức mua 50%

sản lượng điện của Nhà máy và có thư mời nộp Hồ sơ đề xuất, hiện EVNI đã nộp Hồ sơ đề xuất và các nội dung hợp đồng IA, LA, PPA và chuẩn bị đàm phán với Chính phủ Campuchia.

- Tại Việt Nam: Theo quy định của Luật đầu tư của Chính phủ Việt Nam, EVNI đã nộp Hồ sơ xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài lên Bộ Kế hoạch - Đầu tư và đã giải trình, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu và đang chờ Bộ KHĐT trình Chính phủ cấp phép đầu tư.

Triển khai Kế hoạch đầu thầu đợt 1 và các công việc chuẩn bị khởi công công trình, năm 2009 kết quả hoàn thành các nội dung như sau:

- Công tác khảo sát, Lập TKKT-TDT, HSMT công trình chính;
- Lựa chọn Nhà thầu thẩm tra TKKT, HSMT, ký hợp đồng và triển khai thực hiện;
- Công tác khảo sát, thiết kế đường vào các khu Tái định cư, đường vào công trường): Hoàn thành TKCS, TKBVTC, dự toán;
- Triển khai thực hiện Khảo sát, lập TKKT-TC, dự toán khu tái định cư, khu tái định canh;
- Triển khai Lập Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công khu nhà Điều hành sản xuất kết hợp quản lý vận hành, ký hợp đồng và triển khai thực hiện;
- Khảo sát, lập phương án kỹ thuật - thi công và dự toán rà phá bom mìn;
- Triển khai thực hiện Đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất và Đo vẽ giải thửa vùng lòng hồ;

Giá trị thực hiện kế hoạch: 134,270/138,215 tỷ đồng, đạt 97,15%.

2.2. Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5

Năm 2009 công ty đã hoàn thành các nội dung sau:

- BCNCKT/DAĐT và báo cáo Bộ MIME;
- Công tác cắm mốc đường viền lòng hồ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường phía Việt Nam theo ý kiến của Cục thẩm định - Bộ Tài Nguyên Môi Trường Việt Nam (Cơ quan được Bộ TNMT giao thẩm định báo cáo);
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường phần trên lãnh thổ Campuchia và tổ chức báo cáo Ủy ban tỉnh Ratanakiri;
- Lập Khung chính sách bồi thường hỗ trợ tái định cư, Ủy ban tỉnh Ratanakiri đã thống nhất và có văn bản trình Bộ MIME;
- Đã báo cáo giải trình để bổ sung dự án Hạ Sê San 1/Sê San 5 vào quy hoạch bậc thang sông Sê San, hiện đang chờ Bộ Công thương xem xét trình Chính phủ;

Giá trị thực hiện/Kế hoạch: 9,703/9,703 tỷ đồng, đạt 100%.

2.3. Dự án Đường dây đầu nối lưới điện truyền tải giữa dự án thủy điện Hạ Sê San 2, Hạ Sê San 1/Sê San 5

- Hoàn thành BCNCKT/DADT;
- Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) đã chính thức có ý kiến về tỷ lệ mua điện của phía Campuchia (EdC) là 50% sản lượng điện năng từ Nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2;
- EVNI đã tính toán bổ sung phương án thiết kế đường dây 220kV đầu nối nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vào hệ thống điện Việt Nam trên cơ sở phía Campuchia mua 50% sản lượng điện và đã báo cáo phía Campuchia. Dự án Đường dây đầu nối lưới điện truyền tải sẽ được thực hiện phù hợp với kết quả đàm phán về mua bán điện của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 với phía Campuchia.

Giá trị thực hiện/Kế hoạch: 4,478/4,478 tỷ đồng, đạt 100%.

2.4. Đề án kết nối lưới điện truyền tải giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

- Tư vấn hoàn thành Khảo sát, lập BCNCKT/DADT và đã nghiệm thu thanh toán cho Nhà thầu;

Giá trị thực hiện/Kế hoạch: 0,825/0,825 tỷ đồng, đạt 100%.

2.5. Nghiên cứu tiềm năng các dự án thủy điện trên sông Nậm É

Đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu đánh giá tiềm năng cụm dự án thủy điện trên sông Nậm É. Kết quả nghiên cứu cho thấy cụm dự án không có hiệu quả về mặt kinh tế tài chính. Cụ thể như sau:

Theo MOU ký kết, các dự án Nậm É 1, 2, 3 có tổng công suất 420MW, tuy nhiên qua nghiên cứu công suất chỉ đạt 210MW, nhưng tổng mức đầu tư không thay đổi. Trong 3 dự án, Nậm É 1 có hiệu quả nhất thì giá bán điện khoảng 9,5 cent/kWh dự án mới có tính khả thi.

Vấn đề này Công ty cũng đã báo cáo Bộ Công thương và Bộ Kế hoạch đầu tư Việt Nam đề kiến nghị đề xuất các dự án khác; đồng thời đã có văn bản báo cáo Chính phủ Lào về việc xin trả lại dự án và được Chính phủ Lào chấp thuận.

2.6. Dự án Nhà điều hành sản xuất kinh doanh Công ty

- Hoàn thành và nghiệm thu DADT;
- Công ty Sông Đà 207 có văn bản tham gia đầu tư (góp 30%TMĐT). Tuy nhiên, sau khi xem xét cho thấy phương án này không hiệu quả. Tiếp tục tìm kiếm các đối tác khác tham gia hợp tác đầu tư;
- Hoàn thành xây dựng hạng mục tường rào và lắp đặt pano quảng cáo công trình Nhà điều hành sản xuất kinh doanh Công ty;

Giá trị thực hiện/Kế hoạch: 0,882/0,882 tỷ đồng, đạt 100%.

2.7. Tìm kiếm các dự án mới: Trong năm qua ngoài triển khai các dự án theo kế hoạch, EVNI tiếp tục triển khai tìm kiếm một số dự án mới cụ thể như sau:

- **Tại Campuchia:** Qua thời gian nghiên cứu, ngày 09/12/2009, EVNI và MIME đã ký kết Biên bản ghi nhớ về việc triển khai nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện SeKong thuộc tỉnh Strung Treng, công suất dự kiến 150MW.

- **Tại Lào:**

+ Dự án thủy điện Nam Theun 1: Trong năm 2009 EVNI đã tiếp xúc, làm việc với Tập đoàn Gamuda để xem xét các thủ tục liên quan để chuyển giao dự án. Hiện nay, phía Gamuda đang hoàn thành thủ tục với phía Thái Lan và chuẩn bị đề xuất chương trình làm việc với Công ty từ tháng 4/2010. Dự án trước đây thỏa thuận bán điện cho phía Thái Lan, nay đang nghiên cứu để chuyển hướng bán điện cho phí Việt Nam.

+ Dự án thủy điện Nậm Mô 1: Năm 2009 EVNI Tổ chức làm việc với Chính phủ và Bộ Kế hoạch & Đầu tư Lào về việc đầu tư dự án; Tổ chức đi hiện trường và làm việc với Ủy ban, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Năng lượng & Mỏ tỉnh Xieng Khouang; Bộ KHĐT Việt Nam đã có ý kiến với Chính phủ Lào về dự án; Đã đăng ký dự án Nậm Mô 1 với Chính phủ Lào; Theo nội dung cuộc họp của Ủy Ban xúc tiến & Quản lý đầu tư Lào tháng 11/2009 và tháng 12/2009 đã thống nhất giao dự án thủy điện Nậm Mô 1 cho EVNI nghiên cứu phát triển đầu tư; EVNI đã thương thảo MOU với Bộ KHĐT Lào và MOU đã ký kết vào ngày 04/3/2010.

(báo cáo nghiên cứu các dự án theo phụ lục đính kèm)

3. Giá trị thực hiện kế hoạch năm 2009

Dvt: tỷ đồng

Stt	Danh mục công trình	Kế hoạch ĐTXD năm 2009	Lũy kế thực hiện 2009	Kết quả thực hiện so với KH năm	Giá trị giải ngân năm 2009	Tỷ lệ giải ngân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=4/3)	(6)	(7=6/4)
1	Dự án Hạ Sê San 2	138,215	134,270	97,15%	55,608	41,42%
2	Dự án Hạ Sê San 1/Sê San 5	9,073	9,073	100%	-	-
3	ĐZ đấu nối lưới điện truyền tải các nhà máy	4,478	4,478	100%	0,203	4,53%
4	Đề án kết nối lưới điện VN-Lào-CPC	0,825	0,825	100%	0,510	61,82%
5	Nghiên cứu các dự án trên sông Nậm Ét - Lào	3,241	3,241	100%	0,859	26,50%
6	Dự án Nhà ĐHSX, kinh doanh Công ty	0,882	0,882	100%	0,882	100%
	Tổng cộng:	156,717	152,771	97,48%	58,062	38,01%

II. KẾ HOẠCH 2010

1. Kế hoạch đầu tư xây dựng

Trên cơ sở các công việc đã thực hiện năm 2009, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010 EVNI sẽ tập trung: (i) Triển khai giai đoạn tiếp theo của các dự án thủy điện Hạ Sê San 2, Hạ Sê San 1/Sê San 5; (ii) Đầu tư 2 dự án mới: dự án thủy điện SeKong (đã ký MOU với MIME tháng 12/2009), dự án thủy điện Nậm Mô 1 (đã ký MOU với GOL tháng 03/2010); (iii) Đồng thời tiếp tục nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án khác tại Lào, Campuchia. Mục tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án cụ thể như sau:

1.1. Dự án thủy điện Hạ Sê San 2

- Hoàn thành xin cấp phép đầu tư cho dự án;
- Ký kết hợp đồng thực hiện dự án (IA), hợp đồng cho thuê (LA), hợp đồng mua bán điện (PPA) với phía Campuchia;
- Hoàn thành các nội dung công việc chuẩn bị cho khởi công công trình chính bao gồm: (i) TKBVTC đường thi công vận hành, đường vào khu tái định cư; (ii) Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2; (iii) Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC Khu tái định cư, tái định canh; (iv) Khảo sát, đánh giá trữ lượng lâm sản khu vực dự án; (v) Đo vẽ giải thửa vùng lòng hồ & Đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất;
- Hoàn chỉnh Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án theo kết quả báo cáo thẩm tra và tổ chức triển khai các gói thầu theo Kế hoạch đấu thầu tổng thể được duyệt;
- Tổ chức thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng các hạng mục theo tiến độ tổng thể các hạng mục ngay sau khi cấp phép đầu tư;
- Thi công một số hạng mục công trình tạm phục vụ công trình chính như: (i) Đường thi công vận hành; (ii) Đường vào khu tái định cư phục vụ khởi công và di dân đợt 1; (iii) Thi công rà phá bom mìn mặt bằng công trình chính, công trình phụ trợ, đường thi công vận hành, đường vào thôn Phluck; (iv) Thi công Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2 phục vụ quản lý thi công và vận hành nhà máy (giai đoạn 1);
- Đối với các gói thầu xây lắp công trình chính ((i) gói thầu Thi công đập đất; (ii) gói thầu Thi công đập tràn, đập dâng bê tông; (iii) gói thầu Thi công tuyển năng lượng): Hoàn thành các công tác chuẩn bị để phát hành HSMT lựa chọn Nhà thầu thi công;

- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010: 69,684 tỷ đồng.

Cụ thể tiến hành các công việc sau:

- Đôn đốc MIME thành lập Tổ công tác đàm phán dự án;
- Phối hợp cùng với các đơn vị PECCI, EVNFC, BIDV tham gia đàm phán hồ sơ đề xuất dự án, hợp đồng phát triển dự án (IA), hợp đồng cho thuê dự án (LA), hợp đồng mua bán điện (PPA) trong quý II/2010;

- Hoàn chỉnh báo cáo giải trình Bộ KH&ĐT, Văn phòng Chính phủ đề xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài cho dự án trong quý III/2010;

- Làm việc với IRC để thống nhất tiến độ triển khai tổ chức thực hiện đền bù, đơn giá đền bù trong quý II/2010;

- Hoàn thành & Phát hành HSMT, đánh giá lựa chọn Nhà thầu thi công một số hạng mục công trình tạm trong quý IV/2010;

1.2. Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5

- Báo cáo giải trình Bộ Công thương để hoàn thành xin phê duyệt bổ sung thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 vào Quy hoạch bậc thang sông Sê San trong quý II/2010;

- Hoàn tất các thủ tục trong quý II/2010 để Bộ Tài nguyên & Môi trường VN phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Tổ chức báo cáo các Bộ, ngành Campuchia trong tháng 06/2010 và giải trình hiệu chỉnh trong quý III/2010;

- Phối hợp cùng với MIME hoàn chỉnh báo cáo trình Chính phủ Campuchia để thông qua chủ trương cho phép đàm phán đầu tư dự án trong quý IV/2010;

- Nghiên cứu và báo cáo về phân chia nguồn lợi nước từ dự án.

1.3. Đường dây đầu nối lưới điện truyền tải từ Nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 về Việt Nam

- Hoàn chỉnh báo cáo phương án thống nhất phía Campuchia;

- Phối hợp với PECC3 báo cáo bổ sung và thống nhất với EVN phương án đầu nối dự án thủy điện Hạ Sê San 2 về Việt Nam trong quý II/2010;

- Tổ chức cùng với EVN báo cáo bổ sung Bộ Công thương về quy hoạch đầu nối dự án thủy điện Hạ Sê San 2 trong quý III/2010;

- Ký kết hợp đồng và triển khai Khảo sát, lập phương án đầu nối vào hệ thống điện Việt Nam trong quý IV/2010.

- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010: 0,500 tỷ đồng.

1.4. Các dự án mới ký MOU:

1.4.1 Dự án thủy điện SeKong

Theo MOU được ký kết giữa EVNI và MIME ngày 09/12/2009, thời gian nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện SeKong là 18 tháng. Dự kiến trong năm 2010, EVNI sẽ thực hiện các công việc sau:

- Hoàn thành công tác Khảo sát phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Hoàn thành báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ; Thu thập và điều tra tài nguyên khoáng sản lòng hồ;

- Đánh giá nguy hiểm động đất và xác định thông số động đất thiết kế;

- Điều tra sơ bộ thiệt hại và quy hoạch tổng thể tái định cư;

- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010: 8,284 tỷ đồng.

Cụ thể tiến hành các công việc sau:

- Phát hành HSMT, đánh giá lựa chọn Nhà thầu Tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án SeKong tháng 05/2010;
- Ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện tháng 06/2010;
- Hoàn thành BCNCTKT và báo cáo MIME tháng 12/2010.

1.4.2 Dự án thủy điện Nậm Mô 1

Dự án thủy điện Nậm Mô 1 đã được Chính phủ Lào (GOL) giao cho EVNI nghiên cứu đầu tư dự án thông qua ký kết MOU ngày 04/03/2010 và thời gian nghiên cứu là 18 tháng để đáp ứng yêu cầu tiến độ của GOL, trong năm 2010 EVNI sẽ thực hiện các công việc sau:

- Hoàn thành công tác Khảo sát phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- Đánh giá nguy hiểm động đất và xác định thông số động đất thiết kế;
- Hoàn thành đề cương, nhiệm vụ thực hiện công tác điều tra, đánh giá khoáng sản lòng hồ dự án;
- Điều tra sơ bộ thiệt hại và quy hoạch tổng thể tái định cư;
- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010: 6,351 tỷ đồng.

Cụ thể tiến hành các công việc sau:

- Phát hành HSMT, đánh giá lựa chọn Nhà thầu Tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án SeKong tháng 05/2010;
- Ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện tháng 06/2010;
- Hoàn thành BCNCTKT và báo cáo MPI tháng 12/2010.

1.5. Dự án Nhà điều hành sản xuất kinh doanh Công ty

- Tìm kiếm các đối tác tham gia đầu tư dự án;
- Chuẩn bị HSMT lựa chọn nhà thầu Tư vấn lập Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán.

2. Tổng hợp giá trị kế hoạch vốn năm 2010

Stt	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Kế hoạch vốn ĐTXD năm 2010	165.513.918.868	Phụ lục 1
1.1	Dự án thủy điện Hạ Sê San 2	137.391.434.683	
1.2	Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	2.551.530.248	
1.3	Đường dây đầu nối lưới điện truyền tải từ Nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 về Việt Nam	3.289.798.876	

Stt	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1.4	Dự án thủy điện SeKong	8.284.307.581	
1.5	Các dự án tại Lào (Nậm Mô 1, Nậm É, Nậm Công 2)	8.773.552.479	
1.6	Dự án Nhà điều hành sản xuất kinh doanh Công ty	223.295.000	
1.7	Xúc tiến đầu tư các dự án khác	5.000.000.000	
2	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	30.715.553.812	Phụ lục 2
2.1	Lương, BHXH, BHYT, các khoản phụ cấp khác	14.563.076.612	
2.2	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	16.152.477.200	
	Tổng cộng:	196.229.472.679	

(Có chi tiết kèm theo)

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2010

1. Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2

- Bám sát các Bộ ngành và Chính Phủ Campuchia trong quá trình đàm phán để hoàn thành mục tiêu cấp phép đầu tư cho dự án;
- Theo dõi, chủ động đưa dự án vào chương trình làm việc trong các cuộc họp giữa các Bộ ngành Chính phủ 2 nước nhằm hỗ trợ thúc đẩy nhanh tiến độ cấp phép cho dự án;
- Phối hợp chặt chẽ và đôn đốc các đơn vị Tư vấn trong từng bước triển khai dự án;
- Hoàn thành hồ sơ, các công tác chuẩn bị để triển khai ngay sau khi dự án được cấp phép;
- Thực hiện tốt công tác lựa chọn nhà thầu, rút ngắn thời gian lựa chọn nhà thầu thực hiện các hạng mục chuẩn bị xây dựng;
- Phối hợp với Ủy ban đền bù Campuchia, tỉnh Stung Treng để triển khai công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo tiến độ triển khai tổ chức thực hiện đền bù được duyệt, phục vụ thi công các hạng mục công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 2;
- Đôn đốc EVN thống nhất phương án thỏa thuận đầu nối dự án thủy điện Hạ Sê San 2 về Việt Nam;
- Chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng về thỏa thuận thu xếp vốn cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và hoàn thiện các điều kiện cho vay theo các yêu cầu cho vay của các tổ chức tín dụng;
- Nghiên cứu, tìm kiếm các cơ chế ưu đãi đối với Dự án để đề xuất với Chính phủ hai nước trong quá trình đàm phán, xin cấp phép;

- Tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm tham gia hợp tác dự án và hoàn thiện cơ cấu cổ đông Công ty;

2. Đối với các dự án khác

- Chủ động phối hợp với EVN để báo cáo giải trình Bộ Công thương, Văn phòng Chính phủ các vấn đề liên quan đến dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 để bổ sung dự án vào quy hoạch bậc thang sông Sê San;

- Đôn đốc các nhà thầu Tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ để báo cáo giải trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 khi có yêu cầu;

- Hoàn thành hồ sơ mời thầu và phương án triển khai dự án trong quý 2/2010 để tổ chức lựa chọn nhà thầu Tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho dự án thủy điện SeKong và Nậm Mô 1;

- Tìm kiếm các nhà đầu tư tham gia hợp tác các dự án;

3. Ngoài ra

- Hoàn thành nghiên cứu định hướng phát triển Công ty theo các giai đoạn 2010-2015, 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; mở rộng hoạt động kinh doanh theo hướng đa ngành nghề trên cơ sở phát triển bền vững;

- Đôn đốc các cổ đông pháp nhân góp vốn theo kế hoạch đã cam kết. Huy động nguồn vốn góp của các thể nhân theo đúng kế hoạch;

- Đào tạo, bồi dưỡng các nghiệp vụ chuyên môn cho Cán bộ, nhân viên trong Công ty. Tổ chức giao lưu, học hỏi kinh nghiệm về quản lý các dự án tương tự;

- Bổ sung kịp thời nhân lực cho các phòng ban chức năng theo từng giai đoạn phù hợp. Giải quyết tốt các chế độ, chính sách cho CBCNV;

- Cập nhật các quy định, chính sách pháp luật, trình tự thủ tục đầu tư của nước sở tại để kịp thời đưa ra các giải pháp khắc phục;

- Thực hiện việc quản lý điều hành theo đúng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2009 đã ban hành.

- Phát động phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch năm 2010;

Công ty cổ phần EVN Quốc tế xin được báo cáo./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Các phòng KT, MT, TCKT, HTQT;
- Lưu KH, TH.



Nguyễn Thành Huyền

PHỤ LỤC 1 - KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2010

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HD/TMBĐT, TĐT, ĐT (tr.đồng)	Lũy kế giá trị thực hiện từ đầu Đ.án	Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu Đ.án	Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2010						
						Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm		
										Trả nợ năm 2009	ĐTXD năm 2010	Tổng cộng
	Cơ cấu vốn 2010					39.316	37.796	50.662	32.739	75.694	89.820	165.514
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác		317.109	214.838		39.316	37.796	50.662	32.739	75.694	89.820	165.514
	Nguồn vốn					39.316	37.796	50.662	32.739	75.694	89.820	165.514
	Vốn tự có		317.109	214.838		39.316	37.796	50.662	32.739	75.694	89.820	165.514
	Vốn vay											
A	DỰ ÁN THUỶ ĐIỆN HẠ SÊ SAN 2 (400MW)					36.894	26.499	41.759	32.239	67.707	69.684	137.391
	Cơ cấu vốn 2010											
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác	635.040	191.301	105.470	516.620	36.894	26.499	41.759	32.239	67.707	69.684	137.391
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	635.040	191.301	105.470	516.620	36.894	26.499	41.759	32.239	67.707	69.684	137.391
	Vốn vay											
I	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCKTKT), Lập ĐAĐT (BCNCKT)	72.828	72.828	55.026	17.802			17.802		17.802		17.802
	Vận hành trạm thủy văn	1.830	1.144		1.830			1.830			1.830	1.830
II	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XD											
II.1	Công trình chuẩn bị thi công											
a	Thi công Đường thi công, vận hành, đường vào khu tái định cư	65.836	7.654	3.700	62.135		3.953		8.727	3.953	8.727	12.681
	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC	7.654	7.654	3.700	3.953		3.953			3.953		3.953
	Đường thi công vận hành (XL-01)	41.541			41.541				6.231		6.231	6.231
	Đường vào khu tái định cư Phum Phluek (XL-04A)	16.641			16.641				2.496		2.496	2.496
b	Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2	21.869	5.463		21.869	5.754		700	2.286	5.463	3.278	8.740
	Khảo sát, Lập TKCS, TKBVTC (TV-05)	1.167			1.167	292		700			992	992
	Thi công Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2 lô A (XL-03A)	15.240			15.240				2.286		2.286	2.286
	Thuê đất	5.463	5.463		5.463	5.463				5.463		5.463
c	Khu Tái định cư, tái định canh	16.335			16.335	2.325		5.899	3.819		12.043	12.043
	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC-DT khu Tái định cư, khu Tái định canh (TV-04A)	13.479			13.479	2.325		5.185	2.106		9.616	9.616
	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC-DT Hệ thống cung cấp điện cho khu Tái định cư (TV-04B)	2.856			2.856			714	1.713		2.427	2.427

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HĐ/TMBĐT, TDT, DT (tr.đồng)	Lũy kế giá trị thực hiện từ đầu Đ.án	Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu Đ.án	Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2010						
						Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm		
										Trả nợ năm 2009	ĐTXD năm 2010	Tổng cộng
d	Rà phá Bom mìn	962	962	241	722	722				722		722
	Khảo sát, lập phương án thi công	962	962	241	722	722				722		722
e	Đánh giá trữ lượng lâm sản khu vực dự án, vùng lòng hồ, khu tái định cư, định canh và thiết kế khai thác	7.240	5.068	5.068	2.172	2.172					2.172	2.172
	Khảo sát, đánh giá trữ lượng và thiết kế khai thác	7.240	5.068	5.068	2.172	2.172					2.172	2.172
f	Đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất	3.033	760	455	2.578			2.578			2.578	2.578
	Đo vẽ giải thửa vùng lòng hồ và đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất	3.033	760	455	2.578			2.578			2.578	2.578
II.2	Các công việc khác	445.106	97.422	40.980	391.176	25.921	22.546	12.950	17.406	39.767	39.055	78.823
a	Khảo sát giai đoạn TKKT - TDT, lập HSMT	94.156	94.156	38.888	55.268	22.868	16.899			39.767		39.767
b	Thăm tra TKKT, TDT, HSMT	4.352	1.174		4.352		4.352				4.352	4.352
c	Dịch vụ tư vấn hỗ trợ, chuẩn bị: (i) Hợp đồng thực hiện dự án (IA); (ii) Hợp đồng cho thuê (LA); (iii) Hợp đồng mua bán điện (PPA); (iv) Chuẩn bị các nội dung theo hồ sơ yêu cầu (RFP) của Bộ MIME để đàm phán với Tổ công tác CPC	5.088	740	740	4.348	3.053	1.295				4.348	4.348
d	Phí Bảo lãnh đầu tư phát triển dự án	12.950						12.950			12.950	12.950
e	Tổ chức thực hiện đền bù, GPMB	70.309			70.309				1.992		1.992	1.992
f	Đền bù, tái định cư	256.900			256.900				15.414		15.414	15.414
g	Lệ phí thăm tra EIA	15	15	15								
h	Kinh phí thăm tra kế hoạch TDC	285	285	285								
i	Kinh phí thực hiện tham vấn cộng đồng	88	88	88								
m	Mở rộng nghiên cứu đánh giá tác động tới thủy sản trong 1 năm để hoàn thành nghiên cứu đánh giá tác động môi trường	964	964	964								
B	DỰ ÁN THUY ĐIỆN HẠ SẾ SAN 1 (96MW)											
	Cơ cấu vốn 2010							2.552		2.552		2.552
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác	26.808	26.808	17.290	9.518			2.552		2.552		2.552
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	26.808	26.808	17.290	9.518			2.552		2.552		2.552
	Vốn vay											
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCTKT), Lập DADT (BCNCKT)	26.808	26.808	17.290	9.518			2.552		2.552		2.552
	Lập khung chính sách bồi thường, hỗ trợ và TDC							146		146		146
	Điều tra, đánh giá mức độ thiệt hại							206		206		206
	Quy hoạch tổng thể tái định cư							354		354		354
	Xây dựng trạm thủy văn							118		118		118

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HĐ/TMDT, TDT, DT (tr.đồng)	Lũy kế giá trị thực hiện từ đầu Dự án	Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu Dự án	Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2010						
						Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm		
										Trả nợ năm 2009	ĐTXD năm 2010	Tổng cộng
	Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường						1.728		1.728		1.728	
C	ĐƯỜNG DÂY ĐÀU NÓI LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI TỪ NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HẠ SÊ SAN 2 VỀ VIỆT NAM											
	Cơ cấu vốn 2010						2.790		500	2.790	500	3.290
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác	18.334	16.334	12.058	6.276		2.790		500	2.790	500	3.290
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	18.334	16.334	12.058	6.276		2.790		500	2.790	500	3.290
	Vốn vay											
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCKT), Lập DADT (BCNCKT)	16.334	16.334	12.058	4.276		2.790			2.790		2.790
	Khảo sát, nghiên cứu lập phương án đầu nối						680			680		680
	Giá trị giữ lại trên phiếu giá						875			875		875
	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường						1.235			1.235		1.235
II	LẬP PHƯƠNG ÁN ĐẦU NỐI VÀO HTĐ VIỆT NAM											
	Khảo sát, lập phương án đầu nối	2.000			2.000				500		500	500
D	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN SEKONG											
	Cơ cấu vốn 2010						8.284				8.284	8.284
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác	33.137			33.137		8.284				8.284	8.284
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	33.137			33.137		8.284				8.284	8.284
	Vốn vay											
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCKT), báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT)	33.137			33.137		8.284				8.284	8.284
	Khảo sát phục vụ lập dự án đầu tư	21.839			21.839		5.460				5.460	5.460
	Lập BCNCKT, BCNCKT	11.298			11.298		2.825				2.825	2.825
E	CÁC DỰ ÁN TẠI LÀO											
	Cơ cấu vốn 2010					2.422		6.351		2.422	6.351	8.774
	Xây lắp											
	Thiết bị											

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HĐ/TMĐT, TĐT, DT (tr.đồng)	Lũy kế giá trị thực hiện từ đầu Đ.án	Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu Đ.án	Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2010						
						Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm		
										Trả nợ năm 2009	ĐTXD năm 2010	Tổng cộng
	Khác	28.686	3.281	859	27.827	2.422		6.351		2.422	6.351	8.774
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	28.686	3.281	859	27.827	2.422		6.351		2.422	6.351	8.774
	Vốn vay											
I.	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM ẾT											
	Nghiên cứu tiềm năng các dự án thủy điện trên sông Nậm Ết	3.006	3.006	790	2.216	2.216				2.216		2.216
II.	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM CÔNG 2											
	Nghiên cứu tiềm năng dự án thủy điện Nậm Công 2	275	275	69	206	206				206		206
II.	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM MỎ 1											
II.1	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCTKT), báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT)	25.405			25.405			6.351			6.351	6.351
	Khảo sát phục vụ lập dự án đầu tư	16.743			16.743			4.186			4.186	4.186
	Lập BCNCTKT, BCNCKT	8.662			8.662			2.166			2.166	2.166
F	NHÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT, KINH DOANH CÔNG TY	78.600	78.600	78.377	223		223			223		223
1	Chi phí mua đất	77.055	77.055	77.055								
2	Nghiên cứu thị trường và nghiên cứu khả thi	256	256	256								
3	Khảo sát, lập dự án đầu tư	1.006	1.006	783	223		223			223		223
4	Xây dựng hàng rào	283	283	283								
G	ĐỀ ÁN KẾT NỐI LƯỚI ĐIỆN VIỆT NAM - LÀO - CAM PUCHIA	785	785	785								
H	XÚC TIẾN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN KHÁC										5.000	5.000

PHỤ LỤC 2 - CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2010

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
A	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
I	Lương, bảo hiểm, phụ cấp ...	14.563.076.612	
I.1	Lương và các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, bảo hiểm thất nghiệp...		
	- Lao động bình quân 67 người		
	- Tổng quỹ lương và các khoản phụ cấp (có chi tiết kèm theo)	11.077.074.328	
	- BHXH, BHYT, KPCĐ, bảo hiểm thất nghiệp: $(3,51 * 880.000đ/tháng * 67người * 12th) * 22\%$	546.685.323	
	- Quỹ khen thưởng 10%	1.107.707.433	
	- Phụ cấp ăn ca: $67người * 880.000 đ/tháng * 12th$	707.520.000	
	- Lương tháng 13	923.089.527	
I.2	Các chi phí khác		
	- Nước uống: $50.000đ/tháng * 67người * 12th$	40.200.000	
	- Tiền phụ cấp xăng xe: $200.000đ/tháng * 67người * 12th$	160.800.000	
II	Công tác phí	3.697.770.000	
	Phạm vi hoạt động, đi lại của Công ty: Campuchia, Lào, TP Hà Nội, TP.HCM, các tỉnh Tây Nguyên và một số tỉnh khác.		
II.1	Đi công tác Campuchia:		
	*Đi ngắn ngày: 7 người, 7 ngày, 1lần/tháng		
	- Tiền vé máy bay khứ hồi Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh: $1.200.000VND/1người * 7người * 12th * 2lượt$	201.600.000	
	- Tiền vé máy bay khứ hồi TP Hồ Chí Minh - Campuchia, lệ phí sân bay: $250USD/1người * 7người * 12th * 18.500đ/USD$	388.500.000	
	- Công tác phí: $40USD/người/ngày * 7người * 7ngày * 1lần/tháng * 12th * 18.500đ/USD$	435.120.000	
	*Đi dài ngày: 5 người, 30 ngày, 5lần/năm		
	- Tiền vé máy bay Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh: $1.200.000VND/1người * 5người * 5lần * 2lượt$	60.000.000	
	- Tiền xe từ TP Hồ Chí Minh - Campuchia: $12USD/1người * 2lượt * 5người * 5lần * 18.500đ/USD$	11.100.000	
	- Công tác phí: $10USD/người/ngày * 5người * 30ngày/lần * 5lần/năm * 18.500đ/USD$	138.750.000	
	*Đi công tác tại công trường: 15 người, 45 ngày, 4lần/năm		
	- Chi phí đi ô tô từ Đà Nẵng - Gia Lai - Đức Cơ - Công trình: $1.000.000 đ/người/lượt * 2lượt * 4lần/năm * 15người$	120.000.000	
	- Công tác phí: $10USD/người/ngày * 15người * 45ngày * 4lần/năm * 18.500đ/USD$	499.500.000	
II.2	Đi công tác Lào:		
	5 người, 7 ngày, 1lần/tháng		
	- Tiền vé máy bay Đà Nẵng - Hà Nội: $1.200.000/1người * 2lượt * 5người * 12th$	144.000.000	
	- Tiền vé máy bay Hà Nội - Vientiane khứ hồi: $360USD/1người * 5người * 12th * 18.500 đ/USD$	399.600.000	
	- Công tác phí: $40USD/người/ngày * 5người * 7ngày * 1lần/tháng * 12th * 18.500đ/USD$	310.800.000	
	- Tiền ngủ: $50USD/người/ngày * 5người * 6ngày * 1lần/tháng * 12th * 18.500đ/USD$	333.000.000	
II.3	Đi công tác Hà Nội		
	- Công tác phí: $5người * 7ngày/tháng * 12th * 50.000đ/ngày$	21.000.000	
	- Vé máy bay: $5người * 2lượt * 12th * 1.200.000đ/lượt$	144.000.000	

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	- Tiền ngủ: 5người * 6ngày/tháng * 12th * 300.000đ/ngày	108.000.000	
II.4	Đi công tác TP Hồ Chí Minh		
	- Công tác phí: 5người * 7ngày/tháng * 12th * 50.000đ/ngày	21.000.000	
	- Vé máy bay: 5người * 2lượt * 12th * 1.200.000đ/lượt	144.000.000	
	- Tiền ngủ: 5người * 6ngày/tháng * 12th * 300.000đ/ngày	108.000.000	
II.5	Đi công tác các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên		
	- Công tác phí: 5người * 5ngày/tháng * 12th * 50.000đ/ngày	15.000.000	
	- Tiền xe: 5người * 2lượt * 12th * 350.000đ/lượt	42.000.000	
	- Tiền ngủ: 5người * 4ngày/tháng * 12th * 220.000đ/ngày	52.800.000	
III	Thông tin liên lạc:	266.400.000	
	- Cước điện thoại cố định: 10máy * 500.000đ/tháng * 12th	72.000.000	
	- Cước điện thoại di động: 15máy * 700.000đ/tháng * 12th	126.000.000	
	- Máy Fax: 2máy * 500.000đ/M/tháng * 12th	12.000.000	
	- Cước dịch vụ internet (Megavnn): 2.500.000đ/tháng * 12th	30.000.000	
	- Cước dịch vụ Leased-Line: 2.200.000đ/tháng * 12th	26.400.000	
IV	Nghiệp vụ, văn phòng phí:	378.000.000	
	- Tiền điện : 5.500.000 đ/tháng * 12th	66.000.000	
	- Vật rẻ mau hỏng: 5.000.000đ * 12th	60.000.000	
	- Phụ tùng thay thế : 5.000.000đ/tháng * 12th	60.000.000	
	- Văn phòng phẩm: 10.000.000đ/tháng * 12th	120.000.000	
	- Báo chí, bưu phí trong và ngoài nước: 3.500.000đ/tháng * 12th	42.000.000	
	- Phô tô in ấn bản vẽ khổ lớn, công chứng tài liệu, chuyển phát nhanh: 2.500.000đ/tháng * 12th	30.000.000	
V	Thuê văn phòng, vật tư văn phòng	2.660.907.200	
1	Tại 78A Duy Tân, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	2.011.207.200	
	- Thuê văn phòng Công ty: (Theo hợp đồng 372/2008-LEC-HĐ)	1.591.207.200	
	- Trang bị bổ sung máy vi tính, máy in cho các phòng chức năng tại Công ty và văn phòng Đại diện: (15máy vi tính * 15.000.000đ/máy) + (2máy in * 4.000.000đ/máy) + (3laptop * 25.000.000đ/cái)	308.000.000	
	- Máy ảnh kỹ thuật số: 02máy * 8.000.000đ/bộ	16.000.000	
	- Bàn ghế làm việc	46.000.000	
	- Bổ sung dụng cụ văn phòng	50.000.000	
2	Tại Strung Treng:	144.300.000	
	- Thuê văn phòng: 350USD/th * 12th * 18.500đ/USD	77.700.000	
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 300USD/th * 12th * 18.500đ/USD	66.600.000	
3	Tại Phnôm Pênh	505.400.000	
	- Thuê văn phòng: 1.600USD/th * 12th * 18.500đ/USD	355.200.000	
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 300USD/th * 12th * 18.500đ/USD	66.600.000	
	- Trang bị cho văn phòng	83.600.000	
4	Tại Lào		
	- Thuê văn phòng: 350USD/th * 12th * 18.500đ/USD	77.700.000	
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 300USD/th * 12th * 18.500đ/USD	66.600.000	
	- Trang bị cho văn phòng	63.250.000	
VI	Chi phí phục vụ công tác chuyên môn	665.000.000	
	- Chi phí quản lý sổ đăng ký cổ đông, in ấn	20.000.000	
	- Đánh giá thực hiện chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008	7.000.000	
	- Chi phí kiểm toán, báo cáo tài chính	140.000.000	

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	- Thuế môn bài + chi phí tham gia các hiệp hội: (3.000.000đ + 20.000.000đ)/năm	23.000.000	
	- Chi phí dịch thuật các tài liệu và văn bản pháp lý nước ngoài (luật, pháp lệnh, sắc lệnh, ...): 2.000 trang * 70.000đ/trang	140.000.000	
	- Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, học ngoại ngữ,...: 15.000.000đ/th * 12th	180.000.000	
	- Trao đổi học tập các đơn vị trong nước về công tác nghiệp vụ: 6người * 5.000.000đ	30.000.000	
	- Thăm quan học tập để nâng cao hiểu biết về công nghệ và quản lý ở nước ngoài: 5người * 25.000.000đ/người	125.000.000	
VII	Chi phí tiếp khách, dịch vụ công, hội nghị trong và ngoài nước	<u>1.541.000.000</u>	
	- Tổ chức hội họp: 5.000.000đ/tháng * 12th	60.000.000	
	- Chi phí tiếp khách:		
	+ Tiếp khách tại Việt Nam: 15.000.000đ/tháng * 12th	180.000.000	
	+ Tiếp khách tại Campuchia: 3.000USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	666.000.000	
	+ Tiếp khách tại Lào: 2.500USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	555.000.000	
	+ Tổ chức đại hội cổ đông, họp HĐQT	80.000.000	
VIII	Y tế, vệ sinh, bảo hộ lao động :	<u>285.000.000</u>	
	- Thuốc men, Phòng dịch, y tế: 67người * 150.000đ/người/th * 12th	120.600.000	
	- Bảo hộ lao động, trang phục quần áo: 67người * 2.000.000đ/năm	134.000.000	
	- Khám sức khỏe định kỳ CBCNV: 67người * 400.000đ/người/năm	26.800.000	
	- Nhân công dọn dẹp vệ sinh: 300.000đ/th * 12th	3.600.000	
IX	Phương tiện và nhiên liệu:	<u>3.882.400.000</u>	
	- Mua xe ô tô 7 chỗ (KH 2009 chuyển sang)	2.435.400.000	
	- Mua xe ô tô cho Công trường: 01xe * 50.000USD * 18.500đ/USD	925.000.000	
	- Xăng: 1USD/lit * 300lit/tháng * 6xe * 12th * 18.500đ/USD	399.600.000	
	- Phí và lệ phí đi đường: 6xe * 500.000đ/tháng * 12th	36.000.000	
	- Gửi xe: 6xe * 1.200.000đ/tháng * 12th	86.400.000	
X	Sửa chữa, bảo trì mạng máy tính, phương tiện, máy móc, bảo hiểm	<u>591.000.000</u>	
	- Bảo trì mạng máy vi tính: 3.500.000đ/tháng * 12th	42.000.000	
	- Bảo trì phần mềm kế toán, nhân sự, công văn công việc	75.000.000	
	- Sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên xe ô tô: 5.000.000đ/tháng.xe * 6xe * 12th	360.000.000	
	- Sửa chữa, bảo dưỡng máy photo, mực máy in : 2.000.000 * 12th	24.000.000	
	- Bảo hiểm xe ô tô: 6xe * 15.000.000đ/1xe	90.000.000	
XI	Chi phí trang bị chống bão lụt, trang bị phòng chống cháy nổ. . .	<u>20.000.000</u>	
XII	Chi phí khác	<u>2.165.000.000</u>	
	- Chi phí tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Campuchia: 2.500USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	555.000.000	
	- Chi phí tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Lào: 2.500USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	555.000.000	
	- Chi phí tư vấn pháp luật hoàn thành các thủ tục đầu tư tại Campuchia, Lào: 2.500USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	555.000.000	
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	500.000.000	
	TỔNG CỘNG (I-XII)	30.715.553.812	

BÁO CÁO

Đánh giá tiềm năng dự án thủy điện SeKong tại Campuchia

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiềm năng dự án thủy điện SeKong tại Campuchia như sau:

1. Nhiệm vụ của dự án

Vị trí dự án thủy điện SeKong thuộc huyện SiemPang - tỉnh Stung Treng nằm cách trung tâm tỉnh Stung Treng khoảng 30km về thượng lưu của hợp lưu sông SeKong và sông SeSan.

Công trình thủy điện SeKong có nhiệm vụ cung cấp nguồn điện cho phát triển kinh tế, đời sống nhân dân khu vực tỉnh Stung Treng - Campuchia và cung cấp phần điện năng còn lại cho lưới điện Việt Nam.

Đầu tư xây dựng công trình thủy điện SeKong ngoài việc đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính như trên, còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bổ sung nguồn nước cho khu vực hạ lưu vào mùa kiệt đáp ứng nhu cầu phục vụ nước sinh hoạt và công nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, phát triển du lịch, giao thông thủy và đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản khu vực hồ chứa.

Sau khi kết thúc xây dựng, khu vực công trình thủy điện SeKong sẽ trở thành một điểm tập trung dân cư với cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ. Hệ thống đường giao thông phục vụ thi công, đường vận hành công trình sẽ tạo ra khả năng giao lưu về kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực công trình với các khu vực khác, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Stung Treng nói riêng và đất nước Campuchia nói chung.

2. Các thông số chính của dự án

Trong báo cáo đánh giá tiềm năng dự án do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (PECC4) hoàn thành vào tháng 01/2010, dự án thủy điện SeKong có các thông số chính như sau:

Bảng thông số chính của dự án thủy điện SeKong

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Diện tích lưu vực	km ²	26.000
2	Mực nước dâng bình thường	m	60
3	Mực nước chết	m	58,50
4	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	30
5	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	45

6	Công suất lắp máy	MW	150
7	Công suất đảm bảo	MW	30
8	Điện lượng trung bình nhiều năm	10 ⁶ kWh	689,28
9	Vốn đầu tư ban đầu (bao gồm đầu nối)	10 ⁶ USD	262
10	Vốn đầu tư ban đầu (bao gồm đầu nối)	10 ⁶ VND	4.672
11	Giá bán điện	cent/kWh	5,50
12	Các chỉ tiêu kinh tế		
	- ENPV	tỷ đồng	766,34
	- EIRR	%	12,34
	- B/C	lần	1,19
13	Các chỉ tiêu tài chính		
	- FNPV	tỷ đồng	675,03
	- FIRR	%	12,34
	- B/C	lần	1,17
	- Hoàn vốn	Năm	14
15	Thời gian tính toán kể từ khi vận hành	năm	30

3. Kết luận & Kiến nghị

- Kết luận: Kết quả tính toán sơ bộ cho thấy dự án hoàn toàn khả thi với giá bán điện là 5,5 cent/1kWh, so với các dự án thủy điện đang được triển khai hiện nay ở Việt Nam, dự án thủy điện SeKong có các chỉ tiêu tài chính tốt, việc triển khai dự án sẽ đem lại lợi ích cho Công ty.

- Kiến nghị:

+ Đại hội cổ đông thống nhất chủ trương triển khai nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện SeKong tại Campuchia.

+ Giao cho HĐQT EVNI Quyết định các bước tiếp theo và báo cáo Cổ đông phương án đầu tư sau khi nghiên cứu.

BÁO CÁO

Đánh giá tiềm năng dự án thủy điện Nam Theun 1 tại Lào

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiềm năng dự án thủy điện Nam Theun 1 tại Lào như sau:

1. Nhiệm vụ của dự án

Dự án thủy điện Nam Theun 1 nằm trên sông Nam Kading cách hợp lưu sông Mê Kông về phía thượng lưu khoảng 33km trên địa bàn huyện Pakkading-Tỉnh Bolikhamxay - nước CHDCND Lào.

Công trình thủy điện Nam Theun 1 có nhiệm vụ cung cấp nguồn điện cho phát triển kinh tế, đời sống nhân dân khu vực tỉnh Bolikhamxay- nước CHDCND Lào và cung cấp phần điện năng còn lại cho lưới điện Việt Nam.

Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Nam Theun 1 ngoài việc đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính như trên, còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bổ sung nguồn nước cho khu vực hạ lưu vào mùa kiệt đáp ứng nhu cầu phục vụ nước sinh hoạt và công nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, phát triển du lịch, giao thông thủy và đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản khu vực hồ chứa.

Sau khi kết thúc xây dựng, khu vực công trình thủy điện Nam Theun 1 sẽ trở thành một điểm tập trung dân cư với cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ. Hệ thống đường giao thông phục vụ thi công, đường vận hành công trình sẽ tạo ra khả năng giao lưu về kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực công trình với các khu vực khác, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Bolikhamxay nói riêng và đất nước Lào nói chung.

2. Các thông số chính của dự án

Dự án Thủy điện Nam Theun1 đã được Tư vấn quốc tế lập F/S và Thiết kế cơ sở với phương án bán điện cho Thái Lan. Trên cơ sở tài liệu đó PECC2 lập “Báo cáo đánh giá tính khả thi dự án với phương án bán điện về Việt Nam” thực hiện tháng 06 năm 2009, và các thông số chính của dự án thủy điện Nam Theun 1 được mô tả như bảng dưới đây:

Bảng thông số chính của dự án thủy điện Nam Theun 1

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Diện tích lưu vực	km ²	14.070
2	Mực nước dâng bình thường	m	292
3	Mực nước chết	m	250

4	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	80,7
5	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	1.872
6	Công suất lắp máy	MW	523
7	Công suất đảm bảo	MW	186,2
8	Điện lượng trung bình nhiều năm theo biểu đồ cứng	10 ⁶ kWh	2310,1
9	TMĐT (chưa bao gồm lưới điện truyền tải)	10 ⁶ USD	790,258
10	TMĐT (bao gồm lưới điện truyền tải)	10 ⁶ USD	894,278
11	Giá bán điện tại thanh cái không tính vốn đường dây	cent/kWh	4,8
12	Giá bán điện tại Vinh	cent/kWh	5,6
13	Các chỉ tiêu kinh tế (giá bán tại Vinh)		
	- NPV	Triệu US\$	94,758
	- EIRR	%	13,43
	- B/C		1,18
14	Các chỉ tiêu tài chính (giá bán tại Vinh)		
	- NPV	Triệu US\$	70,814
	- FIRR	%	12,98
	- B/C		1,10
15	Thời gian tính toán kể từ khi vận hành	năm	30

3. Kết luận & Kiến nghị

- Kết luận: Kết quả tính toán cho thấy dự án hoàn toàn khả thi với giá bán điện là 4,8 cent/kWh tại thanh cái nhà máy và giá bán tại Vinh là 5,6 cent/kWh. So với các dự án thủy điện đã và đang được triển khai hiện nay ở Việt Nam, dự án thủy điện Nam Theun1 có các chỉ tiêu kinh tế - tài chính tốt, việc triển khai dự án sẽ đem lại lợi ích cho Công ty.

- Kiến nghị:

+ Đại hội cổ đông thông nhất chủ trương triển khai đàm phán với Chủ đầu tư dự án và Chính phủ Lào về chuyển giao dự án thủy điện Nam Theun1 tại Lào.

+ Giao cho HĐQT EVNI Quyết định các bước tiếp theo và báo cáo Cổ đông phương án triển khai dự án sau khi được chuyển giao.

BÁO CÁO

Đánh giá tiềm năng dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiềm năng dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào như sau:

1. Nhiệm vụ của dự án

Vị trí dự án thủy điện Nậm Mô 1 thuộc huyện Mộc Mai - tỉnh Xieng Khoang nằm cách trung tâm tỉnh Xieng Khoang khoảng 25km về phía Tây Bắc theo đường chim bay.

Công trình thủy điện Nậm Mô 1 có nhiệm vụ cung cấp cho hệ thống lưới điện Việt Nam một sản lượng điện hằng năm khoảng 294,76 tr.kWh qua đường dây 220kV mạch đơn dài 30km, đầu nối về biên giới Việt Nam.

Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Nậm Mô 1 ngoài việc đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính như trên, còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bổ sung nguồn nước cho khu vực hạ lưu vào mùa kiệt đáp ứng nhu cầu phục vụ nước sinh hoạt và canh tác nông nghiệp. Bên cạnh đó, phát triển du lịch, giao thông thủy và đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản khu vực hồ chứa.

Sau khi kết thúc xây dựng, khu vực công trình thủy điện Nậm Mô 1 sẽ trở thành một điểm tập trung dân cư với cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ. Hệ thống đường giao thông phục vụ thi công, đường vận hành công trình sẽ tạo ra khả năng giao lưu về kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực công trình với các khu vực khác, góp phần phát triển giao thương giữa 2 tỉnh Xieng Khoang - Lào và tỉnh Nghệ An - Việt Nam.

2. Các thông số chính của dự án

Trong báo cáo đánh giá tiềm năng dự án do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (PECC3) hoàn thành vào tháng 09/2009, dự án thủy điện Nậm Mô 1 có các thông số chính như sau:

Bảng thông số chính của dự án thủy điện Nậm Mô 1

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Diện tích lưu vực	km ²	904
2	Mức nước dâng bình thường	m	450
3	Mức nước chết	m	430
4	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	9,64



5	Dung tích hữu ích	10^6 m^3	130,70
6	Công suất lắp máy	MW	72
7	Công suất đảm bảo	MW	23,35
8	Điện lượng trung bình nhiều năm	10^6 kWh	294,76
9	Tổng vốn đầu tư (bao gồm đầu nối lưới)	10^6 USD	126
10	Tổng vốn đầu tư (bao gồm đầu nối lưới)	10^6 VND	2245
11	Giá bán điện tại biên giới	cent/kWh	4,85
12	Các chỉ tiêu kinh tế		
	- ENPV	10^3 USD	12,66
	- EIRR	%	11,83
	- B/C	lần	1,16
13	Các chỉ tiêu tài chính		
	- FNPV	10^3 USD	10,08
	- FIRR	%	10,17
	- B/C	lần	1,09
14	Thời gian BOT	năm	30

3. Kết luận & Kiến nghị

- Kết luận: Kết quả tính toán sơ bộ cho thấy dự án hoàn toàn khả thi với giá bán điện tại biên giới Việt Nam là 4,85 cent/1kWh, so với các dự án thủy điện đang được triển khai hiện nay ở Việt Nam, dự án thủy điện Nậm Mô 1 có các chỉ tiêu tài chính tốt, việc triển khai dự án sẽ đem lại lợi ích cho Công ty.

- Kiến nghị:

+ Đại hội cổ đông thống nhất chủ trương triển khai nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào.

+ Giao cho HĐQT EVNI Quyết định các bước tiếp theo và báo cáo Cổ đông phương án đầu tư sau khi nghiên cứu.

CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số. 16 /NQ-EVNI-HDQT

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 10 năm 2010

**NGHỊ QUYẾT HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International);

Trên cơ sở ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng quản trị tại phiên họp thứ 3-2010, ngày 26/10/2010,

QUYẾT NGHỊ

Thông nhất thông qua tất cả các nội dung như trong Biên bản phiên họp thứ 3/2010 của Hội đồng quản trị ngày 26/10/2010 (đính kèm)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Nguyễn Đức Tuyên
2. Ông Nguyễn Thành Huân
3. Ông Đào Hiếu
4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai
5. Ông Phạm Văn Thành bận công tác đột xuất, có ý kiến bằng văn bản

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 10 năm 2010

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Phiên họp thứ 3 - 2010**

Vào hồi 08h30 ngày 26 tháng 10 năm 2010 tại Đà Nẵng, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) đã tổ chức phiên họp thứ 3 năm 2010.

I. Thành phần dự họp:

I.1. Hội đồng quản trị:

1. Ông Nguyễn Đức Tuyển
2. Ông Nguyễn Thành Huân
3. Ông Đào Hiếu
4. Ông Phạm Văn Thành (bận công tác đột xuất)
5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

I.2. Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng TH, KH, KT, TCKT, MT&TDC, Thư ký Công ty, Trợ lý TGĐ.

II. Nội dung:

1. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch quý 3/2010 và kế hoạch quý 4/2010;
2. Thông qua báo cáo công tác thu xếp vốn cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2;
3. Thông qua báo cáo bổ sung để giải trình về việc phê duyệt chỉ định thầu công tác “khảo sát, lập dự án đầu tư thủy điện SeKong tại Campuchia và Nậm Mô 1 tại Lào”;
4. Thông qua việc thực hiện đăng ký, lưu ký chứng khoán của EVN International;
5. Thông qua việc bổ sung Quy chế phân phối tiền lương EVN International;
6. Thông qua việc xét nâng lương cho cán bộ lãnh đạo EVN International;



III. Diễn biến phiên họp:

Chủ trì phiên họp: ông Nguyễn Đức Tuyên – Chủ tịch HĐQT

Thư ký cuộc họp: ông Nguyễn Văn Tình - Thư ký Công ty

1. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Thành Huân đọc dự thảo báo cáo số 155/BC-EVNI-KH ngày 14/10/2010 về tình hình thực hiện kế hoạch quý 3/2010 và kế hoạch quý 4/2010.

Sau khi nghe báo cáo, một số thành viên có ý kiến góp ý; Ban điều hành Công ty đã giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến trước cuộc họp.

Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất thông qua nội dung báo cáo dự thảo; giao cho Ban điều hành tiếp thu ý kiến góp ý của các thành viên HĐQT, hoàn chỉnh báo cáo để ban hành {lưu ý: (i) cần có thái độ cương quyết và biện pháp cụ thể để tổ chức đàm phán đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2, mục tiêu, tiến độ cụ thể để: hoàn thành hồ sơ đề xuất dự án để được phê duyệt bởi Chính phủ Campuchia; hoàn thành thủ tục để được cấp phép đầu tư ra nước ngoài (ii) cần xem xét kỹ vấn đề kỹ thuật đối với dự án Nậm Theun 1 tại Lào, đặc biệt là vấn đề địa chất; (iii) cần rút kinh nghiệm trong việc triển khai dự án SeKong và Nậm Mô 1 cho các dự án sau theo đúng trình tự các bước theo quy định; (iv) chuẩn xác lại số liệu kế hoạch quý 4/2010; (v) tổ chức làm việc với Royal Group về khả năng hợp tác thành lập pháp nhân tại Campuchia theo phương án EVNI nắm giữ 51% và Royal Group nắm giữ 49%;...}.

2. Các thành viên đã nghe ông Hoàng Xuân Quý đọc báo cáo số 162/BC-EVNI-TCKT-KH ngày 25/10/2010 về công tác thu xếp vốn cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2. Sau khi nghe báo cáo, một số thành viên có ý kiến góp ý, Ban điều hành Công ty đã giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến trước cuộc họp.

Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất: giao cho Ban điều hành có thư yêu cầu kèm theo TOR để gửi cho EVN Finance, DTFAS & BIDV và các tổ chức khác quan tâm đến dự án.

3. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Nam Thắng đọc văn bản số 248/CV-EVNI-KH ngày 14/10/2010 báo cáo bổ sung để giải trình về việc phê duyệt chỉ định thầu công tác “khảo sát, lập dự án đầu tư thủy điện SeKong tại Campuchia và Nậm Mô 1 tại Lào”. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất phê duyệt chỉ định thầu công tác “khảo sát, lập dự án đầu tư thủy điện SeKong tại Campuchia và Nậm Mô 1 tại Lào” với nội dung chính như các tờ trình số 121/TTr-EVNI-KH-KT-MT ngày 11/8/2010 và 135/TTr-EVNI-KH ngày 9/9/2010; trong đó:

3.1. Đối với dự án SeKong tại Campuchia:

- Nhà thầu trúng thầu: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4;
- Giá trúng thầu: 23.275.703.000 đồng và 749.900 USD;

trong đó:

+ Giai đoạn 1: 3.882.717.000 đồng và 88.627 USD;

+ Giai đoạn 2: 19.392.986.000 đồng và 661.363 USD.

- Hình thức hợp đồng: theo đơn giá cố định, tỷ lệ % và khoán gọn.

- Thời gian hoàn thành:

+ Giai đoạn 1: hoàn thành trong năm 2010;

+ Giai đoạn 2: triển khai sau khi có ý kiến của Hội đồng quản trị;
Giao cho Ban điều hành nghiên cứu để báo cáo phía Campuchia
giãn tiến độ giai đoạn này 2011-2012.

3.2. Đối với dự án Nậm Mô 1 tại Lào:

- Nhà thầu trúng thầu: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

- Giá trúng thầu: 10.578.322.328 đồng và 298.075 USD;

trong đó:

+ Giai đoạn 1: 2.371.801.746 đồng và 43.745 USD;

+ Giai đoạn 2: 8.206.520.583 đồng và 245.330 USD.

- Hình thức hợp đồng: theo đơn giá cố định, tỷ lệ % và khoán gọn.

- Thời gian hoàn thành:

+ Giai đoạn 1: hoàn thành trong năm 2010;

+ Giai đoạn 2: triển khai sau khi có ý kiến của Hội đồng quản trị;
Giao cho Ban điều hành nghiên cứu để báo cáo phía Lào giãn
tiến độ giai đoạn này 2011-2012.

* Giao Tổng Giám đốc triển khai ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng
(lưu ý: sau khi hoàn thành giai đoạn 1 cần có báo cáo HĐQT trước khi triển
khai giai đoạn 2).

4. Các thành viên đã nghe ông Hoàng Xuân Quý đọc tờ trình số
161/TTr-EVNI-TCKT ngày 25/10/2010 về việc thực hiện đăng ký, lưu ký
chứng khoán của EVN International. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị
thống nhất các nội dung sau:

4.1. Thông qua việc đăng ký, lưu ký chứng khoán tập trung tại VSD;

4.2. Thống nhất chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM.

5. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Văn Tình đọc tờ trình số
156/TTr-EVNI-TH ngày 14/10/2010 về việc bổ sung Quy chế phân phối tiền
lương EVN International. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất
giao cho Ban điều hành hoàn chỉnh lại việc sửa đổi Quy chế phân phối tiền
lương, trình HĐQT thông qua tại phiên họp lần 4-2010.

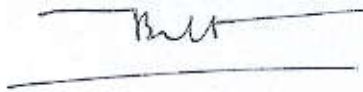
6. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Văn Tình đọc tờ trình số
157/TTr-EVNI-TH ngày 14/10/2010 về việc xét nâng lương cho cán bộ lãnh
đạo EVN International. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất sẽ
xem xét và quyết định tại phiên họp lần 4-2010.

7. Về nội dung phiên họp thứ 4-2010 của Hội đồng quản trị:
- Thời gian: dự kiến đầu tháng 1/2011;
 - Giao Tổng Giám đốc chuẩn bị để trình Hội đồng quản trị các nội dung sau: (i) Báo cáo tình hình thực hiện quý 4/2010, năm 2010 và dự kiến kế hoạch quý 1/2011; (ii) Phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị; (iii) Phân bổ lại phần vốn phát hành đợt 1 còn thiếu cho các nhà đầu tư; (iv) Liên quan đến chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2011; (v) sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; (vi) sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 12h20' cùng ngày.

Biên bản đã được thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ CÔNG TY



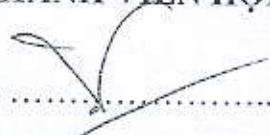
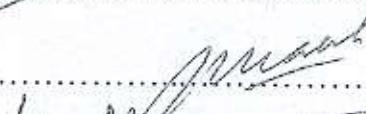
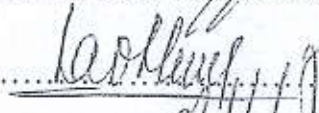
Nguyễn Văn Tình

CHỦ TỌA CUỘC HỌP



Nguyễn Đức Tuyển

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Nguyễn Đức Tuyển 
2. Ông Nguyễn Thành Huân 
3. Ông Đào Hiếu 
4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai 
5. Ông Phạm Văn Thành bận công tác đột xuất, có ý kiến bằng văn bản.



CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/NQ-EVNI-HDQT

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2011

**NGHỊ QUYẾT HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International);

Trên cơ sở ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng quản trị tại phiên họp thứ 1-2011, ngày 20/04/2011,

QUYẾT NGHỊ

Thông nhất thông qua tất cả các nội dung như trong Biên bản phiên họp thứ 1/2011 của Hội đồng quản trị ngày 20/04/2011 (đính kèm)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Nguyễn Đức Tuyển
2. Ông Nguyễn Thành Huân
3. Ông Đào Hiếu
4. Ông Phạm Văn Thành
5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2011

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Phiên họp thứ 1 - 2011**

Vào hồi 08h30 ngày 20 tháng 04 năm 2011 tại Đà Nẵng, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) đã tổ chức phiên họp thứ 1 năm 2011.

I. Thành phần dự họp:

I.1. Hội đồng quản trị:

1. Ông Nguyễn Đức Tuyển
2. Ông Nguyễn Thành Huân
3. Ông Đào Hiếu
4. Ông Phạm Văn Thành
5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai
6. Mời ông Nguyễn Quang Huy- Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại EVN International

I.2. Ban kiểm soát:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hải
2. Ông Đông Quốc Cường
3. Ông Nguyễn Đình Phước (bận công tác đột xuất)

I.3. Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng TH, KH, KT, TCKT, MT&TĐC, HTQT, Thư ký Công ty; EVNIC.

II. Nội dung:

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch qui 1/2011 và kế hoạch qui 2/2011

Cụ thể:

- Kế hoạch đầu tư;
 - Báo cáo tổng hợp các nội dung làm việc với Royal Group;
 - Báo cáo về mô hình hoạt động đối với pháp nhân tại Campuchia và phương án QLDA thủy điện Hạ Sê San 2;
 - Báo cáo công tác thu xếp vốn;
 - Báo cáo kết quả gửi thư yêu cầu dự án TĐ Hạ Sê San 2.
2. Tờ trình về việc thông qua điều lệ, thỏa thuận cổ đông và nhân sự tham gia pháp nhân tại Campuchia.
 3. Tờ trình về việc phê duyệt DAĐT NMTĐ Hạ Sê San 2 và ĐZ đầu nối vào hệ thống điện quốc gia.
 4. Tờ trình về việc phê duyệt TKBVTC – TDT hạng mục “Khu điều hành nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2”.

5. Tờ trình về việc thông qua dự án đầu tư giai đoạn 1 công trình thủy điện Sê Kông.
6. Tờ trình về việc thông qua dự án đầu tư giai đoạn 1 công trình thủy điện Nậm Mô 1.
7. Tờ trình về việc phê duyệt TKBVTC – TDT và Kế hoạch đầu thầu trụ sở làm việc Công ty.
8. Tờ trình về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
9. Báo cáo giải trình một số nội dung liên quan đến sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương.
10. Tờ trình về nội dung chỉ đạo Người đại diện phần vốn EVNI tại ĐHQCD thường niên 2011 của EVNIC.
11. Rà soát các nội dung liên quan đến ĐHQCD thường niên năm 2011.

III. Diễn biến phiên họp:

Chủ trì phiên họp: ông Nguyễn Đức Tuyển – Chủ tịch HĐQT

Thư ký cuộc họp: ông Nguyễn Văn Tinh – Thư ký Công ty

1. Các thành viên đã nghe: (i) ông Nguyễn Đức Tuyển đọc dự thảo báo cáo số 49/BC-EVNI-KH ngày 15/04/2011 về tình hình thực hiện kế hoạch quý 1/2011 và kế hoạch quý 2/2011; (ii) ông Nguyễn Nam Thắng đọc báo cáo số 31/BC-EVNI-TH-HTQT ngày 19/4/2011 về tổng hợp các nội dung làm việc liên quan đến Royal Group trong việc cùng tham gia phát triển dự án thủy điện Hạ Sê San 2; (iii) ông Nguyễn Văn Tinh đọc báo cáo số 51/BC-EVNI-TH ngày 15/04/2011 về mô hình hoạt động đối với pháp nhân tại Campuchia và phương án QLDA thủy điện Hạ Sê San 2; (iv) ông Hoàng Xuân Quý đọc báo cáo số 57/BC-EVNI-TCKT ngày 19/4/2011 về công tác thu xếp vốn cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2; (v) ông Nguyễn Phú Xuân đọc báo cáo số 30/BC-EVNI-HTQT ngày 19/4/2011 về công tác tìm hiểu nguồn vốn, phương án triển khai các hạng mục xây lắp và cung cấp thiết bị chính của dự án TD Hạ Sê San 2.

Sau khi nghe các báo cáo, một số thành viên có ý kiến góp ý; Bản điều hành Công ty đã giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến trước cuộc họp.

Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất thông qua nội dung các báo cáo dự thảo; giao cho Ban điều hành tiếp thu ý kiến góp ý của các thành viên HĐQT, hoàn chỉnh báo cáo để ban hành (*lưu ý, mục tiêu chính cần tập trung trong quý 2/2011*): (i) Về phía Campuchia: (i.1) đàm phán xong giá bán điện trong tháng 5/2011 và các hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng cho thuê dự án (LA), hợp đồng phát triển dự án (IA) trong tháng 6/2011 với Tổ công tác Chính phủ Campuchia; (i.2) tiếp tục làm việc với Royal Group để giải quyết dứt điểm các nội dung còn tồn tại liên quan đến thành lập pháp nhân tại Campuchia (Hợp đồng cổ đông, điều lệ); làm rõ về vốn, khả năng thu xếp tài chính và hồ sơ năng lực của Royal Group; (ii) Về phía Việt Nam: Hoàn chỉnh thủ tục để đàm phán PPA với EVN; (iii) Liên quan đến tín dụng nhà thầu: thu hẹp phạm vi, mời các nhà thầu vào làm rõ về khả năng thu xếp

vốn đối với từng gói xây lắp, thiết bị, kể cả phần vốn thực hiện các công trình phụ trợ;...).

2. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Nam Thắng đọc tờ trình số 50/TTr-EVNI-TH ngày 15/04/2011 về việc thông qua điều lệ, thỏa thuận cổ đông và nhân sự tham gia pháp nhân tại Campuchia. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất giao Tổng Giám đốc thuê tư vấn luật để thẩm định lại điều lệ và thỏa thuận cổ đông, hoàn chỉnh thủ tục trình HĐQT thông qua trước khi ký kết chính thức.

3. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Nam Thắng đọc tờ trình số 58/TTr-EVNI-KH+KT+MT+TC ngày 18/04/2011 về việc phê duyệt DADT xây dựng dự án TĐ Hạ Sê San 2 và ĐZ đầu nối NMTĐ vào hệ thống điện Việt Nam. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất:

3.1. Phê duyệt DADT dự án TĐ Hạ Sê San 2 và ĐZ đầu nối NMTĐ vào hệ thống điện Việt Nam với các nội dung chính như tờ trình trên.

3.2. Giao Tổng giám đốc triển khai các bước tiếp theo qui định.

4. Các thành viên đã nghe ông Trương Quang Minh đọc tờ trình số 47/TTr-EVNI-KT+KH ngày 14/04/2011 về việc phê duyệt TKBVTC – TDT hạng mục “Khu điều hành nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2”. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất:

4.1. Phê duyệt TKBVTC – TDT hạng mục “Khu điều hành nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2” với các nội dung chính như tờ trình trên.

4.2. Giao Tổng giám đốc triển khai các bước tiếp theo qui định.

5. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Nam Thắng đọc tờ trình số 39/TTr-EVNI-KH+KT+MT&TĐC ngày 17/03/2011 về việc thông qua dự án đầu tư giai đoạn 1 công trình thủy điện Sê Kông. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất các nội dung sau:

5.1. Thống nhất thông qua DADT giai đoạn 1 công trình thủy điện Sê Kông với các nội dung chính như tờ trình trên.

5.2. Cho phép triển khai nghiên cứu giai đoạn 2 của dự án, hoàn thành DADT công trình và triển khai các bước tiếp theo. Lưu ý: (i) về tiến độ: triển khai công tác khảo sát vào mùa khô 2011-2012 và hoàn thành giai đoạn DADT, tổ chức báo cáo thông qua cuối năm 2012 khi nguồn vốn cho phép; (ii) cần đánh giá kỹ lựa chọn N_{lm} (quá cao so với N_{bd}); xem xét sản lượng điện sơ cấp, thứ cấp trong phân tích KT-TC của dự án khi triển khai giai đoạn 2.

6. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Thành Huân đọc tờ trình số 53/TTr-EVNI-KH+KT+MT ngày 16/04/2011 về việc thông qua dự án đầu tư giai đoạn 1 công trình thủy điện Nậm Mô 1. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất các nội dung sau:

6.1. Thống nhất thông qua DADT giai đoạn 1 công trình thủy điện Nậm Mô 1 với các nội dung chính như tờ trình trên.

6.2. Cho phép triển khai nghiên cứu giai đoạn 2 của dự án, hoàn thành DADT công trình và triển khai các bước tiếp theo. Về tiến độ: triển khai chậm sau dự án thủy điện Sê Kông, lưu ý chỉ đạo Công ty tư vấn triển khai các nội



dung còn thiếu của giai đoạn 1 và bước đầu của giai đoạn 2 như đề xuất trước khi triển khai đầy đủ giai đoạn 2. Mục tiêu: báo cáo hoàn chỉnh cuối năm 2012.

7. Các thành viên đã nghe ông Trương Quang Minh đọc tờ trình số 59/TTr-EVNI-KT+KH ngày 19/04/2011 về việc phê duyệt TKBVTC – TDT và Kế hoạch đầu thầu trụ sở làm việc Công ty. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất giao cho Ban điều hành xem xét, cân đối lại, trong đó: lưu ý khái toán đã được HĐQT phê duyệt trong phiên họp lần 4-2010, bổ sung phát sinh phần móng cọc và yếu tố trượt giá; xem xét phương án nâng cos tầng hầm (nếu giảm được đáng kể chi phí) và cắt giảm tầng trên cùng; hoàn chỉnh thủ tục trình HĐQT phê duyệt để triển khai các bước tiếp theo.

8. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Văn Tinh đọc tờ trình số 52/TTr-EVNI-TH ngày 15/04/2011 về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. Sau khi thảo luận, các thành viên Hội đồng quản trị đã thống nhất biểu quyết bằng giơ tay để thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Thành Huân khỏi chức danh Ủy viên HĐQT và bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Huy- Phó phòng Tài chính kế toán PPC- Người đại diện phần vốn của PPC tại EVNI để thay thế, cụ thể:

- Số thành viên tán thành: 5/5
- Số thành viên không tán thành: 0/5
- Số thành viên có ý kiến khác: 0/5

Giao Thư ký Công ty hoàn chỉnh thủ tục đề trình ĐHĐCD thường niên năm 2011 thông qua.

9. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Văn Tinh đọc báo cáo số 54/BC-EVNI-TH ngày 16/04/2011 về giải trình một số nội dung liên quan đến sửa đổi, bổ sung Quy chế phân phối tiền lương. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất các nội dung liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phân phối tiền lương và ủy quyền Chủ tịch HĐQT hoàn chỉnh theo ý kiến góp ý của các Ủy viên HĐQT để ký quyết định ban hành.

10. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Thành Huân đọc tờ trình số 56/TTr-EVNI-TH ngày 19/04/2011 về nội dung chỉ đạo Người đại diện phần vốn EVNI tại ĐHĐCD thường niên năm 2011 của EVNIC. Sau khi thảo luận, Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung chỉ đạo Người đại diện phần vốn EVNI tại EVNIC như tờ trình trên.

Giao cho Người đại diện phần vốn EVNI tại EVNIC thống nhất, biểu quyết trong HĐQT và tổ chức thực hiện phù hợp với các quy định hiện hành.

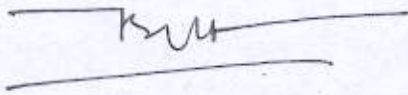
11. Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát lại và thông qua các nội dung công việc để tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 21/04/2011.

12. Về nội dung phiên họp thứ 2-2011 của Hội đồng quản trị:
- Thời gian: dự kiến cuối tháng 6/2011;
 - Giao Tổng Giám đốc chuẩn bị các nội dung liên quan để trình Hội đồng quản trị.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 18h00' cùng ngày.

Biên bản đã được thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ CÔNG TY



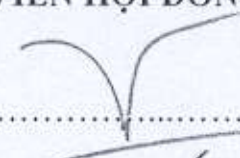
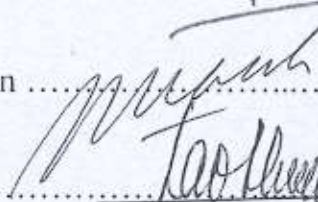
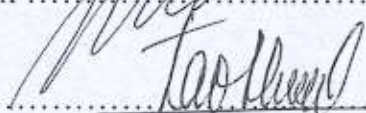
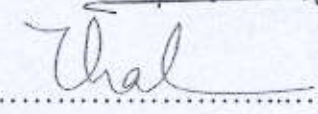
Nguyễn Văn Tình

CHỦ TỌA CUỘC HỌP



Nguyễn Đức Tuyển

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Nguyễn Đức Tuyển 
2. Ông Nguyễn Thành Huân 
3. Ông Đào Hiếu 
4. Ông Phạm Văn Thành 
5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai 





LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC
Peace Independence Democracy Unity Prosperity

2810

Ministry of Planning and Investment

No: /N IIPD4

Vientiane Capital, Date 2 NOV 2011

Letter of RenewalThe Memorandum of Understanding

- Referring to the proposal letter of the EVN International, 62/CV-VNI-K da d 15/8/2011.
- Referring to the Memorandum of Understanding of Nam Mo1 Hydroelectric Power Project dated March 4, 2010.
- Referring to the Solution of the CPMI Meeting, No.029 dated 11/11/2011.

This is to authorize a renewal of the term and validity of the Memorandum of Understanding (MOU) on Nam Mo 1 Hydroelectric Power Project Signed on March 3, 2010, between the Government of Lao PDR and EVN International.

The renewal of term and validity of the said MOU shall be extending for the first period (From September 3, 2011 to March 3, 2012). Except as renewed herein, all obligations and responsibilities of the parties shall remain the same.

This letter shall cause the renewal of the said MOU effective as from the date of its signature herof.



Somdy DOUANGDY
Minister of MPI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/NQ-EVNI-DHĐCĐ

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2011

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay, ngày 21 tháng 04 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức:

Vào lúc: 08h30' ngày 21/04/2011.

Địa điểm: Hội trường Công ty, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 134.927.220 cổ phần, chiếm 93,47% tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Riêng ý kiến của cổ đông (Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng) về hạch toán các chi phí quản lý dự án: HĐQT sẽ nghiên cứu và có báo cáo cổ đông sau.

2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2010, kế hoạch hoạt động năm 2011 và việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 với các nội dung như trong báo cáo số 01/BC-EVNI-BKS ngày 08/04/2011 của Ban Kiểm soát.

3. Thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2010 và nhiệm vụ năm 2011.

4. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010 và kế hoạch năm 2011, với các nội dung chính như tại báo cáo số 47/BC-EVN-KH ngày 08/04/2011 của Tổng giám đốc.

5. Thông qua "Kế hoạch đầu tư dài hạn Công ty" cho giai đoạn từ 2011-2016 với các nội dung cơ bản như trong tờ trình số 08/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011 của Hội đồng quản trị; Thông qua phương án chốt vốn điều lệ theo cam kết đến thời điểm 31/12/2010; Đảm bảo góp đủ vốn theo



kế hoạch để triển khai dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và hoàn chỉnh các công việc liên quan đến các dự án khác.

6. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2011 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4	3.800.000	182.400.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	<u>Tổng cộng:</u>			749.040.000

7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, cụ thể:

Sửa đổi Khoản 4 Điều 22 về Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Điều lệ hiện nay:

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ

Sửa lại là:

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty bằng Fax trước và bản chính gửi thư chuyển phát nhanh. Nếu quá thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến mà cổ đông không gửi phiếu phản hồi về Công ty thì được coi là phiếu tán thành

8. Thông qua các nội dung liên quan đến thành lập pháp nhân tại Campuchia như trong tờ trình số 11/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011 của Hội đồng quản trị.

9. Thông qua phương án phát hành cổ phần năm 2011, cụ thể:

9.1. Khối lượng phát hành: 12.930.000 cổ phiếu; với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần.

9.2. Đối tượng phát hành: phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho 09 pháp nhân (chi tiết như phụ lục kèm theo).

9.3. Sau thời hạn quy định, nếu các nhà đầu tư được quyền mua không góp đủ vốn, phần vốn thiếu còn lại sẽ được Hội đồng quản trị xử lý phân phối cho đối tượng khác với điều kiện tổng số nhà đầu tư phát hành trong cả đợt phát hành này không quá 100 người.

9.4. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

10. Thông qua việc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh, cụ thể: miễn nhiệm ông Nguyễn Thành Huân khỏi chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị và bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Huy- Người đại diện phần vốn của CTCP Nhiệt điện Phả Lại tại EVNI để thay thế.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được đại biểu cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 11 giờ 30' cùng ngày.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI


Nguyễn Văn Tình




Nguyễn Đức Tuyên



Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2011

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Trụ sở chính: Tầng 3 toà nhà EVN-Land Central số 78A Duy Tân-phường Hoà Thuận Đông-quận Hải Châu-thành phố Đà Nẵng.

- Giấy CNĐKDN - MSDN: 0102379203 do Sở KH&ĐT TP.Đà Nẵng cấp thay đổi lần 2 ngày 14/3/2011.

I. Thời gian và địa điểm:

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

- Vào lúc: 08h30' ngày 21/04/2011.

- Địa điểm: Hội trường EVN International, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng kèm theo).

- Khách mời tham dự Đại hội.

III. Nội dung Đại hội:

Cổ đông góp ý, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán;
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và đề xuất việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2011;
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo kết quả thực hiện năm 2010 và kế hoạch năm 2011;
5. Kế hoạch đầu tư dài hạn;
6. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011;

7. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
8. Liên quan đến thành lập pháp nhân tại Campuchia;
9. Phương án phát hành cổ phần năm 2011;
10. Miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

IV. Diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội

1. Tuyên bố lý do Đại hội.
2. Giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội, gồm có:
 - a. Đại biểu: Đại diện CTCP Nhiệt điện Phả Lại.
 - b. Cổ đông và đại diện cổ đông tham gia.
3. Ông Hoàng Xuân Quý thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:
 - + Tổng số cổ đông của Công ty: gồm 20 cổ đông pháp nhân và các cổ đông thể nhân khác;
 - + Tổng số cổ đông triệu tập Đại hội: 20 cổ đông pháp nhân với 139.310.000 cổ phần và 1.787 cổ đông thể nhân với 5.036.300 cổ phần;
 - + Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 85 cổ đông pháp nhân và thể nhân đại diện cho 134.927.220 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 93,47% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(Kèm biên bản kiểm tra tư cách cổ đông)

Căn cứ Điều 19 Điều lệ của Công ty với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

4. Ông Nguyễn Thành Huân-Thay mặt Ban tổ chức:

- Thông qua thể lệ biểu quyết tại Đại hội *(có qui định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần EVN Quốc tế kèm theo)*.

Đại hội biểu quyết thông qua thể lệ biểu quyết với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

- Giới thiệu đề biểu quyết thông qua danh sách Chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%, gồm:

a. Chủ trì Đại hội:

- Ông Nguyễn Đức Tuyên – Chủ tịch HĐQT Công ty

b. Thư ký Đại hội:

- Ông Nguyễn Văn Tinh

c. Ban Kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Hoàng Hải

- Ông Phùng Ngọc Ánh

- Ông Lê Thanh Khoa

- Ban tổ chức giới thiệu Chủ tịch HĐQT lên chủ trì Đại hội và Thư ký Đại hội lên làm việc.

B. Tiến hành Đại hội: Chủ tịch HĐQT điều hành Đại hội.

B.1. Ông Nguyễn Đức Tuyên-Chủ tịch HĐQT: thông qua chương trình Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

B.2. Các nội dung chính tại Đại hội:

1. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Thành Huân- Phó Tổng giám đốc trình bày về báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán.

Về ý kiến của Kiểm toán liên quan đến việc Công ty hiện đang hạch toán các chi phí quản lý dự án vào khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”: Vấn đề này đã được Ban điều hành giải thích trong Thư quản lý và cũng đã được Ban Kiểm soát thống nhất tại Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2010.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Riêng ý kiến của cổ đông (Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng) về hạch toán các chi phí quản lý dự án, HĐQT sẽ nghiên cứu và có báo cáo cổ đông sau:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.

- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.

- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2. Thay mặt Ban kiểm soát Công ty, Ông Nguyễn Hoàng Hải- Trưởng Ban kiểm soát, báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính

2010, kế hoạch hoạt động năm 2011 và đề xuất việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2011 (tại báo cáo số 01/BC-EVNI-BKS ngày 08/04/2011).

Thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã có giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến của Ban kiểm soát đối với HĐQT và Ban điều hành trước Đại hội.

2.1. Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2010 và kế hoạch hoạt động năm 2011:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2.2. Liên quan đến việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2011, Đại hội biểu quyết thông qua phương án: (i) giao Ban điều hành có kế hoạch mời các công ty kiểm toán độc lập gửi thư chào trong nửa đầu năm 2011 để Ban Kiểm soát có cơ sở so sánh và chọn lựa trên cơ sở hợp lý, tiết kiệm; (ii) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2011 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

3. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyên- Chủ tịch HĐQT, báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2010 và nhiệm vụ năm 2011 (tại báo cáo số 07/BC-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011).

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

4. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Nam Thắng- Phó Tổng giám đốc báo cáo kết quả thực hiện năm 2010 và kế hoạch năm 2011 (tại báo cáo số 46/BC-EVNI-KH ngày 08/04/2011).

Sau khi nghe báo cáo, một số cổ đông đề nghị Công ty: (i) tập trung để Chính phủ Campuchia sớm cấp phép đầu tư dự án Hạ Sê San 2 và làm việc với Royal Group để thống nhất các nội dung liên quan đến thành lập pháp

nhân tại Campuchia; (ii) cần đưa ra các mốc tiến độ cụ thể cho từng nội dung công việc để thực hiện; (iii) nghiên cứu thêm việc mở rộng một số ngành nghề kinh doanh sớm mang lại lợi nhuận kinh tế.

Thay mặt HĐQT và Ban điều hành, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc đã có giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến của cổ đông trước Đại hội.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010 và kế hoạch năm 2011, với các nội dung chính như trong báo cáo.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

5. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình về việc thông qua kế hoạch đầu tư dài hạn Công ty (tại tờ trình số 08/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011), cụ thể:

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua “Kế hoạch đầu tư dài hạn Công ty” cho giai đoạn từ 2011-2016 với các nội dung cơ bản như trong tờ trình trên của Hội đồng quản trị; Thông qua phương án chốt vốn điều lệ theo cam kết đến thời điểm 31/12/2010; Đảm bảo góp đủ vốn theo kế hoạch để triển khai dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và hoàn chỉnh các công việc liên quan đến các dự án khác.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

6. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 (tại tờ trình số 09/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011).

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao Năm 2011 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4	3.800.000	182.400.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	Tổng cộng:			749.040.000

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

7. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Văn Tình- Thư ký Công ty đọc tờ trình của HĐQT thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (tại tờ trình số 10/TTTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011), cụ thể:

Sửa đổi Khoản 4 Điều 22 về Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Điều lệ hiện nay:

“Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ”

Đề nghị sửa lại là:

“Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty bằng Fax trước và bản chính gửi thư chuyển phát nhanh. Nếu quá thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến mà cổ đông không gửi phiếu phản hồi về Công ty thì được coi là phiếu tán thành”

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

8. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về việc thông qua một số nội dung liên quan đến thành lập

pháp nhân tại Campuchia (tại tờ trình số 11/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011).

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung liên quan đến thành lập pháp nhân tại Campuchia như trong tờ trình trên của Hội đồng quản trị.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

9. Thay mặt Ban điều hành, Ông Hoàng Xuân Quý- Trưởng phòng Tài chính kế toán đọc tờ trình của HĐQT về việc thông qua phương án phát hành cổ phần năm 2011 (tại tờ trình số 12/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011).

Sau khi thảo luận, Cổ đông được quyền biểu quyết (theo Nghị định số 01/2010/NĐ-CP ngày 4/1/2010 của Chính phủ về chào bán cổ phần riêng lẻ) đã biểu quyết thông qua phương án phát hành cổ phần năm 2011, cụ thể:

9.1. Khối lượng phát hành: 12.930.000 cổ phiếu; với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần.

9.2. Đối tượng phát hành: phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho 09 pháp nhân (chi tiết như phụ lục kèm theo).

9.3. Sau thời hạn quy định, nếu các nhà đầu tư được quyền mua không góp đủ vốn, phần vốn thiếu còn lại sẽ được Hội đồng quản trị xử lý phân phối cho đối tượng khác với điều kiện tổng số nhà đầu tư phát hành trong cả đợt phát hành này không quá 100 người.

9.4. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 15.327.220 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

10. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (tại tờ trình số 17/TTr-EVNI-HĐQT ngày 20/04/2011).

Đại hội tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thay thế chỗ trống phát sinh, cụ thể: miễn nhiệm ông Nguyễn Thành Huân khỏi chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị và bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Huy- Người đại diện phần vốn của CTCP Nhiệt điện Phả Lại tại EVNI để thay thế.

- Số phiếu phát ra: 134.927.220 cổ phần;
- Số phiếu thu về: 134.927.220 cổ phần;
- Số phiếu bầu hợp lệ: 134.194.400 cổ phần;
- Số phiếu bầu không hợp lệ: 732.820 cổ phần.

Kết quả: số phiếu tán thành là 134.194.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,45% (kèm theo biên bản kiểm phiếu)

C. Thông qua Nghị quyết của Đại hội.

Thay mặt cho Thư ký Đại hội, Ông Nguyễn Văn Tình đọc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

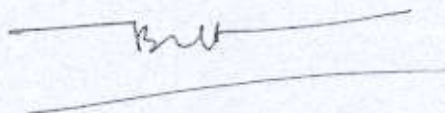
Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 21 tháng 04 năm 2011.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011 CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Văn Tình



CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Đức Eugène

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch đầu tư dài hạn Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2010 thông qua phương hướng, chiến lược phát triển kinh doanh dài hạn của EVNI cho từng giai đoạn từ 2010-2015, 2016-2020 và dự kiến 2021-2030.

Căn cứ tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án đến thời điểm hiện nay; EVNI chuẩn xác lại Kế hoạch đầu tư dài hạn như sau:

1.1. Về mục tiêu:

1/ Tập trung mọi nguồn lực để hoàn tất các thủ tục liên quan nhằm sớm khởi công dự án Hạ Sê San 2 và quản lý điều hành dự án theo đúng tiến độ.

2/ Các dự án Hạ Sê San 1/5, Se Kong (tại Campuchia) và Nam Mo 1 (tại Lào): Chỉ dừng lại ở bước nghiên cứu lập dự án đầu tư, tổ chức báo cáo, hoàn tất đàm phán hợp đồng mua bán điện, thu xếp vốn, tìm kiếm thêm các đối tác đầu tư; báo cáo cổ đông thống nhất, mới triển khai các bước tiếp theo (các dự án này trong phương hướng, chiến lược dài hạn đến năm 2010 đã thông qua có dự trù kế hoạch tiến độ và bố trí vốn đến thời điểm hoàn thành dự án).

1.2. Về tiến độ:

1/ Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (400MW): (i) Việt Nam cấp phép đầu tư ra nước ngoài trong quý 1/2011 (Bộ KHĐT đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư); (ii) Đàm phán hợp đồng với phía Campuchia và Việt Nam kết thúc trong quý 2/2011; (iii) Campuchia cấp phép đầu tư trong quý 2/2011; (iv) Dự kiến khởi công công trình chính năm 2012; (v) Hoàn thành công trình cuối 2015, đầu 2016.

2/ Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 (96MW): (i) Dự kiến khởi công công trình chính cuối năm 2013; (ii) Vận hành thương mại cuối năm 2017, đầu năm 2018.

3/ Dự án thủy điện SeKong (190MW) tại Campuchia, Nậm Mô 1 (70MW) tại Lào: (i) Dự kiến khởi công công trình chính cuối năm 2014; (ii) Vận hành thương mại cuối năm 2019, đầu năm 2020.

1.3. Về vốn đầu tư:



1/ Dự án thủy điện Hạ Sê San 2: bố trí vốn chủ sở hữu để đầu tư dự án theo tỷ lệ đã thống nhất với Royal Group (đối tác được Chính phủ Campuchia giới thiệu tham gia góp vốn đầu tư dự án Hạ Sê San 2) tại biên bản ghi nhớ ngày 11/11/2010; cụ thể: EVNI giữ 51% – Royal Group giữ 49% vốn điều lệ Công ty dự án (chiếm 30% TMĐT của dự án).

2/ Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5: bố trí vốn để báo cáo hoàn chỉnh F/s cho phía Campuchia và Việt Nam; hoàn chỉnh thủ tục cấp phép đầu tư, đàm phán hợp đồng mua bán điện; thu xếp vốn, tìm kiếm đối tác tham gia đầu tư trước khi triển khai các bước tiếp theo.

3/ Dự án thủy điện SeKong tại Campuchia và Nậm Mô 1 tại Lào: Bố trí vốn để hoàn thành báo cáo F/s, báo cáo cho phía Campuchia (đối với dự án SeKong), Lào (đối với dự án Nậm Mô 1), Việt Nam (cả 2 dự án); Hoàn chỉnh thủ tục cấp phép đầu tư, đàm phán hợp đồng mua bán điện; thu xếp vốn, tìm kiếm đối tác tham gia đầu tư trước khi triển khai các bước tiếp theo.

Chi tiết vốn đầu tư qua các năm như Bảng 1:

Bảng 1

Đvt: USD

Dự án đầu tư		Năm							Tổng cộng
		07-10	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
TD Hạ Sê San 2	Vốn đầu tư	8,424,039	6,102,356	88,494,799	191,224,764	122,103,215	279,562,710	103,305,049	799,216,932
	Vốn CSH	8,424,039	6,102,356	20,985,686	37,068,623	39,242,882	60,433,028	36,548,426	208,805,039
	+ Vốn EVNI (51%)	8,424,039	4,063,792	9,686,426	17,888,724	18,997,596	29,804,570	17,623,423	106,490,570
TD Hạ Sê San 1/Sê San 5	Vốn đầu tư	1,129,101	287,609	205,059					1,621,768
	Vốn CSH	1,129,101	287,609	205,059					1,621,768
	+ Vốn EVNI (100%*VDL)	1,129,101	287,609	205,059					1,621,768
TD SeKong	Vốn đầu tư	164,930	798,463	980,223					1,943,616
	Vốn CSH	164,930	798,463	980,223					1,943,616
	+ Vốn EVNI (100%*VDL)	164,930	798,463	980,223					1,943,616
TD Nậm Mô 1	Vốn đầu tư	86,189	294,639	459,726					840,553
	Vốn CSH	86,189	294,639	459,726					840,553
	+ Vốn EVNI (100%)	86,189	294,639	459,726					840,553
Tổng cộng:	Vốn đầu tư	9,804,259	7,483,066	90,139,806	191,224,764	122,103,215	279,562,710	103,305,049	803,622,869
	Vốn CSH	9,804,259	7,483,066	22,630,693	37,068,623	39,242,882	60,433,028	36,548,426	213,210,976
	+ Vốn EVNI	9,804,259	5,446,502	11,331,433	17,888,724	18,997,596	29,804,570	17,623,423	110,896,507

1.4. Kế hoạch bố trí vốn:

Để đầu tư dự án thủy điện Hạ Sê San 2, EVNI đã ký MOU với Royal Group để thành lập pháp nhân quản lý điều hành dự án tại Vương quốc Campuchia (Công ty Hạ Sê San 2). Dự kiến Công ty Hạ Sê San 2 có vốn điều lệ là 208,8 triệu USD (tương đương 4.072 tỷ đồng), bằng 30% tổng mức đầu tư của dự án; trong đó, EVNI chiếm cổ phần chi phối, cam kết góp 51% vốn điều lệ 106,5 triệu USD (tương đương 2.076 tỷ đồng).

Đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê san 5, Nậm Mô 1, Sekong, trong giai đoạn từ 2010-2012, EVNI chỉ triển khai lập Dự án đầu tư, tính toán phân tích hiệu quả kinh tế, các phương án giá bán điện, tổ chức báo cáo với các Bộ ngành, Chính phủ các nước, đàm phán mua bán điện và cấp phép đầu tư cho Dự án. Trên cơ sở Hợp đồng mua bán điện tiến hành công tác thu xếp vốn, cơ cấu cổ đông, mời các đối tác cùng tham gia đầu tư dự án,..., mới triển khai các bước tiếp theo. Do đó tổng số vốn chủ sở hữu dự kiến để đầu tư cho các dự án trên trong giai đoạn này (2010-2012) chỉ khoảng 4,4 triệu USD, tương đương 86 tỷ đồng.

Giá trị đăng ký góp vốn của các cổ đông vào EVNI đến thời điểm 31/12/2010 chỉ đạt 74 triệu USD (tương đương 1.443/2.400 tỷ đồng VDL). Với số vốn góp cam kết hiện tại, để triển khai hoàn thành dự án Hạ Sê San 2 và Dự án đầu tư các dự án khác, xảy ra các trường hợp sau:

- Nếu cổ đông hiện hữu đăng ký thêm hoặc tìm kiếm cổ đông mới tham gia góp vốn vào EVNI đảm bảo vốn điều lệ 2.400 tỷ đồng thì tiến độ góp vốn theo như bảng tính trên (bảng 1).

- Trong trường hợp các cổ đông không đăng ký thêm và không có cổ đông tham gia mới thì đến thời điểm đầu năm 2015 cần thiết phải tăng vốn điều lệ, tiến độ góp vốn của các cổ đông hiện hữu theo cam kết phải kết thúc cuối năm 2014, đầu 2015 (bảng 2).

Bảng 2

Dvt: tr.USD

S T T	Dự án đầu tư	Năm							Tổng cộng
		07-10	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
1	Tổng giá trị vốn đầu tư	9,80	7,48	90,14	191,22	122,10	279,56	103,31	803,62
2	Giá trị vốn CSH	9,80	7,48	22,63	37,07	39,24	60,43	36,55	213,24
3	Giá trị vốn EVNI cần	9,80	5,45	11,33	17,89	19,00	29,80	17,62	110,90
4	Giá trị vốn góp của cổ đông	18,75	6,63	10,65	13,08	14,36	10,56	0	74,02

Kiến nghị đối với cổ đông:

(i) Thông qua phương án chốt vốn điều lệ theo cam kết đến thời điểm 31/12/2010.

(ii) Đảm bảo góp đủ vốn theo kế hoạch để triển khai dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và hoàn chỉnh các công việc liên quan đến các dự án khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TH, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Tuyên



LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC
Peace Independence Democracy Unity Prosperity

2810

Ministry of Planning and Investment

No: /N IIPD4

Vientiane Capital, Date 2 NOV 2011

Letter of RenewalThe Memorandum of Understanding

- Referring to the proposal letter of the EVN International, 62/CV-VNI-K da d 15/8/2011.
- Referring to the Memorandum of Understanding of Nam Mo1 Hydroelectric Power Project dated March 4, 2010.
- Referring to the Solution of the CPMI Meeting, No.029 dated 11/11/2011.

This is to authorize a renewal of the term and validity of the Memorandum of Understanding (MOU) on Nam Mo 1 Hydroelectric Power Project Signed on March 3, 2010, between the Government of Lao PDR and EVN International.

The renewal of term and validity of the said MOU shall be extending for the first period (From September 3, 2011 to March 3, 2012). Except as renewed herein, all obligations and responsibilities of the parties shall remain the same.

This letter shall cause the renewal of the said MOU effective as from the date of its signature herof.



Somdy DOUANGDY
Minister of MPI



LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC
Peace Independence Democracy Unity Prosperity

----- 000 -----

2392

MINISTRY OF PLANNING AND INVESTMENT

No: _____/MPI. IPD.4

Vientiane Capital, Date: 04 SEP 2012



Letter of Renewal
The Memorandum of Understanding

- Referring to Memorandum of Understanding (MOU) on the Nam Mo 1 Hydropower Project Signed on March 04th, 2010.
- Referring to Resolution of the 08th of the "CPMI" Meeting dated July 20th 2012; The Minute of Meeting No 08/CPMI, dated August 06th 2012.

This is to authorize a renewal of the term and validity of the Memorandum of Understanding (MOU) on the Nam Mo 1 Hydropower Project in Xieng Khouang Province Signed on March 04th, 2010, between the Government of Lao PDR and EVN International Joint Stock Company.

This renewal of term and validity of the said MOU shall be extended for Nine months from the date of authorization (This is the last period of renewal for MOU). Except as renewed herein, all obligations and responsibilities of the parties shall remain the same.

This letter shall cause the renewal of the said MOU effective as from the date of its signature hereof



Somdy DOUANGDY

Minister of Planning and Investment



LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC
PEACE INDEPENDENCE DEMOCRACY UNITY PROSPERITY

.....000.....

MINISTRY OF ENERGY AND MINES
DEPARTMENT OF ENERGY POLICY AND PLANNING

No. 535 - - /MEM.DEPP

Vientiane capital, date: 24 JUL 2013

Letter of Interim Approval

Attn: EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Reference: Feasibility Study of Nam Mo1 Hydro Power Project (55 MW, FSL= 430 m asl), Lao PDR

The Department of Energy Policy and Planning (DEPP) of the Ministry of Energy and Mines hereby acknowledges receipt of the Feasibility Study of the Nam Mo 1 Hydro Power Project from EVN International Joint Stock Company Ref No. 1037 on 13 Nov 2012

DEPP issues this Letter of Interim Approval for the Feasibility Study and attaches a list of required amendments. Ten (10) copies of the Final Report of the Feasibility Study addressing the required amendments and complying with the Lao Electric Power Technical Standard shall be submitted to DEPP.

- Attachments:
- Comments on Feasibility Study.
 - Check List for Fundamental Requirements/Scope of Works on Technical Feasibility Study.



Dr. Daovong PHONEKEO



LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC
PEACE INDEPENDENCE DEMOCRACY UNITY PROSPERITY

.....000.....

MINISTRY OF ENERGY AND MINES
DEPARTMENT OF ENERGY POLICY AND PLANNING

No. **535 - -** /MEM.DEPP

Vientiane capital, date:

24 JUL 2013

Letter of Interim Approval

Attn: EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Reference: Feasibility Study of Nam Mo1 Hydro Power Project (55 MW, FSL= 430 m asl), Lao PDR

The Department of Energy Policy and Planning (DEPP) of the Ministry of Energy and Mines hereby acknowledges receipt of the Feasibility Study of the Nam Mo 1 Hydro Power Project from EVN International Joint Stock Company Ref No. 1037 on 13 Nov 2012

DEPP issues this Letter of Interim Approval for the Feasibility Study and attaches a list of required amendments. Ten (10) copies of the Final Report of the Feasibility Study addressing the required amendments and complying with the Lao Electric Power Technical Standard shall be submitted to DEPP.

Attachments: - Comments on Feasibility Study.
- Check List for Fundamental Requirements/Scope of Works on Technical Feasibility Study.



Dr. Daovong PHONEKEO



LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC
Peace Independence Democracy Unity and Prosperity

Ministry of Energy and Mines
Department of Energy Policy and Planning
Nong Bone Road P.O.Box 4708
Tel: (856-21) 415037
Fax: (856-21) 415036

535 - - -
No...../MEM.DEPP
Vientiane, 24 JUL 2013.....

To: EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Subject: Comments on Feasibility Study of Nam Mo1 (55MW) Hydropower Project.

Upon, the Department of Energy Policy and Planning had basically reviewed the Feasibility Study Report submitted by EVN International Joint Stock Company on 13 Nov 2012, together in parallel to the questions raised during the Feasibility Study Presentation made by the Company held on 10 May 2013, an official comments to this Study can be thus summarized as follows:

I. General:

Based on the Lao Electric Power Technical Standards (LEPTS); Guidelines on Operating and Managing the LEPTS (LEPTS Guidelines), and Safety Rules for Operation and Maintenance in Lao PDR, which are officially effective as the Ministerial Decree, the project developer shall follow the said Standard and Guidelines as:

1. The Company shall officially notify the Chief Engineer who has responsibility on detail design of the project to the Department of Energy Management (DEM).
2. The Company shall prepare the design criteria on hydroelectric power project and submit it to the Department of Energy Management (DEM) before starting detail design.

II. Specific Technical Matters:

1. It is recommended that the project shall study in detail alternative dam type and dam type selection. In the study earth-fill dam with gray core is selected while there were very much concerns on stability of the selected earth-fill dam which was raised in the project feasibility study presentation which was held in the Department of Energy Policy and Planning (DEPP) dated 7th May 2013.

2. According to, the dam type selection of the project "earth-fill dam", and Lao Electric Power Technical Standard (LEPTS) "Article17: Inflow design flood", therefore it is highly recommended that the project shall study inflow design flood of the Nam Mo-1 project in accordance with the LEPTS which earth-fill dam is classified in significant and high risk, therefore the study shall carefully take into account this aspect.
3. It is recommended that the project should study carefully and take into account dam stability analysis and dam break analysis. According to Lao Electric Power Technical Standards, dam stability and stress analysis is required to study.
4. Geological cross sectional drawing at dam site indicating expected foundation excavation line should be presented in the report.
5. It is highly recommended that the project shall installed hydrological and meteorological station in the river of Nam Mo and in the project catchment in order to collect stream-flow data, rainfall, evaporation and so on as they are needed for the study.
6. Monthly energy production simulation of the project shall be reported.
7. The design of number of turbine unit shall take into account the flow availability during the dry season in order to avoid stop operation due to water shortage.
8. Designs transmission line voltage 220 kV with length 30 km, why not select voltage range 110 kV? Cost will be rather cheaper.
9. It is required to consider selling electricity which will be produced from Nam Mo-1 project to the EDL through the nearest EDL' power system network such as ThaVieng substation.
10. Final Feasibility Report (10 copies including soft copy) are required to be submitted to the Department of Energy Policy and Planning, Ministry of Energy and Mines.

Sincerely yours,



Dr. Daovong PHONEKEO
Director General
Department of Energy Policy and Planning
Ministry of Energy and Mines, Lao PDR

Check List
for
Fundamental Requirements/Scope of Works on Technical Feasibility Study
for Nam Mo1 (55 MW) Hydropower Project

Feasibility Study (F.S) on hydropower development is to determine how much electricity could be generated, what kind of technology, scheme, layout and design which work best conforming to the Lao Electric Power Technical Standards (LEPTS), and whether make sense economically and financially.

This is fundamental requirements/scope of works in term of Feasibility Study on hydropower development, which hydropower investors (developers) of Nam Mo1 Hydropower Project should fulfill for final technical approval.

References:

- Electricity Law (2012).
- Lao electric power technical standards (LEPTS) enacted 2004.
- Guideline on operating and managing, and Safety rule for operation and maintenance (Safety rules) LEPTS enacted 2007.

F.S Contents	Fulfill (√)	not Fulfill (×)	Comments
- Location map of project area (scale 1:50,000). - Photos of project area and sites. - Abbreviation of words.	√	×	It is recommended the Feasibility Report shall have a map showing location of the project and project facilities. (There is but not clear) The Report shall have abbreviation of words in front of the main report.
1. Executive Summary (ES) 1) Introduction/power demand study. 2) Social and natural environment conditions. 3) Project description and feature. 4) Recommended project scheme/dimension. 5) Basic layout/design. 6) Energy production. 7) Construction cost. 8) Economical and financial benefits. 9) Project development and construction schedule. 10) Conclusions and recommendations.	√ √ √ √ √ √ √ √	× × × × × × × × ×	Evaluated an economical and financial benefits should be report.
2. Introduction 1) Project background/power demand. 2) Project location and river basin. 3) Previous study reports. 4) Propose of study. 5) Scope of works.	√ √ √ √ √		
3. Social and natural environments survey. 1) Socio-economy and livelihood. 2) Resettlement of villages and number of households. 3) Watershed management. 4) Aquatic ecology and fisheries. 5) Vegetation and wildlife.			Please refer to the comments from the relevant organization such as Ministry of Natural Resource and Environment.
4. Topographical survey and topographic maps 1) Existing maps and scales.	√		

2) Satellite and pictures. 3) Aerial photo grammet ry survey. • Maps of river basin and catchments' area. • Maps yielded for hydropower development plan/study. 4) Ground survey: traverse, cross-section and leveling. 5) GPS (Global Position System) survey: point survey.	√ √ √	× ×	It shall be explained current situation of existing map and its availability
5. Geological, Seismic and construction material survey. 1) Geological condition/landslide/fault. 2) Seismicity. 3) Geology at dam site. • Geological structure/faults. • Lithology. • Seismic wave prospecting, etc. • Geological adits, pit and tests such as bearing/shear strength. • Geological drillings and tests such as strength and permeability. • Laboratory tests, etc. 4) Construction material surveys.	√ √ √ √ √ √	×	
6. Meteorological/Hydrological survey 1) Location map of Meteorological /Hydrological stations. 2) Meteorological survey and data. • Precipitation/Rainfall (mm) and the isohyets. • Evaporation. • Probable Maximum Precipitation (PMP). 3) Hydrological survey and data. 4) River runoff data. • Daily runoff for the last 10 years.	√ √ √ √ √	×	

• Duration curve. • Mass curve. 5) Floods and probability of recurrences (0.1, 0.1, 0.02, 0.01%). 6) Probable Maximum Flood (PMF) and the hydrograph. 7) Sedimentation survey. • Suspended sediment data during floods.	✓ ✓ ✓ ✓	×	
7. Hydropower development plan/study Power market survey and demand • Power market in Lao PDR. • Power market in neighboring countries (Thailand, Vietnam, Cambodia, etc). • Power market in other sectors.	✓		
Project features • River basin. • Project features/highlights/underlines/key issues. • Basic concept/thought for development.	✓ ✓ ✓		
Reservoir operation for power generation 1) Mass curve of river inflow. 2) Mean inflow (m³/s). 3) Minimum discharge (m³/s) to the downstream. 4) Relation curves among Elevation-Water storage volume-surface area. 5) Reservoir operation rules. • Normal water level (NWL) associated with power generation. • Flood water level (FWL) associate with Design flood. • Low water level (LWL) association with Sedimentation. 6) Reservoir profile.	✓ ✓ ✓	× × × × ×	

Optimization on project scheme/dimension 1) Project parameters to optimize. • Normal water level (NWL) for power generation. • Maximum discharge Q_{max} (m^3/s) for power generation. • Installed capacity (kW): number of unit, unit capacity (kW). 2) Case study of variable parameters such as NWL, Q_{max}, installed capacity (kW). • "Cost index". • Energy production/output. • "Benefit" yielded on the base of fossil fuel price at a thermal power plant. • "Benefit" to "cost index" (B/C). • Generation/Energy cost index (S/kWh). 3) Features of economic performance shown in figure/Graph about variable parameters such NWL, Q_{max}, installed capacity (kW) respectively. (1) Index curve of "B/C" relevant to each parameter to optimize. (2) Index curve of "Energy cost" relevant to each parameter. 4) Selection of a maximized benefit scheme/dimension. • Normal Water Level (NWL). • Maximum discharge Q_{max} (m^3/s). • Installed capacity (kW): number of unit, unit capacity (kW).	√ √ √ √ √ √ √ √ √ √	× × × × × × × × × ×	Selection of an optimum scheme shall be addressed the reason why this alternative has been selected, in the report especially in terms of NWL, turbine designed discharge, installed capacity, its energy production and other parameters have to be shown.
Alternative study on project layouts/designs 1) Alternative layouts/designs. • General layout.		× ×	

(PPA). • Concession Agreement (CA). ◇ Detail design: DEM examination and approval. ◇ Construction works: DEM inspection and approval. ◇ Commencement of Operation : DEM inspection and approval. Submission of Safety rules to DEM.			According to Lao Electric Power Technical Standard (LEPTS), the project shall schedule these works to the project further activities.
10 Conclusions & recommendations. 1) Conclusions: • Project description/plan/scheme. • Project layout/design. • Energy production/output. • Project cost. • Economical/Financial benefits. • Social and environment matters. • Overall evaluation. 2) Recommendations.	√ √ √ √	× ×	Some recommendations and conclusion were made to the study, but in order to fulfill the objective of the recommended conclusion the project has to follow the topics given as shown in the left hand-side.

Remarks:

- The column marked by √ symbol that means these works have been examined as fulfilled works.
 - The column marked by × symbol that means these works have been examined as not fulfilled works.
- The developer of the project has to re-conduct the study regarding these recommended aspects.

Vientiane, date: 24/2/2013

Department of Energy Policy and Planning
Electricity Generation Planning Division


Sanhya SOMVICHITH

**NGHỊ QUYẾT HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị phiên 3/2013, ngày 27/09/2013 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua nội dung “Quy định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của các Phòng trong Công ty cổ phần EVN Quốc tế” do Chủ tịch HĐQT ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-EVNI-HDQT ngày 24/6/2013.

2. Về việc thanh toán các khoản nợ đối với các đơn vị Tư vấn, HĐQT thống nhất trong giai đoạn hiện nay, chưa thực hiện trả nợ các khoản nợ đối với các Tư vấn. Yêu cầu Ban điều hành tăng cường tiếp xúc các chủ nợ để đàm phán giãn thời gian trả nợ.

3. Về các dự án:

3.1 Đối với dự án Hạ Sê San 2: Tiếp tục theo dõi, quản lý nhằm bảo toàn phần vốn góp đã bỏ ra, chủ động đàm phán và chuyển nhượng 10% vốn điều lệ của Công ty dự án khi điều kiện thuận lợi với nguyên tắc giá chuyển nhượng không thấp hơn tổng giá trị quyết toán phần chi phí thực hiện được ĐHDCTD phê duyệt và các loại thuế, phí phát sinh khi thực hiện chuyển nhượng.

3.2 Đối với dự án Nậm Mô 1: Tiếp tục gia hạn MOU, ký kết PDA để có đủ thời gian tìm kiếm đối tác để hợp tác/chuyển nhượng dự án. Trong trường hợp chuyển nhượng dự án, phải đảm bảo thu hồi toàn bộ số chi phí đã bỏ ra tính đến thời điểm chuyển nhượng. Trong trường hợp hợp tác đầu tư, việc hợp tác đầu tư không được làm phát sinh chi phí từ phía EVNI, mọi chi phí kể từ thời điểm ký thỏa thuận hợp tác đầu tư với đối tác phải do phía đối tác chi trả.



3.3 Đối với dự án Hạ Sê San 1/Sê San 5: Tiếp tục gia hạn MOU trong thời gian chờ chủ trương của cấp trên về việc tiếp tục hay không việc triển khai dự án.

4. Về mô hình tổ chức và cơ cấu cổ đông:

4.1 Thực hiện thoái hết vốn tại Công ty cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1 trong năm 2014.

4.2 Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức Công ty như hiện tại, đến hết năm 2015 để có đủ nguồn nhân lực và thời gian thực hiện quản lý và chuyển giao các dự án đang dang dở.

4.3 Chưa thực hiện việc mua lại cổ phần của các cổ đông thể nhân và pháp nhân.

4.4 Thống nhất về nguyên tắc cần thiết chào bán đất và trụ sở của Công ty để sử dụng tốt hơn nguồn vốn tài sản của Công ty. Yêu cầu Ban điều hành chủ động làm việc, tìm kiếm người mua, báo cáo HĐQT về phương án bán đất và trụ sở đảm bảo thu hồi vốn đầu tư đã bỏ ra cũng như phương án sử dụng và hiệu quả của nguồn tiền thu được để có quyết định trước khi thống nhất với người mua về các nội dung của việc mua lại đất và trụ sở của Công ty.

5. Thông qua nội dung dự thảo PDA của Dự án Năm Mô 1 như các nội dung về dự thảo PDA tại Tờ trình số 53/TTr-EVNI-KT ngày 19/9/2013, đồng thời giao Ban điều hành tiếp tục thực hiện gia hạn MOU và ký kết PDA của dự án để có đủ thời gian tìm kiếm đối tác hợp tác/chuyển nhượng dự án.

Về chi phí và tiến độ thực hiện PDA, HĐQT sẽ xem xét và có ý kiến cụ thể trong kế hoạch hoạt động SXKD và ĐTXD năm 2014 của Công ty.

6. Thông qua Dự thảo phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế đính kèm Tờ trình số 19/TTr-EVNI-HĐQT ngày 19/9/2013 và giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Giao ông Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thành viên HĐQT;
- Lưu: TH, Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Nam Thắng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 9 năm 2013

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Phiên họp thứ 3 - 2013**

Vào hồi 08h30 ngày 27 tháng 9 năm 2013 tại Đà Nẵng, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) đã tổ chức phiên họp thứ 3 năm 2013.

I. Thành phần dự họp:

I.1. Hội đồng quản trị (HĐQT):

1. Ông Nguyễn Nam Thắng
2. Ông Trương Quang Minh
3. Ông Nguyễn Kim Lê Chuyên
4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Ông Nguyễn Quang Huy không tham dự do bận công tác đột xuất (có ý kiến bằng văn bản)

I.2. Ban kiểm soát:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hải
2. Ông Đồng Quốc Cường

I.3. Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng TC-KT, KT.

II. Nội dung:

1. Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2013;
2. Trình phương án sắp xếp mô hình tổ chức, hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
3. Trình thông qua nội dung dự thảo PDA, kế hoạch chi phí và tiến độ thực hiện PDA - Dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào;



4. Trình phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

III. Diễn biến phiên họp:

Chủ trì phiên họp: Ông Nguyễn Nam Thắng – Chủ tịch HĐQT

Thư ký cuộc họp: Ông Tống Quốc Trung – Chuyên viên phòng Tổng hợp

1. Các thành viên đã nghe ông Nguyễn Nam Thắng – CT.HĐQT, Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2013 tại Báo cáo số 50/BC-EVNI-KT+TH ngày 19/9/2013. Sau khi thảo luận, HĐQT thống nhất:

- Thông qua nội dung “Quy định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của các Phòng trong Công ty cổ phần EVN Quốc tế” do Chủ tịch HĐQT ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-EVNI-HĐQT ngày 24/6/2013.

- Về việc thanh toán các khoản nợ đối với các đơn vị Tư vấn, HĐQT thống nhất trong giai đoạn hiện nay, chưa thực hiện trả nợ các khoản nợ đối với các Tư vấn. Yêu cầu Ban điều hành tăng cường tiếp xúc các chủ nợ để đàm phán giãn thời gian trả nợ.

2. Các thành viên đã nghe ông Trương Quang Minh – UV.HĐQT, Phó Tổng Giám đốc trình bày “Đề án sắp xếp mô hình tổ chức, hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế tại” Tờ trình số 51/TTr-EVNI-TH ngày 19/9/2013. Sau khi thảo luận, HĐQT thống nhất thông qua phương án sắp xếp mô hình tổ chức, hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế với các nội dung chính như sau:

2.1 Về các Dự án:

- Đối với dự án Hạ Sê San 2: Tiếp tục theo dõi, quản lý nhằm bảo toàn phần vốn góp đã bỏ ra, chủ động đàm phán và chuyển nhượng 10% vốn điều lệ của Công ty dự án khi điều kiện thuận lợi với nguyên tắc giá chuyển nhượng không thấp hơn tổng giá trị quyết toán phân chi phí thực hiện được ĐHĐCD phê duyệt và các loại thuế, phí phát sinh khi thực hiện chuyển nhượng.

- Đối với dự án Nậm Mô 1: Tiếp tục gia hạn MOU, ký kết PDA để có đủ thời gian tìm kiếm đối tác để hợp tác/chuyển nhượng dự án. Trong trường hợp chuyển nhượng dự án, phải đảm bảo thu hồi toàn bộ số chi phí đã bỏ ra tính đến thời điểm chuyển nhượng. Trong trường hợp hợp tác đầu tư, việc hợp tác đầu tư không được làm phát sinh chi phí từ phía EVNI, mọi chi phí kể từ thời điểm ký thỏa thuận hợp tác đầu tư với đối tác phải do phía đối tác chi trả.

- Đối với dự án Hạ Sê San 1/Sê San 5: Tiếp tục gia hạn MOU trong thời gian chờ chủ trương của cấp trên về việc tiếp tục hay không việc triển khai dự án.

2.2 Về mô hình tổ chức và cơ cấu cổ đông:

- Thực hiện thoái hết vốn tại Công ty cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1 trong năm 2014.

- Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức Công ty như hiện tại đến hết năm 2015 để có đủ nguồn nhân lực và thời gian thực hiện quản lý và chuyển giao các dự án đang dang dở.

- Chưa thực hiện việc mua lại cổ phần của các cổ đông thể nhân và pháp nhân.

- Về việc bán đất và trụ sở Công ty:

- UVHĐQT Nguyễn Nam Thắng, Trương Quang Minh, Nguyễn Kim Lê Chuyên thống nhất về nguyên tắc cần thiết chào bán đất và trụ sở của Công ty để sử dụng tốt hơn nguồn vốn tài sản của Công ty. Yêu cầu Ban điều hành chủ động làm việc, tìm kiếm người mua, báo cáo HĐQT về phương án bán đất và trụ sở đảm bảo thu hồi vốn đầu tư đã bỏ ra cũng như phương án sử dụng và hiệu quả của nguồn tiền thu được để có quyết định trước khi thống nhất với người mua về các nội dung của việc mua lại đất và trụ sở của Công ty;
- UVHĐQT Nguyễn Quang Huy (có ý kiến bằng văn bản), Nguyễn Thị Ngọc Mai không thống nhất việc bán đất và trụ sở của Công ty vào thời điểm hiện tại do việc tiếp tục duy trì trụ sở làm việc như hiện nay không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty cũng như số tiền thu hồi được từ việc bán đất và trụ sở sẽ không giải quyết được tình trạng hiện nay của Công ty.

3. Các thành viên đã nghe ông Lê Vũ Ninh – Trưởng phòng Kỹ thuật trình bày các nội dung liên quan đến dự thảo PDA, kế hoạch chi phí và tiến độ thực hiện PDA - Dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào như các nội dung tại Tờ trình số 53/TTr-EVNI-KT ngày 19/9/2013.

Sau khi thảo luận, HĐQT thống nhất thông qua nội dung dự thảo PDA của Dự án như các nội dung về dự thảo PDA tại Tờ trình số 53/TTr-EVNI-KT ngày 19/9/2013, đồng thời giao Ban điều hành tiếp tục thực hiện gia hạn MOU và ký kết PDA của dự án để có đủ thời gian tìm kiếm đối tác hợp tác/chuyển nhượng dự án.

Về chi phí và tiến độ thực hiện PDA, HĐQT sẽ xem xét và có ý kiến cụ thể trong kế hoạch hoạt động SXKD và ĐTXD năm 2014 của Công ty.

4. Các thành viên đã nghe ông Trương Quang Minh – UV.HĐQT trình bày phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc



tế như các nội dung tại Dự thảo đính kèm Tờ trình số 19/TTr-EVNI-HĐQT ngày 19/9/2013.

Sau khi thảo luận, HĐQT thống nhất các nội dung phân công như Dự thảo và giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 h30 cùng ngày.

Biên bản đã được thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP


Tông Quốc Trung

CHỦ TỌA CUỘC HỌP

Nguyễn Nam Thắng

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Nguyễn Nam Thắng 

2. Ông Trương Quang Minh 

3. Ông Nguyễn Kim Lê Chuyên 

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai 



EVNINTERNATIONAL

Da Nang, 05 April 2013

SEQ. No: 16 /CV-EVNI-KT

From: Mr. Nguyen Nam Thang

President & CEO of EVN International Joint Stock Company

To: Ministry of Planning and Investment of Lao PDR

C.c: Ministry of Energy and Mines of Lao PDR

Subject: MOU on Nam Mo 1 Hydropower Project

Dear Sir,

On behalf of EVN International, I would like to express sincere thanks for your kind support and effective cooperation for our projects in Laos.

In accordance with the Memorandum of Understanding (MOU) on Nam Mo 1 Hydropower Project dated March 04th 2010 and the Letter of Renewal number 2392/MPI.IPD.4 dated September 04th 2012 issued by Ministry of Planning and Investment, the Project MOU remains effective until June 04th 2013.

As we has reported the Feasibility Study (FS) report of Nam Mo 1 hydropower project has been completed and submitted to Department of Energy Business in November 2012. However, up to date, we have not received comments from your Ministry on the submitted FS report in order for EVNI to update, complete and re-submit the final report. Besides, we understand that the Project MOU has already been renewed for the last extension. However, to ensure that EVNI can timely revise and complete FS report and implement the next project steps, EVNI would like to kindly request the Ministry of Planning and Investment of Lao PDR for consideration of our proposal in two options as follows:

- i) Extension of validity the Project MOU until December 2013; or
- ii) On the basis of our submitted FS report and the approved TOR for EIA, to allow EVNI to sign the Project PDA. The completion of the FS can be done simultaneously with the signing of the PDA.

We look forward to hearing from your kind consideration,

Sincerely yours,



Nguyen Nam Thang
President & CEO

Add: Lot No 91, Xó Viet Nghe Tinh St
Cam Le Dist, Da Nang City.

Tel: (84-511) 625 55 59
Fax: (84-511) 3633.991

Email: evnquocte@evni.vn
www.evni.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 530
Ngày: 15 tháng 11 năm 2013.



LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC
Peace Independence Democracy Unity Prosperity

3009

Ministry of Planning and Investment

No: /MPLIP
Vientiane Capital, Dat

EVN INTERNATIONNAL JOINT STOCK COMPANY
78A-Duy Tan Street-Hai Chau District
Da Nang City-Vietnam
Telephone: 84-511 222 6800.
Facsimile: 84-511 363 3991.

Attention: Director of EVN International JSC

- Referring to Memorandum of Understanding dated 04th March 2010
- Referring to Government Office's Decision No.1571/ĐA.N.T. October 2013;

We refer to your captioned letter in respect of the Nam MO 1 Hydropow ("Project") requesting an extension of the Memorandum of Understanding Mandate period.

The Ministry of Planning and Investment on behalf of the Government of appreciates and grateful for the efforts you have made to develop the Project course of the originally granted Mandate Period and the subsequent extensions.

We regret to inform you, however, that, after careful consideration of your request, the decision of the Government of Lao PDR is that no further extension is warranted. Accordingly, please take note that, in accordance with Clause 12 of as from the expiration date of the latest granted extension of the Mandate MOU is no longer in force and effect.

Minister of Ministry
Planning and Investment



Copy to:

- Government office
- MEM
- MONRE
- IPD of Xiengkhuang Province

**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Biên bản phiên họp Hội đồng quản trị EVNI ngày 21/10/2020.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung như trong Biên bản phiên họp thứ 3-2020 của Hội đồng quản trị EVNI ngày 21/10/2020 (đính kèm).

Điều 2. Thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc EVNI căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thành viên HĐQT, BKS; Ban TGD
- Phòng KT, TCKT;
- Lưu: TH, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 10 năm 2020

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Phiên họp thứ 3 - 2020**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Vào hồi 08h30 ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại phòng họp Công ty Cổ phần EVN Quốc tế, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) đã tổ chức phiên họp thứ 3 năm 2020.

I. Thành phần dự họp:

A. Hội đồng quản trị (HĐQT):

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông Trương Quang Minh | - Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2. Ông Lê Vũ Ninh | - Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 3. Ông Nguyễn Quang Huy | - Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 4. Ông Lê Duy Thanh | - Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 5. Bà Nguyễn Thị Hương | - Ủy viên Hội đồng quản trị (tham gia họp trực tuyến) |

B. Ban kiểm soát:

- | | |
|---------------------|------------------------|
| 1. Bà Đinh Hải Ninh | - Trưởng ban kiểm soát |
| 2. Bà Vũ Hương Trà | - Kiểm soát viên |

C. Trưởng/phó các phòng chức năng Công ty và Thư ký Công ty.

II. Nội dung:

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch quý 4/2020;
2. Trình bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
3. Trình ban hành Quy định phân cấp trong Công ty cổ phần EVN Quốc tế (thay thế Quyết định 33/QĐ-HĐQT ngày 18/11/2019);
4. Trình thanh toán nợ cho Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 1;
5. Trình thực hiện kiểm toán các dự án thủy điện Nậm Mô 1, Sê Kong, Hạ Sê San 1/Se San 5.

III. Diễn biến phiên họp:

Chủ trì phiên họp: Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT

Thư ký cuộc họp: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Công ty

Sau khi xem xét các tài liệu cuộc họp, các thành viên thảo luận các nội dung sau:

***Ý kiến của UV.HĐQT Nguyễn Thị Hương:**

Đối với báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2020, kế hoạch quý 4/2020:

- Về việc thanh toán nợ cho PECC1: thanh toán tối đa 50% khoản nợ khi số tiền cổ tức của Công ty được giải tỏa, phần còn lại sẽ thanh toán khi Công ty nhận số tiền cổ tức còn lại năm 2020 từ HLSS2.
- Đề nghị bổ sung xây dựng kế hoạch 2021.

***/ Ý kiến của HĐQT, BKS:**

Đối với dự thảo Quy định phân cấp: Đề nghị Công ty hoàn thiện và trình HĐQT thông qua.

Sau khi thảo luận, HĐQT thông qua các nội dung sau:

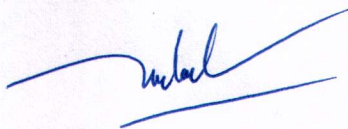
1. Bổ nhiệm ông Lê Vũ Ninh giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần EVN Quốc tế.
2. Thông qua dự thảo Quy định phân cấp trong Công ty cổ phần EVN Quốc tế (thay thế Quyết định 33/QĐ-HĐQT ngày 18/11/2019).
3. Về thanh toán nợ cho Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 1: thanh toán tối đa 50% khoản nợ khi số tiền cổ tức (đợt 1) của Công ty được giải tỏa, phần còn lại sẽ thanh toán khi Công ty nhận số tiền cổ tức còn lại năm 2019 (đợt 2) từ HLSS2;
4. Thông qua chủ trương thuê đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các dự án thủy điện Nậm Mô 1, Sê Kong, Hạ Sê San 1/Se San 5.

Giao Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định hiện hành của Công ty.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 00 ngày 21 tháng 10 năm 2020.

Biên bản đã được thông nhất thông qua./.

THỦ KÝ CÔNG TY



Nguyễn Thị Mai Hương

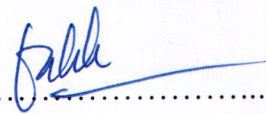


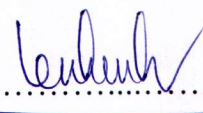
CHỦ TỌA CUỘC HỌP



Trương Quang Minh

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông **Trương Quang Minh**.....

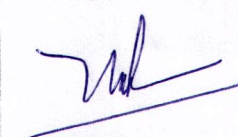
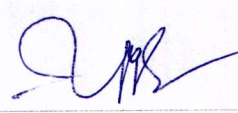
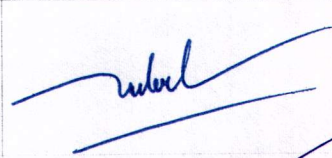
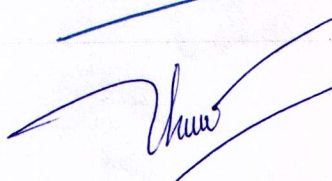
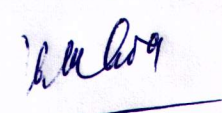
2. Ông **Lê Vũ Ninh**

3. Ông Nguyễn Quang Huy 

4. Ông Lê Duy Thanh

5. Bà Nguyễn Thị Hương

**CÁC THÀNH VIÊN CÙNG THAM DỰ PHIÊN HỌP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
NGÀY 21/10/2020**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban kiểm soát	
2	Bà Vũ Hương Trà	Kiểm soát viên	
3	Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thư ký Công ty, TP Tổng Hợp	
4	Bà Phạm Thị Thủy	Kế toán trưởng	
5	Ông Lê Thanh Khoa	TP Kỹ thuật	



Công ty Cổ phần EVN Quốc tế
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo chi phí thực hiện

Dự án: **Thủy điện Nậm Mô 1**

Hạng mục: **Chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn**

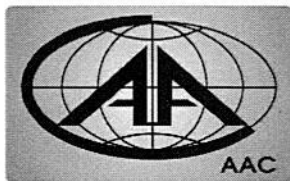
Được kiểm toán bởi: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

Địa chỉ: Lô 78-80 Đường 30/4, P. Hoà Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tel: (84) 236.3655886

Fax: (84) 236.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

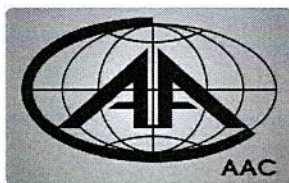
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

MỤC LỤC BÁO CÁO KIỂM TOÁN

---803---

<u>TT</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
A. Báo cáo kiểm toán độc lập		
1.	Trách nhiệm của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	01
2.	Trách nhiệm của Kiểm toán viên	01
3.	Căn cứ, phạm vi của cuộc kiểm toán	01-04
4.	Kết quả kiểm toán	04-07
5.	Ý kiến của Kiểm toán viên	07
B. Phụ lục báo cáo		
1.	Phụ lục 01: Bảng tổng hợp chi phí đầu tư giữa quyết toán và kiểm toán	08-09
2.	Phụ lục 02: Bảng chi tiết tình hình thanh toán và các khoản công nợ	10
3.	Phụ lục DMHS: Danh mục văn bản pháp lý của dự án	11-15



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 1164/2020/AAC-BCKiT

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo chi phí thực hiện dự án

Dự án: Thủy điện Nậm Mô 1

Hạng mục: Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn

Kính gửi: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, đã thực hiện kiểm toán chi phí thực hiện dự án hoàn thành hạng mục “Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn” của dự án “Thủy điện Nậm Mô 1” do Công ty Cổ phần EVN Quốc tế lập.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Cổ phần EVN Quốc tế xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, hồ sơ liên quan đến Báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành cho kiểm toán viên để thực hiện kiểm toán và chịu trách nhiệm về tính pháp lý, sự trung thực, chính xác đối với các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và về tính trung thực, hợp lý của báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, bao gồm Chuẩn mực số 1000 - Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, liệu quá trình thực hiện dự án có tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành, có phản ánh trung thực và hợp lý tình hình thanh toán dự án hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo, có phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành hay không.

CĂN CỨ, PHẠM VI CỦA CUỘC KIỂM TOÁN

1. Căn cứ pháp lý

**/ Văn bản của Quốc hội:*

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Đầu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 1



- Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư XDCB số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

**/ Văn bản của Chính phủ:*

- Quyết định số 89/2000/QĐ-BVGCP ngày 13/11/2000 của Ban Vật giá chính phủ ban hành Biểu cước vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Quyết định số 49/2007/QĐ-TTg ngày 11/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về các trường hợp đặc biệt được chỉ định thầu quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 101 của Luật Xây dựng.
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004.
- Các Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006, số 97/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ về điều chỉnh mức lương tối thiểu chung;
- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006.
- Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009, Nghị định số 68/2012/NĐ-CP ngày 12/9/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006, Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/05/2008, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.
- Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 và Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Nghị định số 97/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009, số 108/2010/NĐ-CP ngày 29/10/2010, số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011, số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012, số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc trong công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, cá nhân và các cơ quan, tổ chức thuê mướn lao động.
- Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát đánh giá đầu tư.
- Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.
- Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Kiểm toán độc lập.

**/ Văn bản của Bộ Xây dựng:*

- Quyết định số 28/2005/QĐ-BXD ngày 10/8/2005 của Bộ Xây dựng ban hành định mức dự toán xây dựng công trình phần khảo sát;
- Các Thông tư số 07/2006/TT-BXD ngày 10/11/2006, số 05/2009/TT-BXD ngày 15/4/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình;
- Công văn số 920/BXD-KTXD ngày 25/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo mức lương tối thiểu mới từ 01/01/2010;



- Thông tư số 14/2005/TT-BXD ngày 10/8/2005, Thông tư số 12/2008/TT-BXD ngày 07/5/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng.
- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.
- Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng ban hành định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 27/7/2007, số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Thông tư số 08/2011/TT-BXD ngày 28/6/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng một số công việc tư vấn xây dựng.

**/ Văn bản của Bộ Tài chính:*

- Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 về Thuế giá trị gia tăng;
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.
- Các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam thực hiện và vận dụng:
 - + Chuẩn mực 1000: Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
 - + Chuẩn mực 210: Hợp đồng kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 230: Tài liệu, hồ sơ kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 300: Lập kế hoạch kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 320: Mức trọng yếu trong lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 500: Bằng chứng kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 530: Lấy mẫu kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 700: Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán.

2. Hồ sơ quyết toán dự án

Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành do Công ty Cổ phần EVN Quốc tế cung cấp cho Kiểm toán viên làm cơ sở để thực hiện cuộc kiểm toán bao gồm các hồ sơ, tài liệu chủ yếu sau đây:

- Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (*xem Danh mục chi tiết tại Phụ lục DMHS*).
- Các Biên bản thương thảo hợp đồng, hợp đồng giao thầu của các gói thầu và các chi phí.
- Hồ sơ quyết toán các hạng mục của dự án.
- Chứng từ kế toán liên quan đến dự án.

3. Phạm vi và công việc kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành bao gồm các nội dung sau:

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý.
- Kiểm tra nguồn vốn đầu tư.

- Kiểm tra chi phí đầu tư:
 - + Kiểm tra các khoản chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn;
- Kiểm tra các khoản công nợ.

Công việc kiểm toán các nội dung trên bao gồm thực hiện các thủ tục kiểm tra trình tự, thủ tục đầu tư của dự án, kiểm tra khối lượng quyết toán các chi phí tư vấn và chi phí khác, rà soát, đối chiếu với dự toán được duyệt, hợp đồng giao nhận thầu, biên bản nghiệm thu...; Kiểm tra việc áp dụng định mức, đơn giá trong quyết toán, đối chiếu với định mức do các cơ quan quản lý chuyên ngành công bố, đơn giá dự toán được duyệt, đơn giá theo hợp đồng...; Kiểm tra chứng từ kế toán và các thủ tục kiểm toán khác mà chúng tôi thấy cần thiết trong từng trường hợp, nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về quá trình thực hiện dự án và số liệu trong báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành.

Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành.

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Sau khi thực hiện thủ tục kiểm tra nói trên, kết quả cuộc kiểm toán như sau:

1. Khái quát chung về dự án

- Tên dự án: Thủy điện Nậm Mô 1.
- Địa điểm đầu tư: Tỉnh Xiêng Khoảng, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế.
- Cấp quyết định đầu tư: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế.
- Đặc điểm của dự án:
 - + Ngày 04/3/2010, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thông qua Bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi dự án Thủy điện Nậm Mô 1 tại tỉnh Xiêng Khoảng, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
 - + Ngày 26/10/2010, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế thông qua Nghị quyết 16/NQ-EVNI-HĐQT có nội dung về việc thống nhất chỉ định thầu đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát, lập dự án đầu tư Thủy điện Nậm Mô 1.
 - + Ngày 20/4/2011, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế thông qua Nghị quyết 04/NQ-EVNI-HĐQT có nội dung về việc thông qua dự án đầu tư giai đoạn 1 của dự án Thủy điện Nậm Mô 1 và cho phép triển khai nghiên cứu giai đoạn 2 của dự án.
 - + Ngày 24/7/2013, Bộ Năng lượng và Mỏ - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã gửi Văn bản số 535/MEM.DEPP về việc thông qua nghiên cứu khả thi dự án Thủy điện Nậm Mô 1.
 - + Ngày 28/9/2015, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế đã có Công văn số 198/CV-EVNI-TH gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào đề nghị cho phép thực hiện các giai đoạn tiếp theo để phát triển dự án Nậm Mô 1.
- Dự toán chi phí khảo sát, lập dự án được duyệt: 11.989.990.748 đồng và 384.303 USD.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn cổ phần.
- Danh sách các Nhà thầu chính:
 - + Khảo sát, lập dự án đầu tư: Công ty CP Tư vấn Điện 3;
 - + Chi phí đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000: Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ;
 - + Kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.



2. Hồ sơ quyết toán của dự án

Hồ sơ quyết toán của dự án do Công ty Cổ phần EVN Quốc tế lập đầy đủ theo quy định hiện hành.

3. Hồ sơ pháp lý của dự án

- Các văn bản pháp lý, hồ sơ kỹ thuật liên quan đến dự án đảm bảo tính pháp lý, chấp hành các nguyên tắc, nội dung quy định của các loại văn bản.
- Việc thực hiện dự án của chủ đầu tư, chấp hành các quy định về trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng theo các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Trình tự lập và duyệt văn bản, nội dung các văn bản, thẩm quyền phê duyệt các văn bản phù hợp với các quy định của Nhà nước và Quy chế phân cấp quyết định đầu tư trong Công ty CP EVN Quốc tế.
- Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu “Khảo sát, lập dự án đầu tư” theo hình thức chỉ định thầu đối với gói thầu tư vấn có giá trị là 10.758.322.328 đồng và 298.075 USD là chưa phù hợp với các quy định của Nhà nước về các trường hợp được phép chỉ định thầu tại Điều 20 – Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Chính phủ quy định về đấu thầu. Việc chỉ định thầu này đã được Hội đồng Quản trị Công ty CP EVN Quốc tế thông qua tại Nghị Quyết hợp Hội đồng Quản trị số 16/NQ-EVNI-HĐQT ngày 26/10/2010.
- Việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa Chủ đầu tư với các nhà thầu tư vấn, xây dựng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các điều kiện của gói thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền.

4. Nguồn vốn đầu tư

a. Số liệu về nguồn vốn

Đơn vị: đồng

TT	Tên nguồn vốn	Theo quyết định đầu tư	Thực hiện		
			Theo báo cáo quyết toán	Kết quả kiểm toán	Chênh lệch (+/-)
1	2	3	4	5	6=5-4
1	Vốn Ngân sách	0	0	0	0
2	Vốn Vay	0	0	0	0
3	Vốn Cổ phần	59.818.604.747	7.182.230.643	7.182.230.643	0
*	Cộng	59.818.604.747	7.182.230.643	7.182.230.643	0

b. Nhận xét, thuyết minh

- Giá trị nguồn vốn theo kết quả kiểm toán không chênh lệch với giá trị đề nghị quyết toán.

**5. Chi phí đầu tư***a. Số liệu về chi phí đầu tư*

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán		
			Theo báo cáo quyết toán	Kết quả kiểm toán	Chênh lệch (+/-)
1	2	3	4	5	6=5-4
I	Giá trị trước thuế	58.824.969.148	6.948.859.475	6.948.859.475	0
1	Chi phí xây dựng				
2	Chi phí thiết bị				
3	Chi phí QLDA	40.496.857.000	2.073.674.290	2.073.674.290	0
4	Chi phí tư vấn	18.300.839.421	4.847.912.458	4.847.912.458	0
5	Chi phí khác	27.272.727	27.272.727	27.272.727	0
6	Chi phí dự phòng				
II	Thuế GTGT	993.635.599	248.371.168	248.371.168	0
*	Cộng	59.818.604.747	7.197.230.643	7.197.230.643	0

b. Nhận xét, thuyết minh

- Các khoản mục chi phí được xác định phù hợp với quyết định phê duyệt dự toán và theo đúng hướng dẫn về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng được quy định tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 27/7/2007 của Bộ Xây dựng và Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 và Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Cột dự toán duyệt (cột 3):
 - + Chi phí quản lý dự án: Giá trị chi phí được phê duyệt lấy theo Tổng mức đầu tư đơn vị tư vấn lập;
 - + Chi phí tư vấn đầu tư và chi phí khác được lấy theo Quyết định phê duyệt đề cương dự toán khảo sát lập dự án đầu tư Thủy điện Nậm Mô 1 số 54C/QĐ-EVNI-KH+KT+MT ngày 07/6/2010.
- Chi phí quản lý dự án:
 - + Theo quy định của Bộ Xây dựng tại văn bản số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 về Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình chi phí Quản lý dự án được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) và nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư được duyệt. Đến thời điểm phát hành BCKT này, do Tổng mức đầu tư chưa được phê duyệt nên chúng tôi xác định chi phí quản lý dự án tối đa trên tổng mức đầu tư do Đơn vị tư vấn lập là 40.496.857.000 đồng. Giá trị chi phí quản lý dự án mà Công ty Cổ phần EVN Quốc tế thực hiện trong giai đoạn khảo sát, lập dự án đầu tư là 2.089.584.261 đồng.
 - + Chi phí quản lý dự án đã được Công ty Cổ phần EVN Quốc tế tập hợp, quyết toán theo các khoản chi đã phát sinh và được phân bổ theo quy định. Các chứng từ chi tiêu đảm bảo phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 117/2008/TT-BTC ngày 05/12/2008 và số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính.
- Chi phí tư vấn và chi khác:
 - + Các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác đã được Công ty Cổ phần EVN Quốc tế thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về xác định chi phí. Việc áp dụng định mức tỷ lệ %, đơn giá và các chế độ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng đã ký và phù hợp với dự toán được duyệt.



- + Một số công tác khảo sát giai đoạn 2 có khối lượng nghiệm thu thực tế tăng giảm so với khối lượng theo Hợp đồng 06/2010/HĐ-EVNI-PECC3-KH 01/11/2010. Tuy nhiên, do khối lượng tăng giảm này có giá trị tổng hợp không vượt giá trị dự toán đã được duyệt của EVNI và theo hồ sơ nghiệm thu khối lượng hoàn thành và Bảng xác định giá trị công việc hoàn thành đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu đã xác nhận nên Chúng tôi ghi nhận giá trị các khối lượng này.
- + Chi phí lập dự án đầu tư giai đoạn 2: Đơn vị tư vấn đã hoàn thành công tác lập dự án đầu tư giai đoạn 2 và bàn giao sản phẩm cho chủ đầu tư theo thỏa thuận hợp đồng. Tuy nhiên, các bên đã có biên bản số 35/2012/XNNTKL/ĐAĐT/EVNI-PECC3 ngày 25/12/2012 thống nhất chỉ thanh toán 25% chi phí này so với hợp đồng. Do dự án đầu tư chưa được thẩm tra phê duyệt nên Chúng tôi ghi nhận giá trị quyết toán chi phí này theo biên bản thống nhất trên giữa các bên.

6. Các khoản công nợ

Các khoản công nợ (chi tiết xem Phụ lục 02 đính kèm)

Đơn vị: đồng

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Theo báo cáo quyết toán	Kết quả kiểm toán	Chênh lệch (+/-)
1	2	3	4	5	6=5-4
I	Nợ phải thu		0	0	0
II	Nợ phải trả		15.000.000	15.000.000	0
1	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	Chi phí kiểm toán	15.000.000	15.000.000	0

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được và kết quả kiểm toán nói trên là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu được Công ty Cổ phần EVN Quốc tế cung cấp và kết quả kiểm tra, theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, quá trình thực hiện dự án đã tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và Báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình quyết toán dự án tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành.

Báo cáo kiểm toán độc lập này được phát hành gồm 04 bản chính thức có giá trị như nhau, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế giữ 03 bản; Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC giữ 01 bản.



Lê Khắc Minh - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0103-2018-010-1

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu AAC.

Huỳnh Thị Loan - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0203-2018-010-1

BẢNG CHI TIẾT CHI PHÍ ĐẦU TƯ GIỮA QUYẾT TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Công trình: Thủy điện Nậm Mô 1

Hạng mục: Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Tổng hợp dự toán được duyệt			Giá trị đề nghị quyết toán			Giá trị kiểm toán			Giá trị chênh lệch			Chênh lệch so với dự toán	Ghi chú
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế		
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8=6+7	9	10	11=9+10	12=9-6	13=10-7	14=11-8	15=11-5	15
*	Tổng số	75.774.139.367	993.635.599	76.767.774.966	6.948.859.475	248.371.168	7.197.230.643	6.948.859.475	248.371.168	7.197.230.643	0	0	0	-69.570.544.323	
I	Chi phí xây dựng														
II	Chi phí thiết bị														
III	Chi phí quản lý dự án	57.446.027.219	0	57.446.027.219	2.073.674.290	15.909.971	2.089.584.261	2.073.674.290	15.909.971	2.089.584.261	0	0	0	-55.356.442.958	
1	Năm 2009				396.135.931	1.512.857	397.648.788	396.135.931	1.512.857	397.648.788	0	0	0		
2	Năm 2010				484.544.616	3.069.090	487.613.706	484.544.616	3.069.090	487.613.706	0	0	0		
3	Năm 2011				217.023.327	2.142.637	219.165.964	217.023.327	2.142.637	219.165.964	0	0	0		
4	Năm 2012				727.534.238	6.681.115	734.215.353	727.534.238	6.681.115	734.215.353	0	0	0		
5	Năm 2013				248.436.178	2.504.272	250.940.450	248.436.178	2.504.272	250.940.450	0	0	0		
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD	18.300.839.421	990.908.326	19.291.747.747	4.847.912.458	229.733.924	5.077.646.382	4.847.912.458	229.733.924	5.077.646.382	0	0	0	-14.214.101.365	
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	18.300.839.421	990.908.326	19.291.747.747	4.492.394.458	229.733.924	4.722.128.382	4.492.394.458	229.733.924	4.722.128.382	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 1 (Bảng tính số 19/2010/PG-EVNI-KH)				1.106.973.698	110.697.370	1.217.671.068	1.106.973.698	110.697.370	1.217.671.068	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 1 (Bảng tính số 19/2010/PG-EVNI-KH) (5.762USD*19.495)				102.118.355	10.211.835	112.330.190	102.118.355	10.211.835	112.330.190	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 2 (Bảng tính số 22/2012/PG-EVNI-KH)				42.206.923	4.220.692	46.427.615	42.206.923	4.220.692	46.427.615	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 2 (Bảng tính số 22/2012/PG-EVNI-KH)				1.181.853.806	0	1.181.853.806	1.181.853.806	0	1.181.853.806	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 2 (Bảng tính số 22/2012/PG-EVNI-KH) (7.201 USD*20.815)				149.888.815	0	149.888.815	149.888.815	0	149.888.815	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 3 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH)				92.637.612	9.263.761	101.901.373	92.637.612	9.263.761	101.901.373	0	0	0		

TT	Nội dung chi phí	Tổng hợp dự toán được duyệt			Giá trị đề nghị quyết toán			Giá trị kiểm toán			Giá trị chênh lệch			Chênh lệch so với dự toán	Ghi chú
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế		
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8=6+7	9	10	11=9+10	12=9-6	13=10-7	14=11-8	15=11-5	15
-	Phiếu giá thanh toán số 3 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH)				61.895.464	0	61.895.464	61.895.464	0	61.895.464	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 3 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH) (29.496USD*20.880)				615.876.480	0	615.876.480	615.876.480	0	615.876.480	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 4 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH)				953.402.662	95.340.266	1.048.742.928	953.402.662	95.340.266	1.048.742.928	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 4 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH)				105.771.768		105.771.768	105.771.768	0	105.771.768	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 4 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH) (3.785USD*21,075)				79.768.875		79.768.875	79.768.875	0	79.768.875	0	0	0		
2	Chi phí đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000				355.518.000	0	355.518.000	355.518.000	0	355.518.000	0	0	0		
V	Chi phí khác	27.272.727	2.727.273	30.000.000	27.272.727	2.727.273	30.000.000	27.272.727	2.727.273	30.000.000	0	0	0	0	
I	Chi phí kiểm toán	27.272.727	2.727.273	30.000.000	27.272.727	2.727.273	30.000.000	27.272.727	2.727.273	30.000.000	0	0	0		
VI	Chi phí dự phòng														

* **Ghi chú:**

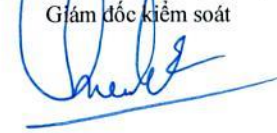
- Giá trị dự toán được duyệt theo Quyết định phê duyệt đề cương dự toán khảo sát lập dự án đầu tư Thủy điện Nậm Mô 1 số 54C/QĐ-EVNI-KH+KT+MT ngày 07/6/2010 của Công ty CP EVN Quốc tế.

Chủ nhiệm Kiểm toán



Phan Thị Minh Thảo

Ban Kiểm soát chất lượng dự án
Giám đốc kiểm soát



Huỳnh Phạm Ngọc Trung

BẢNG CHI TIẾT TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÁC KHOẢN CÔNG NỢ

(Xác định đến ngày khóa sổ lập Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành)

Công trình: **Thủy điện Nậm Mô 1**Hạng mục: **Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn**

Đơn vị: đồng

TT	Tên đơn vị, cá nhân thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị kiểm toán	Giá trị đã thanh toán	Khoản công nợ quyết toán		Khoản công nợ kiểm toán		Chênh lệch các khoản công nợ	
						Nợ phải trả	Nợ phải thu	Nợ phải trả	Nợ phải thu	Nợ phải trả	Nợ phải thu
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng		7.197.230.643	7.197.230.643	7.182.230.643	15.000.000	0	15.000.000	0	0	0
1	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	4.722.128.382	4.722.128.382	4.722.128.382	0	0	0	0	0	0
2	Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV	Chi phí đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000	355.518.000	355.518.000	355.518.000	0	0	0	0	0	0
3	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Chi phí quản lý dự án	2.089.584.261	2.089.584.261	2.089.584.261	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	Chi phí kiểm toán	30.000.000	30.000.000	15.000.000	15.000.000	0	15.000.000	0	0	0

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

Công trình: Thủy điện Nậm Mô 1

Hạng mục: Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
I	HỒ SƠ PHÁP LÝ CHUNG							
1	Công văn gửi Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào về việc tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần EVN Quốc tế được đầu tư dự án Thủy điện Nậm Mô 1, công suất 62MW tại tỉnh Xiêng Khoảng, nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào	1510/BKH-KTĐN	10/03/2009	Bộ Kế hoạch Đầu tư - Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam				
2	Biên bản thỏa thuận hợp tác		02/04/2009	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Mục đích hợp tác: Hai bên sẽ dựa vào lợi thế của nhau để cùng xúc tiến các thủ tục ký Bản ghi nhớ, nghiên cứu đầu tư dự án Thủy điện Nậm Mô							
-	Nội dung hợp tác:							
	+ Chi phí tìm kiếm, làm việc và xúc tiến các thủ tục để được giao dự án, dự kiến 60.000 USD, mỗi bên góp 50%							
	+ Công ty CP EVN Quốc tế cam kết lựa chọn Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 là đơn vị tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật cho dự án, cam kết lựa chọn Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 là đối tác tham gia cùng đầu tư							
3	Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi dự án		04/03/2010	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
4	Nghị quyết hợp hội đồng quản trị về việc Công ty CP EVN Quốc tế	16/NQ-EVNI-HĐQT	26/10/2010	Công ty CP EVN Quốc tế				
	Thống nhất phê duyệt chỉ định thầu công tác "Khảo sát, lập dự án đầu tư" 02 dự án Thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào và Thủy điện Se Kong tại Campuchia							
5	Nghị quyết hợp hội đồng quản trị về việc Công ty CP EVN Quốc tế	04/NQ-EVNI-HĐQT	20/04/2011	Công ty CP EVN Quốc tế				
	Thông qua dự án đầu tư giai đoạn 1 của dự án Thủy điện Nậm Mô 1 và Thủy điện Se Kong, cho phép triển khai nghiên cứu giai đoạn 2 của dự án.							
II	HỒ SƠ CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN							
1	Các quyết định phê duyệt dự toán chi phí QLDA hằng năm						57.446.027.219	
	Năm 2009	19/QĐ-EVNI-HĐQT	03/04/2009				28.148.780.617	

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
	Năm 2010			Công ty CP EVN Quốc tế				
	Năm 2011	24/QĐ-EVNI-HĐQT	31/05/2011				1.209.582.602	
	Năm 2012	17/QĐ-EVNI-HĐQT	29/06/2012				20.140.437.000	
	Năm 2013	06/QĐ-EVNI-HĐQT	24/04/2013				7.947.227.000	
2	Các chứng từ chi phí QLDA							
3	Bảng phân bổ chi phí QLDA cho các dự án							
4	Tổng giá trị chi phí QLDA đề nghị đến thời điểm năm 2013				2.073.674.290	15.909.971	2.089.584.261	
II HỒ SƠ CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ								
II.1 Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư								
1	Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán khảo sát lập dự án đầu tư	54C/QĐ-EVN-KH+KT+MT	07/06/2010	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
-	Dự toán						11.989.990.748	đồng
							86.025	USD
2	Biên bản thương thảo hợp đồng		24/08/2010	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
3	Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu	30/QĐ-EVNI-HĐQT	27/10/2010	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
-	Đơn vị được chỉ định: Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3							
-	Giá trị hợp đồng						10.578.322.328	đồng
							298.075	USD
-	Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định, tỷ lệ % và khoán gọn							
-	Thời gian thực hiện: Giai đoạn 1 hoàn thành trong năm 2010; Giai đoạn 2 triển khai sau khi có ý kiến của Hội đồng quản trị và nghiên cứu báo cáo phía Lào giãn tiến độ đến năm 2011 - 2012							
4	Hợp đồng	06/2010/HĐ-EVNI-PECC3-KH	01/11/2010	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Giá trị hợp đồng						10.578.322.328	đồng
							298.075	USD
-	Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định, tỷ lệ % và khoán gọn							
	*/ Hợp đồng theo đơn giá cố định áp dụng cho các công việc:							
	+ Khảo sát lập dự án đầu tư							
	+ Đo đạc bản đồ tỷ lệ 1/10.000 bằng phương pháp ảnh hàng không							
	*/ Hợp đồng theo tỷ lệ % áp dụng cho các công việc:							
	+ Lập dự án đầu tư - Giai đoạn 2							
	*/ Hợp đồng khoán gọn áp dụng cho các công việc:							
	+ Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường tự nhiên và xã hội							

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
	+ Điều tra đánh giá mức độ thiệt hại sơ bộ phục vụ lập dự án đầu tư							
	+ Các công tác phục vụ khảo sát: Chuyển quân khảo sát, thuồng phòng sốt rét, kho tạm, đèn bù,...							
	+ Lập dự án đầu tư giai đoạn 1							
	+ Thu thập bản đồ, mua tài liệu,...							
	+ Dịch hồ sơ sang tiếng Anh							
-	Thời gian thực hiện: Giai đoạn 1 hoàn thành trong năm 2010; Giai đoạn 2 trước tháng 9/2011							
3	Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán khảo sát thủy văn giai đoạn 2	78/QĐ-EVNI-KT+KH	01/08/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
-	Dự toán						21.189.018 đồng 435 USD	
4	Phụ lục hợp đồng	07/2011/PLHD-EVNI-PECC3-KH	05/12/2011	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Điều chỉnh điều khoản tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu 1.000.000.000 đồng để thực hiện giai đoạn							
-	Điều chỉnh tiến độ hoàn thành và giao nộp DADT - GĐ 2: Trước ngày 25/3/2012							
5	Phụ lục hợp đồng	05/2012/PLHD-EVNI-PECC3-KH	11/07/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Bổ sung giá trị phát sinh ngoài hợp đồng						30.855.796	
-	Điều chỉnh giảm giá trị khối lượng không thực hiện						-17.355.650	
6	Phụ lục hợp đồng	10/2012/PLHD-EVNI-PECC3-KH	03/12/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh giá trị hợp đồng trên cơ sở chỉ tính thuế VAT cho các công việc thực hiện tại Việt Nam						9.942.803.535 đồng	
-	Giá trị hợp đồng sau điều chỉnh						298.075 USD	
7	Quyết định phê duyệt dự toán chi phí hội họp, báo cáo các Bộ Ngành Lào về dự án đầu tư xây dựng Thủy điện Nậm Mô 1	93/QĐ-EVNI-KT	26/08/2013	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
-	Dự toán chi phí						105.771.768 đồng 3.785 USD	
8	Hồ sơ nghiệm thu và quyết toán			Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán kèm theo các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	19/2010/PG-EVNI-KH	29/12/2010				1.217.671.068 đồng 5.762 USD	
-	Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán kèm theo các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	22/20102/PG-EVNI-KH	27/12/2012				1.228.281.421 đồng 7.201 USD	
-	Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán kèm theo các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	05/2013/PG-EVNI-KH	15/04/2013				163.796.837 đồng 29.496 USD	
-	Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán kèm theo các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	05/2013/PG-EVNI-KH	10/10/2013				1.154.514.696 đồng	

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
	bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	09/2015/HĐ-EVN-KH	10/10/2015				3.785	USD
II.2	Chi phí đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000							
1	Hợp đồng	08/2011/HĐ-EVNI-TĐBD-KH	28/11/2011	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ				
-	Nội dung công việc: Thực hiện đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 cho 02 dự án Thủy điện SeKong và Thủy điện Nậm Mô I							
-	Giá trị hợp đồng						3.581.106.100	đồng
	<i>Trong đó, dự án Thủy điện SeKong</i>						3.190.036.300	đồng
-	Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định kết hợp khoán gọn và tỷ lệ %							
	<i>Hợp đồng theo đơn giá cố định: Bay chụp và lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000</i>							
	<i>Hợp đồng theo đơn giá khoán gọn: Di chuyển quân</i>							
	<i>Hợp đồng theo tỷ lệ %: Lân trại và lập phương án, viết báo cáo</i>							
-	Tiến độ: 70 ngày							
2	Công văn về việc bổ sung và hoàn thiện tài liệu bản đồ khép kín đến phạm vi cao độ 66 của dự án Thủy điện SeKong		17/03/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
3	Phụ lục hợp đồng	09/2012/PLHĐ-EVNI-TĐBD-KH	30/11/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ				
-	Điều chỉnh giá trị hợp đồng						4.252.289.000	đồng
	<i>Trong đó, dự án Thủy điện SeKong</i>						3.896.711.000	đồng
4	Hồ sơ nghiệm thu và quyết toán			Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ				
-	Biên bản nghiệm thu thành phần công tác khảo sát ngoài hiện trường		20/07/2012					
-	Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	30/2012/NTHT/EVNI-XNCAHK	22/11/2012					
-	Bảng quyết toán				4.005.677.000	198.817.579	4.204.494.579	
	<i>Trong đó, dự án Thủy điện Nậm Mô</i>				355.518.000	0	355.518.000	
III	HỒ SƠ CHI PHÍ KHÁC							
	Gói thầu: Kiểm toán chi phí thực hiện (chung cho 03 dự án: Thủy điện Nậm Mô I; Thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Thủy điện Sê Kông)							
1	Thư mời kiểm toán	496/EVNI-TCKT	25/11/2020	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
2	Thư chào giá của các đơn vị							
-	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế ATAX						150.000.000	
-	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế A & C						155.000.000	

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
-	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC						145.000.000	
3	Biên bản thương thảo hợp đồng		26/11/2020	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC				
-	Giá trị hợp đồng thương thảo						120.000.000	
4	Hợp đồng kiểm toán	1080/2020/HDKT-AAC	30/11/2020	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC				
-	Giá trị hợp đồng (chung cho 03 dự án)				109.090.909	10.909.091	120.000.000	
	<i>Trong đó, dự án Thủy điện SeKong</i>				27.272.727	2.727.273	30.000.000	
-	Hình thức hợp đồng: Trọn gói							
-	Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán							

NG *

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020,

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 26/3/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế về việc chốt thời gian, nội dung và chương trình làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần EVN Quốc tế ngày 08/5/2025: Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 01/4/2025: 1.623 cổ đông, gồm 19 cổ đông pháp nhân và 1.604 cổ đông thể nhân đại diện cho 36.677.145 cổ phần có quyền biểu quyết; Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 18 cổ đông, trong đó có 10 pháp nhân và 08 cổ đông thể nhân đại diện 30.818.581 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 84,03% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung chủ yếu sau:

- Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch năm 2025:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch điều chỉnh năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/ KH 2024 ĐC
A	Kế hoạch nguồn thu	62.527.541.000	74.527.541.000	79.043.018.366	106%
A.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	14.527.541.000	14.527.541.000	17.003.503.062	117%
A.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2	48.000.000.000	60.000.000.000	62.039.515.304	103%
B	Kế hoạch chi phí hoạt động	27.152.566.000	28.832.566.000	28.560.012.973	99%

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch điều chỉnh năm 2024	Thực hiện năm 2024	% TH 2024/ KH 2024 ĐC
B.1	Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty	11.709.566.000	11.709.566.000	11.247.351.878	96%
B.2	Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)	8.723.000.000	8.723.000.000	8.500.052.411	97%
B.3	Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam	6.720.000.000	8.400.000.000	8.812.608.684	105%
C	Kế hoạch lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	35.374.975.000	45.694.975.000	50.483.005.393	110%
2	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	10	13	13	
3	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	36.677.145.000	47.680.288.500	47.680.288.500	100%
D	Kế hoạch chi mua sắm mới				
1	Mua ô tô	1.600.000.000	1.600.000.000	1.559.720.344	97%

3. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025;
5. Thông qua tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập và danh sách 5 đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán bán niên và thường niên năm 2025 cho Công ty cổ phần EVN Quốc tế gồm:
 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
 - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
 - Công ty TNHH KPMB (KPMG)
 - Công ty TNHH PWC (Việt Nam)
 Ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2025 của EVNI.
6. Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thực hiện trong năm 2024 là **382.488.000 đồng**;
 Thông qua tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kế hoạch năm 2025 là **361.680.000 đồng**
7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	50.480.655.447
II	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2023	21.344.178.886
III	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2024	71.824.834.333
IV	Tổng số trích lập các quỹ	2.959.805.000
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	2.563.772.000
	+ Quỹ khen thưởng	1.281.886.000
	+ Quỹ phúc lợi	1.281.886.000
	- Quỹ thưởng người quản lý	396.033.000
V	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ (III)-(IV)	68.865.029.333
VI	Chia cổ tức bằng tiền mặt	47.680.288.500
	Tỷ lệ chia cổ tức	13%
VI	Lợi nhuận để lại (V)-(VI)	21.184.740.833

8. Thông qua kế hoạch năm 2025 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu: 62.346.374.000 đồng
- Chi phí: 29.025.926.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 33.320.448.000 đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 10%

* Giao Ban điều hành:

- Làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2024 trong năm 2025.

- Quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại;

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án hoặc đề xuất phương án xử lý tài chính phù hợp với tình hình hiện tại của các dự án thủy điện: Hạ Sê San1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1;

- Đối với công tác tư vấn: Giao Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện công tác tuyển dụng thêm nhân sự phù hợp tình hình, tiến độ thực hiện các dự án tư vấn giám sát, đáp ứng nhu cầu công việc và sử dụng nhân sự hiệu quả;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký

Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

+ Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

Điều 2. Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 08/5/2025.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Thành viên HĐQT, BKS; Ban TGD
- Phòng KT, TCKT;
- Lưu: VT, TH, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 5 năm 2025

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Tên Công ty: Công ty cổ phần EVN Quốc tế
- Trụ sở chính: Lô số 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
- Giấy CNĐKDN - MSDN: 0102379203 do Sở KH&ĐT TP.Đà Nẵng cấp thay đổi lần 8 ngày 08/01/2025.

I. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian: 08h00 ngày 08/5/2025.
- Địa điểm: Hội trường Trụ sở Công ty cổ phần EVN Quốc tế - Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần EVN Quốc tế.
- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng chi tiết tại biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

III. Nội dung Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế năm 2025 họp thảo luận, góp ý và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch năm 2025;
3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024;
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2024;
5. Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025;
6. Trình quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025;
7. Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024;

8. Trình Kế hoạch năm 2025.

IV. Tóm tắt diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội.

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Lê Thanh Khoa thay mặt Ban tổ chức Đại hội báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

+ Tổng số cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 01/04/2025: cổ **1.623** đông gồm **19** cổ đông pháp nhân và **1.604** cổ đông thể nhân đại diện cho **36.677.145** cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Tổng số cổ đông được triệu tập Đại hội: cổ **1.623** cổ đông đại diện cho **36.677.145** cổ phần có quyền biểu quyết (**19** cổ đông pháp nhân với **34.812.888** cổ phần có quyền biểu quyết và **1.604** cổ đông thể nhân với **1.864.257** cổ phần có quyền biểu quyết);

+ Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 18 cổ đông, trong đó có 10 pháp nhân và 08 cổ đông thể nhân đại diện 30.818.581 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 84,03% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (chi tiết tại biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

Căn cứ Điều 18, Điều lệ của Công ty, với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

2. Ông Lê Thanh Khoa – Phó Tổng Giám đốc Công ty tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự đại hội.

3. Thay mặt Ban tổ chức, Ông Lê Thanh Khoa đã tiến hành lấy ý kiến Đại hội để thông qua Quy chế tổ chức Đại hội, Thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ: 100%.

4. Ban tổ chức mời Chủ tọa đại hội lên điều hành Đại hội gồm:

- Ông Trương Quang Minh - Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Vũ Ninh - Tổng Giám đốc

5. Chủ tọa giới thiệu với Đại hội để thông qua Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ: 100% như sau:

a. Thư ký Đại hội:

- Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Trưởng Phòng Tổng hợp

b. Ban kiểm phiếu:

- Ông Lê Thanh Khoa - Phó Tổng giám đốc - Trưởng Ban

- Bà Bùi Thị Tuyết
- CV P. Tổng hợp – Thành viên
- Bà Nguyễn Hà Trang Nhung
- CV P. Kỹ thuật - Thành viên

B. Diễn biến của Đại hội:

Đại hội tiến hành dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

B.1. Thông qua chương trình Đại hội.

Chủ tọa Đại hội thông qua nội dung chương trình đại hội với các nội dung trên. Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội, tỷ lệ tán thành 100%.

B.2. Các nội dung, vấn đề báo cáo, trình bày tại Đại hội:

Được sự thống nhất của Đại hội, các nội dung chương trình được báo cáo trước đại hội:

1. Thay mặt HĐQT, Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT đọc Báo cáo số 16/BC-HĐQT ngày 28/4/2025 của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;

2. Ông Lê Vũ Ninh – UV HĐQT, Tổng Giám đốc đọc Báo cáo số 264/BC-EVNI ngày 10/4/2025 của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025;

3. Bà Phạm Thị Thủy – Kế toán trưởng Công ty trình bày Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC;

4. Thay mặt Ban kiểm soát, Ông Đỗ Quang Minh – Trưởng ban Kiểm soát đọc Báo cáo của Ban kiểm soát số 01/BC-EVNI-BKS ngày 05/4/2025 về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025; và Tờ trình số 01/TTr-EVNI-BKS ngày 05/4/2025 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

5. Bà Phạm Thị Thủy – Kế toán trưởng đọc Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 10/4/2025 về thông qua thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025; Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 10/4/2025 về phân phối lợi nhuận năm 2024;

6. Ông Lê Thanh Khoa – Phó Tổng Giám đốc đọc Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 10/4/2025 về phê duyệt kế hoạch năm 2025.

Chủ tọa Đại hội tóm tắt các nội dung đã trình bày trước đại hội, báo cáo Đại hội tiến độ thực hiện, kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 – Campuchia (Công ty liên kết).

B.3 Các nội dung được Đại hội biểu quyết thông qua:

Sau thời gian thảo luận, Đại hội đã tiếp thu các ý kiến và tiến hành biểu quyết theo phương thức điền vào “Phiếu biểu quyết”, thông qua các vấn đề đã đưa ra thảo luận tại Đại hội. Kết quả biểu quyết từng vấn đề như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết					Kết quả biểu quyết
		Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
1	Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	19	-	30.818.581	0	0	Thông qua với tỷ lệ 100%
		100%	0,00%	100%	0,00%	0,00%	
2	Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch năm 2025.	19	-	30.338.581	480.000	-	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100%	0,00%	98,44%	1,56%	0,00%	
3	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 đã được kiểm toán	19	-	30.338.581	480.000	-	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100%	0,00%	98,44%	1,56%	0,00%	
4	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025.	19	-	30.338.581	-	480.000	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100%	0,00%	98,44%	0,00%	1,56%	
5	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025.	19	0	30.818.581	0	0	Thông qua với tỷ lệ 100%
		100%	0,00%	100%	0,00%	0,00%	
6	Quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025.	19	0	30.338.581	480.000	0	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100%	0,00%	98,44%	1,56%	0,00%	
7	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.	19	0	29.588.581	1.230.000	0	Thông qua với tỷ lệ 96,01%

		100%	0,00%	96,01%	3,99%	0,00%	
8	Kế hoạch năm 2025.	19	0	30.338.581	480.000	0	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100%	0,00%	98,44%	1,56%	0,00%	

Về kế hoạch năm 2025, Đại hội thống nhất giao Ban điều hành:

- Làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2024 trong năm 2025.

- Quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại;

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án hoặc đề xuất phương án xử lý tài chính phù hợp với tình hình hiện tại của các dự án thủy điện: Hạ Sê San1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1;

- Đối với công tác tư vấn: Giao Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện công tác tuyển dụng thêm nhân sự phù hợp tình hình, tiến độ thực hiện các dự án tư vấn giám sát, đáp ứng nhu cầu công việc và sử dụng nhân sự hiệu quả;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

+ Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

** Nội dung ý kiến của các cổ đông tại Đại hội và giải trình của Chủ tọa Đại hội chi tiết theo Phụ lục đính kèm Biên bản.*

C. Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ biểu quyết nhất trí: đạt 100%.

Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 08 tháng 5 năm 2025.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI


Nguyễn Thị Mai Hương

CHỦ TỌA **CHỦ TỊCH**
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRƯỞNG QUANG MINH

PHỤ LỤC CÁC Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

(Đính kèm Biên bản họp ĐHĐCĐ EVNI năm 2025 ngày 08/05/2025)

TT	Nội dung ý kiến của Cổ đông	Ý kiến trả lời của Chủ tọa
I	Cổ đông Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	
1	Đề nghị Công ty phân phối lợi nhuận lũy kế từ năm 2023 trở về trước, chi trả cho các cổ đông trong đó có cổ đông EVNNPC	Năm 2024, Công ty đã trình mức phân phối lợi nhuận tối đa trên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (đã chi trả 7%, phần còn lại 6% sẽ thực hiện chi trả vào tháng 8/2025). Phần giá trị còn lại 21,18 tỷ là khoản thu hồi vốn góp cho phần giá trị đã đầu tư của dự án thủy điện Hạ Sê San 2, được xác định trên tổng mức đầu tư 231 tỷ tương ứng 40 năm vận hành đối với dự án đầu tư theo hình thức BOT 40 năm (Giữ lại hàng năm 5,775 tỷ; 5 năm là 28,8 tỷ; phần còn thiếu 7,7 tỷ sẽ thực hiện trích bù khi cổ tức từ dự án HSS2 tăng thêm ở các năm sau). Mặt khác, giá trị giữ lại này đã được ĐHĐCĐ hàng năm đã phê duyệt.
2	Ban điều hành EVNI tiếp tục thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp; Theo dõi tình hình SXKD của dự án, đơn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; Phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2024 trong năm 2025	Công ty luôn bám sát các hoạt động của HLSS2 thông qua người đại diện phần vốn của EVNI tại HLSS2. Cụ thể qua các năm HLSS2 đã thực hiện phân phối đầy đủ cổ tức hàng năm từ 2019 đến nay. Tổng giá trị cổ tức thu về đạt 177% giá trị đầu tư vào dự án. Dự kiến, trong năm 2025 HLSS2 sẽ thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo kế hoạch 5 năm là 20 triệu USD/1 năm. Công ty sẽ tiếp tục theo dõi và có báo cáo Cổ đông sau khi ĐHĐCĐ HLSS2 thực hiện vào tháng 6 năm 2025.
3	Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện đầu tư dở dang tại Campuchia và Lào và báo cáo đề xuất Hội đồng quản trị phương án chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính.	- Về chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư: Công ty đã nỗ lực tìm kiếm đối tác nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn do (i) Các dự án đã hết hiệu lực MoU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án khó thu hút nhà đầu tư trong nước; (iii) Tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường;... - Về p/án chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính: + Từ năm 2013 cho đến nay, việc kiểm soát để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn nên nhóm Người đại diện phần vốn của EVNGENCO1 tại EVNI đã trình chủ sở hữu xin ý kiến chỉ đạo để làm

TT	Nội dung ý kiến của Cổ đông	Ý kiến trả lời của Chủ tọa
		cơ sở trình HĐQT xem xét thông qua trình ĐHĐCĐ chủ trương chấm dứt hoạt động đầu tư của dự án để thực hiện xử lý tài chính. Hiện nay, EVN đã có ý kiến về thẩm quyền về chủ trương chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của các dự án. + Ban điều hành sẽ trình HĐQT phương án xử lý tài chính sau khi chủ sở hữu có ý kiến chỉ đạo người đại diện EVNGENCO1 tại EVNI.
4	Đề nghị khắc phục tồn tại tại các biên bản thanh kiểm tra (nếu có). Tiếp tục thực hiện và đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại tại mục nhấn mạnh trên BCTC 2024 về khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang” với tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án đến thời điểm 31/12/2024 là 40.266.466.926 đồng. Đề nghị HĐQT và Ban điều hành Công ty tiếp tục có phương án tìm kiếm đối tác phát triển các dự án thủy điện SeKong, Nậm Mô 1 và Hạ Sê San 1/5.	- Trong năm 2024, EVNI không có các tồn tại tại các biên bản thanh kiểm tra. - Về tiếp tục thực hiện và đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại tại mục nhấn mạnh trên BCTC 2024 về khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”: Công ty đã, đang thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp như đã nêu tại mục B_1_1.2 của Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025; và nội dung đã trả lời ở mục 3 nêu trên.
5	Đề nghị HĐQT EVNI có biện pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đảm bảo an toàn tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.	HĐQT EVNI đã và đang thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty. Trong các năm qua Công ty luôn hoạt động có lợi nhuận thông qua việc phân phối lợi nhuận hàng năm trên 10%. Tiếp thu ý kiến của cổ đông, HĐQT sẽ tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đảm bảo an toàn tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.
6	Tăng cường khai thác tìm kiếm các hợp đồng tư vấn giám sát, mở rộng các lĩnh vực hoạt động mới phù hợp với khả năng của đơn vị nhằm khai thác sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực có kinh nghiệm, khai thác tối ưu các diện tích còn lại của trụ sở Công ty, tăng cường rà soát thu hồi công nợ của các hợp đồng tư vấn giám sát để đảm bảo cân đối, tối ưu dòng tiền cho Công ty, tối ưu hóa lợi nhuận đạt kết quả SXKD theo kế hoạch đã đề ra trong cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2025	- Về TVGS: Công ty đã và đang thực hiện tốt tìm kiếm các hợp đồng tư vấn giám sát, cụ thể trong năm 2024 Công ty đã trúng thầu 07 gói thầu TVGS với tổng giá trị 17,29 tỷ đồng (trước thuế VAT) đạt vượt mục tiêu kế hoạch đặt ra. - Về công nợ: Trong năm 2024, Công ty đã tích cực làm việc, đôn đốc các Chủ đầu tư thanh toán công nợ và đã thu hồi được 10,93 tỷ đồng. Đến nay, Số dư công nợ phải thu là 5,9 tỷ đồng (trong đó số công nợ giữ lại 5% theo Hợp đồng là 1,4 tỷ đồng)
7	Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm tối đa chi phí trong SXKD và đầu tư, phấn đấu hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2025	Trong năm 2024, Công ty thực hiện tốt các giải pháp nâng cao hiệu quả SXKD và tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động: tiết kiệm 515 triệu đồng, tương ứng 4,4% so với kế hoạch năm 2024 và tương ứng 10,1% chi phí (trừ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp cho người lao động theo quy định).

TT	Nội dung ý kiến của Cổ đông	Ý kiến trả lời của Chủ tọa
		Năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm tối đa chi phí trong SXKD và đầu tư, phần đầu hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2025.
8	EVNI tiếp tục phối hợp với Tổng công ty Điện lực miền Trung và các đơn vị tư vấn để thực hiện chuyển nhượng vốn theo chỉ đạo của EVN	Công ty đã và sẽ phối hợp tốt với EVNCPC và các đơn vị tư vấn để thực hiện chuyển nhượng vốn theo chỉ đạo của EVN.
9	Đề nghị Công ty chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định, nghĩa vụ đối với Nhà nước, chuẩn mực kế toán, hạch toán đúng chế độ. Thu nộp ngân sách, bảo hiểm đầy đủ, đúng quy định. Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2025, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.	- Công ty đã và đang chấp hành tốt, đầy đủ và nghiêm túc các quy định, nghĩa vụ đối với Nhà nước, chuẩn mực kế toán, hạch toán đúng chế độ. Thu nộp ngân sách, bảo hiểm đầy đủ, đúng quy định. - Về kế hoạch năm 2025: Công ty sẽ nỗ lực, phần đầu hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2025, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.
10	Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025 thấp hơn chỉ tiêu thực hiện năm 2024	Doanh thu và lợi nhuận kế hoạch 2025 giảm so với thực hiện năm 2024 do các nguyên nhân: - Doanh thu từ dự án TĐ HSS2 giảm 14,04 tỷ: dự kiến cổ tức nhận được từ dự án Hạ Sê San 2 phù hợp theo kế hoạch 5 năm của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2. - Doanh thu hoạt động tài chính giảm 2,89 tỷ: Công ty chi trả tạm ứng cổ tức 2024 (7%) tại thời điểm tháng 12/2024 nên số dư tiền gửi đầu kỳ 2025 giảm so với năm 2024 (giảm ~20 tỷ đồng).
II	Cổ đông Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	
1	Đề nghị Công ty sớm xây dựng phương án xử lý dứt điểm các khoản đầu tư dở dang là Hạ Sê San 1/5, Sekong và Nậm Mô theo phương án chuyển giao hợp tác đầu tư giống dự án thủy điện Hạ Sê San 2.	Tương tự như mục I.3 trên

Số:  /BB-BKP

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 5 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Hôm nay, lúc 10 giờ 30 ngày 08 tháng 05 năm 2025, tại Hội trường Công ty cổ phần EVN Quốc tế, Lô số 91 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Quy chế tổ chức và Thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đã được thông qua tại Đại hội, Ban kiểm phiếu đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025 Công ty cổ phần EVN Quốc tế, với nội dung như sau:

I. Ban kiểm phiếu:

- | | |
|-----------------------------|---------------|
| - Ông: Lê Thanh Khoa | - Trưởng Ban, |
| - Bà: Bùi Thị Tuyết | - Thành viên, |
| - Bà: Nguyễn Hà Trang Nhung | - Thành viên. |

II. Cổ phần và nội dung thông qua

- + Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 36.677.145 cổ phần;
- + Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại đại hội: **30.818.581** cổ phần;
- + Các nội dung được thông qua để biểu quyết:
 1. Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;
 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch năm 2025;
 3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024;
 4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025;
 5. Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025;
 6. Trình quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025;
 7. Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024;
 8. Trình Kế hoạch năm 2025.

III. Kết quả kiểm phiếu:

- + Tổng số phiếu phát ra tại đại hội: **19** phiếu, đại diện cho **30.818.581** cổ phần.
- + Tổng số phiếu thu vào tại đại hội: **19** phiếu, đại diện cho **30.818.581** cổ phần.

Kết quả kiểm phiếu của từng nội dung cụ thể như sau:



STT	Nội dung biểu quyết	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết					Kết quả biểu quyết
		Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
1	Báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.	19	-	30.818.581	0	0	Thông qua với tỷ lệ 100%
		100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	
2	Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch năm 2025.	19	-	30.338.581	480.000	-	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100,00%	0,00%	98,44%	1,56%	0,00%	
3	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 đã được kiểm toán	19	-	30.338.581	480.000	-	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100,00%	0,00%	98,44%	1,56%	0,00%	
4	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025.	19	-	30.338.581	-	480.000	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100,00%	0,00%	98,44%	0,00%	1,56%	

STT	Nội dung biểu quyết	Số phiếu và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết					Kết quả biểu quyết
		Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
5	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025.	19	0	30.818.581	0	0	Thông qua với tỷ lệ 100%
		100,00%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	
6	Quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025.	19	0	30.338.581	480.000	0	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100,00%	0,00%	98,44%	1,56%	0,00%	
7	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.	19	0	29.588.581	1.230.000	0	Thông qua với tỷ lệ 96,01%
		100,00%	0,00%	96,01%	3,99%	0,00%	
8	Kế hoạch năm 2025.	19	0	30.338.581	480.000	0	Thông qua với tỷ lệ 98,44 %
		100,00%	0,00%	98,44%	1,56%	0,00%	

Biên bản kiểm phiếu được lập vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày và được công bố tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Ông Lê Thanh Khoa

– Trưởng ban: 

Bà Bùi Thị Tuyết

– Thành viên: 

Bà Nguyễn Hà Trang Nhung

– Thành viên: 



Đà Nẵng, ngày 8 tháng 05 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay, lúc 8h giờ ngày 8 tháng 05 năm 2025, tại Hội trường Công ty cổ phần EVN quốc tế, lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã tiến hành kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 01/04/2025: **1.623** cổ đông đại diện cho **36.677.145** cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: **1.623** cổ đông đại diện cho **36.677.145** cổ phần có quyền biểu quyết (**19** cổ đông pháp nhân đại diện cho **34.812.888** cổ phần và **1.604** cổ đông thể nhân đại diện cho **1.864.257** cổ phần).
- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 18 cổ đông (10 cổ đông pháp nhân và 08 cổ đông thể nhân), đại diện cho 30.818.581 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 84,03% tổng số cổ phần. Trong đó:
 - Số cổ đông tham dự trực tiếp: 12 cổ đông;
 - Số cổ đông tham dự thông qua gửi phiếu biểu quyết: 01 cổ đông
 - Số cổ đông tham dự thông qua ủy quyền: 05 cổ đông.

Danh sách cổ đông tham dự Đại hội được lập như phụ lục đính kèm.

Kết quả kiểm tra, các cổ đông đều đủ tư cách tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế Đại hội, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện để tiến hành họp.

Biên bản này được lập lúc 08 giờ 30 cùng ngày.

**TM. Ban kiểm tra tư cách cổ đông
Trưởng ban**



Phạm Thị Thủy

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA TƯ CÁCH CỎ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Đính kèm Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của EVN)

[illegible]

Stt	Số ĐKSH	Cổ đông	Tổng số cổ đông		Cổ đông tham dự					Cổ đông không tham dự		Người tham dự đại hội, ký tên	Ghi chú
			Người đại diện phần vốn góp	Số cổ phần	Người tham gia đại hội	Người được ủy quyền	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giấy ủy quyền	Tên cổ đông	Số cổ phần		
11	0106000835	TCT Điện lực Miền Bắc	Cung Tố Lan	480.000	Cung Tố Lan								TG
12	3206000153	TCT Điện lực Miền Trung	Huỳnh Thị Kim Hoàng	480.000	Huỳnh Thị Kim Hoàng		480.000	1,31%					TG
13	0301475102	Công ty CP TVXD Điện 3	Lạc Thái Phước	315.000									
14	090400004	Công ty TNHH MTV ĐL Ninh Bình	Trần Đăng Sơn	270.000									
15	3204000032	Công ty TNHH MTV ĐL Đà Nẵng	Bùi Đỗ Quốc Huy	270.000	Nguyễn Đình Tuấn		270.000	0,74%					TG
16	0204000074	Công ty TNHH MTV ĐL Hải Phòng	Vũ Đức Hoan	240.000									
17	0300420157	Công ty CP TVXD Điện 2	Phạm Văn Thảo	165.686									
18	4200385474	Công ty CP TVXD Điện 4		105.000									
19	CA4050	KRUNGTHAI XSPRING SECURITIES COMPANY LIMITED		1.000									
II		Thẻ nhân	1.604 cổ đông	1.864.257			111.879	0,131					
20	201612903	Trương Quang Minh		107.475	Trương Quang Minh		107.475	0,293%					TG
21	042055000188	Nguyễn Văn Thế		1.000	Trương Quang Minh	Trương Quang Minh	1.000	0,003%	x				UQ

[illegible]

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo chi phí thực hiện

Dự án: **Thủy điện Nậm Mô 1**

Hạng mục: **Chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn**

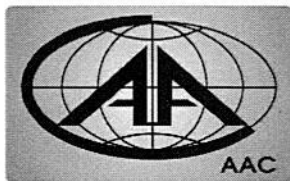
Được kiểm toán bởi: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

Địa chỉ: Lô 78-80 Đường 30/4, P. Hoà Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tel: (84) 236.3655886

Fax: (84) 236.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

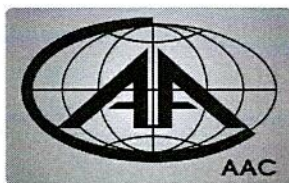
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

MỤC LỤC BÁO CÁO KIỂM TOÁN

---❧---

<u>TT</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
A. Báo cáo kiểm toán độc lập		
1.	Trách nhiệm của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	01
2.	Trách nhiệm của Kiểm toán viên	01
3.	Căn cứ, phạm vi của cuộc kiểm toán	01-04
4.	Kết quả kiểm toán	04-07
5.	Ý kiến của Kiểm toán viên	07
B. Phụ lục báo cáo		
1.	Phụ lục 01: Bảng tổng hợp chi phí đầu tư giữa quyết toán và kiểm toán	08-09
2.	Phụ lục 02: Bảng chi tiết tình hình thanh toán và các khoản công nợ	10
3.	Phụ lục DMHS: Danh mục văn bản pháp lý của dự án	11-15



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 1164/2020/AAC-BCKiT

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo chi phí thực hiện dự án

Dự án: Thủy điện Nậm Mô 1

Hạng mục: Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn

Kính gửi: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, đã thực hiện kiểm toán chi phí thực hiện dự án hoàn thành hạng mục “Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn” của dự án “Thủy điện Nậm Mô 1” do Công ty Cổ phần EVN Quốc tế lập.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Cổ phần EVN Quốc tế xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, hồ sơ liên quan đến Báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành cho kiểm toán viên để thực hiện kiểm toán và chịu trách nhiệm về tính pháp lý, sự trung thực, chính xác đối với các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và về tính trung thực, hợp lý của báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, bao gồm Chuẩn mực số 1000 - Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, liệu quá trình thực hiện dự án có tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành, có phản ánh trung thực và hợp lý tình hình thanh toán dự án hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo, có phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo chi phí thực hiện hoàn thành hay không.

CĂN CỨ, PHẠM VI CỦA CUỘC KIỂM TOÁN

1. Căn cứ pháp lý

**/ Văn bản của Quốc hội:*

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 1



- Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư XDCB số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

**/ Văn bản của Chính phủ:*

- Quyết định số 89/2000/QĐ-BVGCP ngày 13/11/2000 của Ban Vật giá chính phủ ban hành Biểu cước vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Quyết định số 49/2007/QĐ-TTg ngày 11/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về các trường hợp đặc biệt được chỉ định thầu quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 101 của Luật Xây dựng.
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004.
- Các Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006, số 97/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ về điều chỉnh mức lương tối thiểu chung;
- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006.
- Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009, Nghị định số 68/2012/NĐ-CP ngày 12/9/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006, Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/05/2008, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.
- Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 và Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Nghị định số 97/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009, số 108/2010/NĐ-CP ngày 29/10/2010, số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011, số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012, số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc trong công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, cá nhân và các cơ quan, tổ chức thuê mướn lao động.
- Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát đánh giá đầu tư.
- Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.
- Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Kiểm toán độc lập.

**/ Văn bản của Bộ Xây dựng:*

- Quyết định số 28/2005/QĐ-BXD ngày 10/8/2005 của Bộ Xây dựng ban hành định mức dự toán xây dựng công trình phần khảo sát;
- Các Thông tư số 07/2006/TT-BXD ngày 10/11/2006, số 05/2009/TT-BXD ngày 15/4/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình;
- Công văn số 920/BXD-KTXD ngày 25/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo mức lương tối thiểu mới từ 01/01/2010;



- Thông tư số 14/2005/TT-BXD ngày 10/8/2005, Thông tư số 12/2008/TT-BXD ngày 07/5/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng.
- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.
- Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng ban hành định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 27/7/2007, số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Thông tư số 08/2011/TT-BXD ngày 28/6/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng một số công việc tư vấn xây dựng.

**/ Văn bản của Bộ Tài chính:*

- Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 về Thuế giá trị gia tăng;
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.
- Các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam thực hiện và vận dụng:
 - + Chuẩn mực 1000: Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
 - + Chuẩn mực 210: Hợp đồng kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 230: Tài liệu, hồ sơ kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 300: Lập kế hoạch kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 320: Mức trọng yếu trong lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 500: Bằng chứng kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 530: Lấy mẫu kiểm toán.
 - + Chuẩn mực 700: Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán.

2. Hồ sơ quyết toán dự án

Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành do Công ty Cổ phần EVN Quốc tế cung cấp cho Kiểm toán viên làm cơ sở để thực hiện cuộc kiểm toán bao gồm các hồ sơ, tài liệu chủ yếu sau đây:

- Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (*xem Danh mục chi tiết tại Phụ lục DMHS*).
- Các Biên bản thương thảo hợp đồng, hợp đồng giao thầu của các gói thầu và các chi phí.
- Hồ sơ quyết toán các hạng mục của dự án.
- Chứng từ kế toán liên quan đến dự án.

3. Phạm vi và công việc kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành bao gồm các nội dung sau:

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý.
- Kiểm tra nguồn vốn đầu tư.

- Kiểm tra chi phí đầu tư:
 - + Kiểm tra các khoản chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn;
- Kiểm tra các khoản công nợ.

Công việc kiểm toán các nội dung trên bao gồm thực hiện các thủ tục kiểm tra trình tự, thủ tục đầu tư của dự án, kiểm tra khối lượng quyết toán các chi phí tư vấn và chi phí khác, rà soát, đối chiếu với dự toán được duyệt, hợp đồng giao nhận thầu, biên bản nghiệm thu...; Kiểm tra việc áp dụng định mức, đơn giá trong quyết toán, đối chiếu với định mức do các cơ quan quản lý chuyên ngành công bố, đơn giá dự toán được duyệt, đơn giá theo hợp đồng...; Kiểm tra chứng từ kế toán và các thủ tục kiểm toán khác mà chúng tôi thấy cần thiết trong từng trường hợp, nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về quá trình thực hiện dự án và số liệu trong báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành.

Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành.

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Sau khi thực hiện thủ tục kiểm tra nói trên, kết quả cuộc kiểm toán như sau:

1. Khái quát chung về dự án

- Tên dự án: Thủy điện Nậm Mô 1.
- Địa điểm đầu tư: Tỉnh Xiêng Khoảng, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế.
- Cấp quyết định đầu tư: Công ty Cổ phần EVN Quốc tế.
- Đặc điểm của dự án:
 - + Ngày 04/3/2010, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thông qua Bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi dự án Thủy điện Nậm Mô 1 tại tỉnh Xiêng Khoảng, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
 - + Ngày 26/10/2010, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế thông qua Nghị quyết 16/NQ-EVNI-HĐQT có nội dung về việc thống nhất chỉ định thầu đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát, lập dự án đầu tư Thủy điện Nậm Mô 1.
 - + Ngày 20/4/2011, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế thông qua Nghị quyết 04/NQ-EVNI-HĐQT có nội dung về việc thông qua dự án đầu tư giai đoạn 1 của dự án Thủy điện Nậm Mô 1 và cho phép triển khai nghiên cứu giai đoạn 2 của dự án.
 - + Ngày 24/7/2013, Bộ Năng lượng và Mỏ - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã gửi Văn bản số 535/MEM.DEPP về việc thông qua nghiên cứu khả thi dự án Thủy điện Nậm Mô 1.
 - + Ngày 28/9/2015, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế đã có Công văn số 198/CV-EVNI-TH gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào đề nghị cho phép thực hiện các giai đoạn tiếp theo để phát triển dự án Nậm Mô 1.
- Dự toán chi phí khảo sát, lập dự án được duyệt: 11.989.990.748 đồng và 384.303 USD.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn cổ phần.
- Danh sách các Nhà thầu chính:
 - + Khảo sát, lập dự án đầu tư: Công ty CP Tư vấn Điện 3;
 - + Chi phí đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000: Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ;
 - + Kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.



2. Hồ sơ quyết toán của dự án

Hồ sơ quyết toán của dự án do Công ty Cổ phần EVN Quốc tế lập đầy đủ theo quy định hiện hành.

3. Hồ sơ pháp lý của dự án

- Các văn bản pháp lý, hồ sơ kỹ thuật liên quan đến dự án đảm bảo tính pháp lý, chấp hành các nguyên tắc, nội dung quy định của các loại văn bản.
- Việc thực hiện dự án của chủ đầu tư, chấp hành các quy định về trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng theo các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Trình tự lập và duyệt văn bản, nội dung các văn bản, thẩm quyền phê duyệt các văn bản phù hợp với các quy định của Nhà nước và Quy chế phân cấp quyết định đầu tư trong Công ty CP EVN Quốc tế.
- Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu “Khảo sát, lập dự án đầu tư” theo hình thức chỉ định thầu đối với gói thầu tư vấn có giá trị là 10.758.322.328 đồng và 298.075 USD là chưa phù hợp với các quy định của Nhà nước về các trường hợp được phép chỉ định thầu tại Điều 20 – Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Chính phủ quy định về đấu thầu. Việc chỉ định thầu này đã được Hội đồng Quản trị Công ty CP EVN Quốc tế thông qua tại Nghị Quyết hợp Hội đồng Quản trị số 16/NQ-EVNI-HĐQT ngày 26/10/2010.
- Việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa Chủ đầu tư với các nhà thầu tư vấn, xây dựng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các điều kiện của gói thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền.

4. Nguồn vốn đầu tư

a. Số liệu về nguồn vốn

Đơn vị: đồng

TT	Tên nguồn vốn	Theo quyết định đầu tư	Thực hiện		
			Theo báo cáo quyết toán	Kết quả kiểm toán	Chênh lệch (+/-)
1	2	3	4	5	6=5-4
1	Vốn Ngân sách	0	0	0	0
2	Vốn Vay	0	0	0	0
3	Vốn Cổ phần	59.818.604.747	7.182.230.643	7.182.230.643	0
*	Cộng	59.818.604.747	7.182.230.643	7.182.230.643	0

b. Nhận xét, thuyết minh

- Giá trị nguồn vốn theo kết quả kiểm toán không chênh lệch với giá trị đề nghị quyết toán.

**5. Chi phí đầu tư***a. Số liệu về chi phí đầu tư*

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán		
			Theo báo cáo quyết toán	Kết quả kiểm toán	Chênh lệch (+/-)
1	2	3	4	5	6=5-4
I	Giá trị trước thuế	58.824.969.148	6.948.859.475	6.948.859.475	0
1	Chi phí xây dựng				
2	Chi phí thiết bị				
3	Chi phí QLDA	40.496.857.000	2.073.674.290	2.073.674.290	0
4	Chi phí tư vấn	18.300.839.421	4.847.912.458	4.847.912.458	0
5	Chi phí khác	27.272.727	27.272.727	27.272.727	0
6	Chi phí dự phòng				
II	Thuế GTGT	993.635.599	248.371.168	248.371.168	0
*	Cộng	59.818.604.747	7.197.230.643	7.197.230.643	0

b. Nhận xét, thuyết minh

- Các khoản mục chi phí được xác định phù hợp với quyết định phê duyệt dự toán và theo đúng hướng dẫn về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng được quy định tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 27/7/2007 của Bộ Xây dựng và Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 và Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Cột dự toán duyệt (cột 3):
 - + Chi phí quản lý dự án: Giá trị chi phí được phê duyệt lấy theo Tổng mức đầu tư đơn vị tư vấn lập;
 - + Chi phí tư vấn đầu tư và chi phí khác được lấy theo Quyết định phê duyệt đề cương dự toán khảo sát lập dự án đầu tư Thủy điện Nậm Mô 1 số 54C/QĐ-EVNI-KH+KT+MT ngày 07/6/2010.
- Chi phí quản lý dự án:
 - + Theo quy định của Bộ Xây dựng tại văn bản số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 về Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình chi phí Quản lý dự án được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) và nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư được duyệt. Đến thời điểm phát hành BCKT này, do Tổng mức đầu tư chưa được phê duyệt nên chúng tôi xác định chi phí quản lý dự án tối đa trên tổng mức đầu tư do Đơn vị tư vấn lập là 40.496.857.000 đồng. Giá trị chi phí quản lý dự án mà Công ty Cổ phần EVN Quốc tế thực hiện trong giai đoạn khảo sát, lập dự án đầu tư là 2.089.584.261 đồng.
 - + Chi phí quản lý dự án đã được Công ty Cổ phần EVN Quốc tế tập hợp, quyết toán theo các khoản chi đã phát sinh và được phân bổ theo quy định. Các chứng từ chi tiêu đảm bảo phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 117/2008/TT-BTC ngày 05/12/2008 và số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính.
- Chi phí tư vấn và chi khác:
 - + Các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác đã được Công ty Cổ phần EVN Quốc tế thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về xác định chi phí. Việc áp dụng định mức tỷ lệ %, đơn giá và các chế độ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng đã ký và phù hợp với dự toán được duyệt.



- + Một số công tác khảo sát giai đoạn 2 có khối lượng nghiệm thu thực tế tăng giảm so với khối lượng theo Hợp đồng 06/2010/HĐ-EVNI-PECC3-KH 01/11/2010. Tuy nhiên, do khối lượng tăng giảm này có giá trị tổng hợp không vượt giá trị dự toán đã được duyệt của EVNI và theo hồ sơ nghiệm thu khối lượng hoàn thành và Bảng xác định giá trị công việc hoàn thành đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu đã xác nhận nên Chúng tôi ghi nhận giá trị các khối lượng này.
- + Chi phí lập dự án đầu tư giai đoạn 2: Đơn vị tư vấn đã hoàn thành công tác lập dự án đầu tư giai đoạn 2 và bàn giao sản phẩm cho chủ đầu tư theo thỏa thuận hợp đồng. Tuy nhiên, các bên đã có biên bản số 35/2012/XNNTKL/ĐAĐT/EVNI-PECC3 ngày 25/12/2012 thống nhất chỉ thanh toán 25% chi phí này so với hợp đồng. Do dự án đầu tư chưa được thẩm tra phê duyệt nên Chúng tôi ghi nhận giá trị quyết toán chi phí này theo biên bản thống nhất trên giữa các bên.

6. Các khoản công nợ

Các khoản công nợ (chi tiết xem Phụ lục 02 đính kèm)

Đơn vị: đồng

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Theo báo cáo quyết toán	Kết quả kiểm toán	Chênh lệch (+/-)
1	2	3	4	5	6=5-4
I	Nợ phải thu		0	0	0
II	Nợ phải trả		15.000.000	15.000.000	0
1	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	Chi phí kiểm toán	15.000.000	15.000.000	0

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được và kết quả kiểm toán nói trên là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu được Công ty Cổ phần EVN Quốc tế cung cấp và kết quả kiểm tra, theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, quá trình thực hiện dự án đã tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và Báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình quyết toán dự án tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo chi phí thực hiện dự án hoàn thành.

Báo cáo kiểm toán độc lập này được phát hành gồm 04 bản chính thức có giá trị như nhau, Công ty Cổ phần EVN Quốc tế giữ 03 bản; Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC giữ 01 bản.



Lê Khắc Minh - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0103-2018-010-1

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu AAC.

Huỳnh Thị Loan - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0203-2018-010-1

BẢNG CHI TIẾT CHI PHÍ ĐẦU TƯ GIỮA QUYẾT TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Công trình: Thủy điện Nậm Mô 1

Hạng mục: Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Tổng hợp dự toán được duyệt			Giá trị đề nghị quyết toán			Giá trị kiểm toán			Giá trị chênh lệch			Chênh lệch so với dự toán	Ghi chú
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế		
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8=6+7	9	10	11=9+10	12=9-6	13=10-7	14=11-8	15=11-5	15
*	Tổng số	75.774.139.367	993.635.599	76.767.774.966	6.948.859.475	248.371.168	7.197.230.643	6.948.859.475	248.371.168	7.197.230.643	0	0	0	-69.570.544.323	
I	Chi phí xây dựng														
II	Chi phí thiết bị														
III	Chi phí quản lý dự án	57.446.027.219	0	57.446.027.219	2.073.674.290	15.909.971	2.089.584.261	2.073.674.290	15.909.971	2.089.584.261	0	0	0	-55.356.442.958	
1	Năm 2009				396.135.931	1.512.857	397.648.788	396.135.931	1.512.857	397.648.788	0	0	0		
2	Năm 2010				484.544.616	3.069.090	487.613.706	484.544.616	3.069.090	487.613.706	0	0	0		
3	Năm 2011				217.023.327	2.142.637	219.165.964	217.023.327	2.142.637	219.165.964	0	0	0		
4	Năm 2012				727.534.238	6.681.115	734.215.353	727.534.238	6.681.115	734.215.353	0	0	0		
5	Năm 2013				248.436.178	2.504.272	250.940.450	248.436.178	2.504.272	250.940.450	0	0	0		
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD	18.300.839.421	990.908.326	19.291.747.747	4.847.912.458	229.733.924	5.077.646.382	4.847.912.458	229.733.924	5.077.646.382	0	0	0	-14.214.101.365	
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	18.300.839.421	990.908.326	19.291.747.747	4.492.394.458	229.733.924	4.722.128.382	4.492.394.458	229.733.924	4.722.128.382	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 1 (Bảng tính số 19/2010/PG-EVNI-KH)				1.106.973.698	110.697.370	1.217.671.068	1.106.973.698	110.697.370	1.217.671.068	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 1 (Bảng tính số 19/2010/PG-EVNI-KH) (5.762USD*19.495)				102.118.355	10.211.835	112.330.190	102.118.355	10.211.835	112.330.190	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 2 (Bảng tính số 22/2012/PG-EVNI-KH)				42.206.923	4.220.692	46.427.615	42.206.923	4.220.692	46.427.615	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 2 (Bảng tính số 22/2012/PG-EVNI-KH)				1.181.853.806	0	1.181.853.806	1.181.853.806	0	1.181.853.806	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 2 (Bảng tính số 22/2012/PG-EVNI-KH) (7.201 USD*20.815)				149.888.815	0	149.888.815	149.888.815	0	149.888.815	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 3 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH)				92.637.612	9.263.761	101.901.373	92.637.612	9.263.761	101.901.373	0	0	0		

TT	Nội dung chi phí	Tổng hợp dự toán được duyệt			Giá trị đề nghị quyết toán			Giá trị kiểm toán			Giá trị chênh lệch			Chênh lệch so với dự toán	Ghi chú
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế		
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8=6+7	9	10	11=9+10	12=9-6	13=10-7	14=11-8	15=11-5	15
-	Phiếu giá thanh toán số 3 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH)				61.895.464	0	61.895.464	61.895.464	0	61.895.464	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 3 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH) (29.496USD*20.880)				615.876.480	0	615.876.480	615.876.480	0	615.876.480	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 4 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH)				953.402.662	95.340.266	1.048.742.928	953.402.662	95.340.266	1.048.742.928	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 4 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH)				105.771.768		105.771.768	105.771.768	0	105.771.768	0	0	0		
-	Phiếu giá thanh toán số 4 (Bảng tính số 05/2013/PG-EVNI-KH) (3.785USD*21,075)				79.768.875		79.768.875	79.768.875	0	79.768.875	0	0	0		
2	Chi phí đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000				355.518.000	0	355.518.000	355.518.000	0	355.518.000	0	0	0		
V	Chi phí khác	27.272.727	2.727.273	30.000.000	27.272.727	2.727.273	30.000.000	27.272.727	2.727.273	30.000.000	0	0	0	0	
I	Chi phí kiểm toán	27.272.727	2.727.273	30.000.000	27.272.727	2.727.273	30.000.000	27.272.727	2.727.273	30.000.000	0	0	0		
VI	Chi phí dự phòng														

* **Ghi chú:**

- Giá trị dự toán được duyệt theo Quyết định phê duyệt đề cương dự toán khảo sát lập dự án đầu tư Thủy điện Năm Mô 1 số 54C/QĐ-EVNI-KH+KT+MT ngày 07/6/2010 của Công ty CP EVN Quốc tế.

Chủ nhiệm Kiểm toán



Phan Thị Minh Thảo

Ban Kiểm soát chất lượng dự án
Giám đốc kiểm soát



Huỳnh Phạm Ngọc Trung

BẢNG CHI TIẾT TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÁC KHOẢN CÔNG NỢ

(Xác định đến ngày khóa sổ lập Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành)

Công trình: **Thủy điện Nậm Mô 1**Hạng mục: **Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn**

Đơn vị: đồng

TT	Tên đơn vị, cá nhân thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị kiểm toán	Giá trị đã thanh toán	Khoản công nợ quyết toán		Khoản công nợ kiểm toán		Chênh lệch các khoản công nợ	
						Nợ phải trả	Nợ phải thu	Nợ phải trả	Nợ phải thu	Nợ phải trả	Nợ phải thu
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng		7.197.230.643	7.197.230.643	7.182.230.643	15.000.000	0	15.000.000	0	0	0
1	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	4.722.128.382	4.722.128.382	4.722.128.382	0	0	0	0	0	0
2	Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV	Chi phí đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000	355.518.000	355.518.000	355.518.000	0	0	0	0	0	0
3	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Chi phí quản lý dự án	2.089.584.261	2.089.584.261	2.089.584.261	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	Chi phí kiểm toán	30.000.000	30.000.000	15.000.000	15.000.000	0	15.000.000	0	0	0

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁNCông trình: **Thủy điện Nậm Mô 1**Hạng mục: **Chi phí quản lý dự án và Chi phí tư vấn**

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
I	HỒ SƠ PHÁP LÝ CHUNG							
1	Công văn gửi Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào về việc tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần EVN Quốc tế được đầu tư dự án Thủy điện Nậm Mô 1, công suất 62MW tại tỉnh Xiêng Khoảng, nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào	1510/BKH-KTĐN	10/03/2009	Bộ Kế hoạch Đầu tư - Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam				
2	Biên bản thỏa thuận hợp tác		02/04/2009	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Mục đích hợp tác: Hai bên sẽ dựa vào lợi thế của nhau để cùng xúc tiến các thủ tục ký Bản ghi nhớ, nghiên cứu đầu tư dự án Thủy điện Nậm Mô							
-	Nội dung hợp tác: + Chi phí tìm kiếm, làm việc và xúc tiến các thủ tục để được giao dự án, dự kiến 60.000 USD, mỗi bên góp 50% + Công ty CP EVN Quốc tế cam kết lựa chọn Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 là đơn vị tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật cho dự án, cam kết lựa chọn Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 là đối tác tham gia cùng đầu tư							
3	Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi dự án		04/03/2010	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
4	Nghị quyết hợp hội đồng quản trị về việc Công ty CP EVN Quốc tế	16/NQ-EVNI-HĐQT	26/10/2010	Công ty CP EVN Quốc tế				
	<i>Thống nhất phê duyệt chỉ định thầu công tác "Khảo sát, lập dự án đầu tư" 02 dự án Thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào và Thủy điện Se Kong tại Campuchia</i>							
5	Nghị quyết hợp hội đồng quản trị về việc Công ty CP EVN Quốc tế	04/NQ-EVNI-HĐQT	20/04/2011	Công ty CP EVN Quốc tế				
	<i>Thông qua dự án đầu tư giai đoạn 1 của dự án Thủy điện Nậm Mô 1 và Thủy điện Se Kong, cho phép triển khai nghiên cứu giai đoạn 2 của dự án.</i>							
II	HỒ SƠ CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN							
1	Các quyết định phê duyệt dự toán chi phí QLDA hằng năm						57.446.027.219	
	Năm 2009	19/QĐ-EVNI-HĐQT	03/04/2009				28.148.780.617	

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
	Năm 2010			Công ty CP EVN Quốc tế				
	Năm 2011	24/QĐ-EVNI-HĐQT	31/05/2011				1.209.582.602	
	Năm 2012	17/QĐ-EVNI-HĐQT	29/06/2012				20.140.437.000	
	Năm 2013	06/QĐ-EVNI-HĐQT	24/04/2013				7.947.227.000	
2	Các chứng từ chi phí QLDA							
3	Bảng phân bổ chi phí QLDA cho các dự án							
4	Tổng giá trị chi phí QLDA đề nghị đến thời điểm năm 2013				2.073.674.290	15.909.971	2.089.584.261	
II HỒ SƠ CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ								
II.1 Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư								
1	Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán khảo sát lập dự án đầu tư	54C/QĐ-EVN-KH+KT+MT	07/06/2010	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
-	Dự toán						11.989.990.748	đồng
							86.025	USD
2	Biên bản thương thảo hợp đồng		24/08/2010	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
3	Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu	30/QĐ-EVNI-HĐQT	27/10/2010	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
-	Đơn vị được chỉ định: Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3							
-	Giá trị hợp đồng						10.578.322.328	đồng
							298.075	USD
-	Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định, tỷ lệ % và khoán gọn							
-	Thời gian thực hiện: Giai đoạn 1 hoàn thành trong năm 2010; Giai đoạn 2 triển khai sau khi có ý kiến của Hội đồng quản trị và nghiên cứu báo cáo phía Lào giãn tiến độ đến năm 2011 - 2012							
4	Hợp đồng	06/2010/HĐ-EVNI-PECC3-KH	01/11/2010	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Giá trị hợp đồng						10.578.322.328	đồng
							298.075	USD
-	Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định, tỷ lệ % và khoán gọn							
	*/ Hợp đồng theo đơn giá cố định áp dụng cho các công việc:							
	+ Khảo sát lập dự án đầu tư							
	+ Đo đạc bản đồ tỷ lệ 1/10.000 bằng phương pháp ảnh hàng không							
	*/ Hợp đồng theo tỷ lệ % áp dụng cho các công việc:							
	+ Lập dự án đầu tư - Giai đoạn 2							
	*/ Hợp đồng khoán gọn áp dụng cho các công việc:							
	+ Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường tự nhiên và xã hội							

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
	+ Điều tra đánh giá mức độ thiệt hại sơ bộ phục vụ lập dự án đầu tư							
	+ Các công tác phục vụ khảo sát: Chuyển quân khảo sát, thuồng phòng sốt rét, kho tạm, đèn bù,...							
	+ Lập dự án đầu tư giai đoạn 1							
	+ Thu thập bản đồ, mua tài liệu,...							
	+ Dịch hồ sơ sang tiếng Anh							
-	Thời gian thực hiện: Giai đoạn 1 hoàn thành trong năm 2010; Giai đoạn 2 trước tháng 9/2011							
3	Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán khảo sát thủy văn giai đoạn 2	78/QĐ-EVNI-KT+KH	01/08/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
-	Dự toán						21.189.018 đồng 435 USD	
4	Phụ lục hợp đồng	07/2011/PLHD-EVNI-PECC3-KH	05/12/2011	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Điều chỉnh điều khoản tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu 1.000.000.000 đồng để thực hiện giai đoạn							
-	Điều chỉnh tiến độ hoàn thành và giao nộp DADT - GD 2: Trước ngày 25/3/2012							
5	Phụ lục hợp đồng	05/2012/PLHD-EVNI-PECC3-KH	11/07/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Bổ sung giá trị phát sinh ngoài hợp đồng						30.855.796	
-	Điều chỉnh giảm giá trị khối lượng không thực hiện						-17.355.650	
6	Phụ lục hợp đồng	10/2012/PLHD-EVNI-PECC3-KH	03/12/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh giá trị hợp đồng trên cơ sở chỉ tính thuế VAT cho các công việc thực hiện tại Việt Nam						9.942.803.535 đồng	
-	Giá trị hợp đồng sau điều chỉnh						298.075 USD	
7	Quyết định phê duyệt dự toán chi phí hội họp, báo cáo các Bộ Ngành Lào về dự án đầu tư xây dựng Thủy điện Nậm Mô 1	93/QĐ-EVNI-KT	26/08/2013	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
-	Dự toán chi phí						105.771.768 đồng 3.785 USD	
8	Hồ sơ nghiệm thu và quyết toán			Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3				
-	Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán kèm theo các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	19/2010/PG-EVNI-KH	29/12/2010				1.217.671.068 đồng 5.762 USD	
-	Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán kèm theo các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	22/20102/PG-EVNI-KH	27/12/2012				1.228.281.421 đồng 7.201 USD	
-	Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán kèm theo các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	05/2013/PG-EVNI-KH	15/04/2013				163.796.837 đồng 29.496 USD	
-	Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán kèm theo các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	05/2013/PG-EVNI-KH	10/10/2013				1.154.514.696 đồng	

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
	bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	09/2015/HĐ-EVN-KH	10/10/2015				3.785	USD
II.2	Chi phí đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000							
1	Hợp đồng	08/2011/HĐ-EVNI-TĐBD-KH	28/11/2011	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ				
-	Nội dung công việc: Thực hiện đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 cho 02 dự án Thủy điện SeKong và Thủy điện Nậm Mô I							
-	Giá trị hợp đồng						3.581.106.100	đồng
	<i>Trong đó, dự án Thủy điện SeKong</i>						3.190.036.300	đồng
-	Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định kết hợp khoán gọn và tỷ lệ %							
	<i>Hợp đồng theo đơn giá cố định: Bay chụp và lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000</i>							
	<i>Hợp đồng theo đơn giá khoán gọn: Di chuyển quân</i>							
	<i>Hợp đồng theo tỷ lệ %: Lân trại và lập phương án, viết báo cáo</i>							
-	Tiến độ: 70 ngày							
2	Công văn về việc bổ sung và hoàn thiện tài liệu bản đồ khép kín đến phạm vi cao độ 66 của dự án Thủy điện SeKong		17/03/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
3	Phụ lục hợp đồng	09/2012/PLHĐ-EVNI-TĐBD-KH	30/11/2012	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ				
-	Điều chỉnh giá trị hợp đồng						4.252.289.000	đồng
	<i>Trong đó, dự án Thủy điện SeKong</i>						3.896.711.000	đồng
4	Hồ sơ nghiệm thu và quyết toán			Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Xí nghiệp chụp ảnh hàng không - Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ				
-	Biên bản nghiệm thu thành phần công tác khảo sát ngoài hiện trường		20/07/2012					
-	Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành	30/2012/NTHT/EVNI-XNCAHK	22/11/2012					
-	Bảng quyết toán				4.005.677.000	198.817.579	4.204.494.579	
	<i>Trong đó, dự án Thủy điện Nậm Mô</i>				355.518.000	0	355.518.000	
III	HỒ SƠ CHI PHÍ KHÁC							
	Gói thầu: Kiểm toán chi phí thực hiện (chung cho 03 dự án: Thủy điện Nậm Mô I; Thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Thủy điện Sê Kông)							
1	Thư mời kiểm toán	496/EVNI-TCKT	25/11/2020	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế				
2	Thư chào giá của các đơn vị							
-	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế ATAX						150.000.000	
-	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế A & C						155.000.000	

TT	Văn bản			Cơ quan ban hành	Giá trị			Ghi chú
	Tên văn bản	Ký hiệu, số	Ngày		Trước thuế	Thuế VAT	Giá trị	
1	2	3	4	5	6a	6b	6	7
-	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC						145.000.000	
3	Biên bản thương thảo hợp đồng		26/11/2020	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC				
-	Giá trị hợp đồng thương thảo						120.000.000	
4	Hợp đồng kiểm toán	1080/2020/HDKT-AAC	30/11/2020	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC				
-	Giá trị hợp đồng (chung cho 03 dự án)				109.090.909	10.909.091	120.000.000	
	<i>Trong đó, dự án Thủy điện SeKong</i>				27.272.727	2.727.273	30.000.000	
-	Hình thức hợp đồng: Trọn gói							
-	Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán							

NG *